

NEUROTONIC

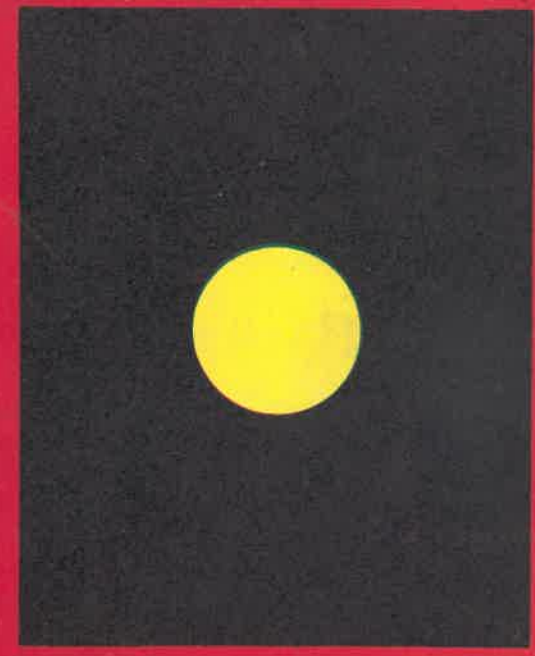


NEUROTONIC
CÔNG HIỆU NHƯ THẦN

DU LỊCH THÔNG

wason
AP 95
V6 P57

m-đọc. Chù-bút : Nguyễn-Vỹ



251

tap-chí văn-hóa việt-nam và quốc-tế

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP. PHAN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHO BIÊN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Giám-đọc, Chủ-bút ; Nguyễn-Vũ

Tòa-soạn : 231 đường Phạm-ngũ-Lão — Saigon — ĐT 25861

Năm thứ XII — số 251 — 15-8-1970

1 — Pnon — Penh sau cơn khói lửa Nguyễn-Vũ	6	—	10
2 — Cùng giở một trò khỉ với nữ giới VN	Đông-Tùng	11	— 14
3 — Hát dặm Nghệ Tĩnh	Đông-Tùng	15	— 18
4 — Võ thuật	Trần-luấn-Kiệt	19	— 24
5 — Men đắng (truyện ngắn)	Thùy-An	25	— 32
6 — Tiếng than muôn loài (thơ)	Lương-chiêm-Trình	33	
7 — Nền mỹ thuật cổ-đô-Huế	Tin-Khanh	34	— 43
8 — Gặp nhau trên đất Trung lập (dịch)	Bài-Quân	44	— 48
9 — Mù đêm tương lai (thơ)	Lê-tường-Dũng	49	
10 — Một bà mẹ hộ sinh	Nguyễn-tấn-lộc	50	— 51
11 — Án sát Thu-ngọc-Lương	Thái-Bạch	52	— 54
12 — Lang thang (thơ)	Nguyễn-đắc-Ngân	55	
13 — Nhật bản mùa hè (thư Nhật)	Trần-văn-Quang	56	— 61

14 — Phước-quốc-Cống HỒ-văn-Bôi	Ái-Lan	62 -- 65
15 — Nha trang (thơ)	Ngọc-thùy-Khanh	66
16 — Diên niên ích thọ châu	Ái-Lan	67 — 69
17 — Chiều buồn xuống (thơ)	Điệp-Vũ	70
18 — Bức tường (truyện ngắn)	Ng-hữu-Trọng	71 — 79
19 — Đơn kêu oan của nàng kiều	Ái-Lan	80 — 81
20 — Một tác phẩm để đặt giải văn chương	Lan-Đình	82 — 84
21 Phú kể sĩ nghèo	Ái-Lan	85 — 88
22 — Truyện bằng Chey	Lê-Hương	89 — 105
23 — Giải Nobel khoa học	Chu-minh-Thụy	106 — 110
24 — Lễ nghinh ông	Lan	111 — 115
25 — Thơ và thơ mới	Nguyễn-quang-Tô	116 — 121
26 — Hồ xuân Hương	Nguyễn-Vỹ	122 — 124
27 — Thơ lên ruột	Diệu-Huyền	125 — 127

- Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự tiện trích đăng những bài trong tạp-chí **PHỔ-THÔNG**, nhưng yêu cầu đề rõ xuất-xứ: «Trích tạp-chí **PHỔ-THÔNG**» và đừng viết tắt.
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- ★ Copyright by **PHỔ-THÔNG**, printed in Việt Nam.

P.T.

PNOM-PENH

Sau cơn ác mộng...

★ NGUYỄN-VỸ

N GƯỜI qua lại khá đông. Tất cả đều là Miên, trừ một số Hoa-kiều cũng nói tiếng Miên. Một hai người Ấn-độ. Không bóng dáng một người Mỹ nào cả. Anh, Pháp, Nhật cũng không. Tôi là người Việt-Nam có độc trong khung cảnh thân thoai này, lạc loài giữa những đền đài, chùa, tháp, lặng-lẽ dưới bóng rợp tàn xanh.



Nhưng, kia hai cô gái Miên, độ 17, 18 tuổi, mặc đồ nhà binh, thấp thoáng bên cạnh một Stupa to lớn như một chiếc vương miện cổ kính chớp nhọc chia lên trời xanh thẳm. Tôi chào bằng tiếng Việt, đoán chắc rằng tất cả người Miên đều biết nói tiếng Việt. Nhưng một cô nhìn tôi, hỏi bằng tiếng Pháp :

— Vous parlez français ?

(Anh nói tiếng Pháp không ?)

Tôi hơi ngạc nhiên, đáp :

— Si cela vous faisait plaisir...

(Nếu cô muốn thế)

— Vous êtes Vietnamien ? (anh là người Việt-Nam ?)

— Justement, et c'est pour cela que je préférerais causer vietnamien avec vous.

(Đúng, và chính vì thế nên tôi thích nói chuyện với cô bằng tiếng Việt hơn)

— Vous ne parlez pas cambodgien ?

(Anh không nói được tiếng Miên ?)

— Tiếng Miên đẹp lắm, nhưng tôi ở Saigon ít có dịp học tiếng Miên... Có lẽ một ngày nào đó...

— Anh đi du-lich ?

—Ồ, không. Tình-thế của xứ cô cũng như của xứ tôi, không có những điều kiện thuận tiện để đi du-ngoại. Chẳng nào hết chiến-tranh, chắc chắn tôi sẽ đi thăm Cambodge một vài tháng. Hiện nay tôi đến đây để quan sát, và tìm hiểu những biến chuyển của tình-hình...



— Anh đã thấy như thế nào ?

— Có một điều trái ngược khiến tôi rất ngạc nhiên. Thủ đô Pnom - Penh hoàn toàn yên tĩnh, và duyên dáng trong khung cảnh thơ mộng của nó, nhưng hầu hết những thanh niên và thanh nữ đều mặc đồ nhà binh... Xin lỗi cô, có phải bộ quân phục này là do chính phủ của cô bắt buộc ?..

— Không. Chúng tôi tình nguyện đi lính để đánh C.S. đấy chứ. Shianouk khuyến khích cho Việt-Cộng và Bắc

Hai cô sinh viên thanh-nghệ
quân

Việt xâm lăng đất nước chúng tôi, cho nên Quốc-Hội chúng tôi đã truất phế Shianouk và tất cả chúng tôi là thanh niên, thiếu nữ phải nghỉ học, để đi lính đánh đuổi Việt Cộng và Bắc Việt ra khỏi biên giới Cambodge.

— Hay lắm. Các bạn là những thiếu nữ yêu nước. Và các cô mặc quân phục, đẹp lắm, oai lắm. Cô là nữ sinh ?

— Vâng, nữ sinh viên.

— Tôi thấy trên các đường phố nhiều cô gái mới độ 14 15 tuổi, cũng mặc đồ nhà binh... Tôi cũng thấy nhiều cậu con trai 13, 14 tuổi, mặc quần áo lính, bên hông đeo con dao nhọn. Có phải đó là đồng phục hiện nay của học sinh, sinh viên nam nữ Khmers ?

— Vàng, tất cả đều là lính tình-nguyên.



Đây, trên đường phố Vithei Khampuchia Krom, một nữ-sinh 16 tuổi, binh-nhì, đầu đội mũ chai cùng một màu xanh-đậm với quân-phục, chiếc ceinturon to-trông xệ xuống dưới bụng, quần có bốn túi ngoài. Tay xách một bọc đồ dùng với một chùm trái chôm chôm mua ở chợ.

• Những đồ quân nhu được bày bán rất nhiều trên bờ lề các phố chung quanh chợ Pnon-penh ; áo, quần, đủ các binh-chủng, của Mỹ và của Việt-nam, dao poignard sắc bén để ngoài hoặc đựng trong bao da, giày thắt-lưng ceinturon, nón sắt, mũ chai, v.v.. các binh.sĩ, và thanh-niên, thiếu nữ, tự-do lựa-chọn mua dùng. Không biết thị-trường này đo từ đâu đưa tới, từ vài ba tháng nay.

Tôi hỏi cô Cheat Chlung :

— Tôi thấy nhiều cô mặc quần lính Mỹ, nhưng áo sơ-mi hở ngực... đó cũng là Nữ-binh ?

— Dạ, trời nóng-nực, mấy chị đó đi chơi ngoài phố có thể mặc như vậy.



— Các cô đã có ai ra trận chưa ?

— Có chứ ! Chúng tôi đã có nữ anh hùng Diep Vanara, nữ-sinh trung-học Siemréap, chống cự với quân thù Việt-Cộng, và đã chết-danh dự trên chiến trường. Chị em chúng tôi sẵn sàng tiếp tục hy sinh xương máu để cứu nước Cam-bodge, theo gương Diep Vanara.



Nữ-sinh Miền tình nguyện vào Hồng Thập Tự.

(Còn nữa)



Cùng giở' một trò khỉ với NỮ GIỚI VIỆT-NAM

Mã-Viện Tàu thành công ; Tây Sogny lại thất bại.

●●● ĐÔNG-TÙNG

TRONG những nguyên nhân thất bại của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng, cuộc cách mạng giải phóng dân tộc đầu tiên của Việt-Nam vào thế kỷ I, có một vấn-đề thuộc chiến thuật, hay nói cách khác là một trò khỉ của tên tướng già Mã-Viện, đã giở ra cho nữ giới Việt-Nam, mà gã đã thắng :

Sử ký chép rằng : Hai Bà Trưng sau khi khởi nghĩa đánh đuổi tên thái thú bạo tàn về Tàu, lên làm vua 2 năm. Vua Quang-Võ nhà Đông-Hán sai một tên tướng già là Mã-Viện

kéo đại binh sang tái chiếm Việt Nam.

Thoạt kỳ thủy, đội quân hung hăng của Viện bị thua liên tiếp trước sức chiến đấu anh dũng của đội nữ quân Hai Bà. Nhưng Viện là một tay bỡm già, đầy mưu ma chước quỷ, nên gã đã giở ra một trò rất con khỉ như sau đây để chiến thắng nữ quân Hai-Bà.

Sở là sau khi quân Viện bị thua liên tiếp 2 trận, gã bắt quân gã cởi truồng hết quần áo mới cầm khí giới lâm chiến làm cho đội nữ quân Hai Bà trông thấy phải xấu hổ,



gương ngưỡi quay đi, làm cho nhuộm khí lúc ban đầu bị mất. Lợi dụng dịp này, Viện thúc quân xông tới, đội nữ quân Hai Bà bại trận.

Bà Trưng rút quân về Cầm-Kê (nay thuộc tỉnh Vinh-yên, Bắc Việt) Địch tràn tới, Hai Bà thúc quân chống lại oanh liệt, lúc ban đầu quân Viện không sao địch nổi, cuối cùng Viện lại giở cái trò khi ấy ra một lần nữa, ấy thế mà đội nữ quân anh dũng của Hai Bà vẫn cứ bị trúng gian kế rồi thua.

Thua trận này, nghĩa quân cứ xuống giốc mái để đi tới tan rã.

Trong tập phê bình cò đại danh tướng Trung-hoa của tác giả Ủy-Mân-Hào, một sử giả đời Tống có viết :

«Phục Ba Tướng quân (hiệu của Mã Viện) trong trận đánh dẹp nữ Trưng-Vương ở Giao-Chỉ, thiệt ra cũng không có một trí mưu nào đáng kể cả, mà ông đã thành công vào một quý kế khi biết khai thác tận dụng một thói quen của nữ giới xứ này.

«Tuy nhiên, lấy một nước lớn như Trung-Hoa, mà chinh phục một nước nhỏ như Giao-Chỉ, mà phải dùng tới một quý kế hạ cấp như thế, không phải là một điều không đáng chê đối với một danh tướng như Phục Ba Tướng quân. Việc làm của ông không những chỉ nhục cho cá nhân ông mà làm nhục lây tới dân-tộc Trung-Hoa, một nước lớn ở Đông - phương, từng nổi danh là một dân tộc văn trị.



CÙNG GIỜ MỘT TRÒ KHI ẤY NHƯNG TÂY SOGNY THÌ THẤT BẠI

SOGNY. Tổng Điam-Đốc Liêm phóng Trung-kỳ ở Huế, một trong những tay bợm già thực-dân Pháp ở Đông-dương.

Năm 1930, ở Huế, có một nữ sinh ở nữ trường Đồng-Khánh, tên là Nguyễn - Thị-Bạch-Lài, con gái một vị quan trong triều đình Huế, nguyên quán người huyện Nam đàn, tỉnh Nghệ-an. Cô Lài là một nữ đảng viên của một chính đảng cách mạng chống Pháp hồi đó.

Khi Cô bị bắt, sở mật thám Huế dùng cực hình tra tấn, Cô Lài không chịu đầu hàng và thú nhận. Nhân viên ban khai thác của sở mật thám Huế mới trình nộ vụ lên Sogny, gã nói :

— Các anh đừng mặc tôi, tôi không cần đánh một roi mà elle cũng sẽ phải nói hết. Nhân viên của gã đang hồi hộp trông chờ ngón cao tay của quan thầy họ.

Sáng hôm sau Sogny cho dẫn cô Lài vào văn phòng gã. Đầu hết gã cũng hỏi lảng nhảng

như những người khai thác trước đó. Nhưng cô Lài vẫn cứ giữ vững lập trường cũ. Cuối-cùng Sogny truyền lệnh : cho một số nhân viên của gã thảo luận kế hoạch từ trước. Bọn người mật thám đó trước hết cởi hết quần áo của Cô Lài trần truồng như con nhộng, và hỏi :

— Bây giờ mày có chịu nói thiệt không ? nhưng cô Lài vẫn không nói. Cuối cùng Sogny tiến thêm bước nữa, đó là việc bọn người mật thám của Sogny tự cởi luôn áo quần họ rồi giở hay trò hiệp dâm trong văn phòng. Nhưng Cô Lài cứ để mặc cho chúng. . . .

Cuối cùng Sogny trông vào mặt cô Lài và nói :

— Mày là con gái của một vị quan lớn, một nữ sinh ở giữa cái đất Thần-kinh này, lỏa lồ ra như thế, mày không biết xấu hổ sao mày ?

— Cô Lài thản nhiên trả lời :

— Nếu có xấu hổ, hay phải xấu hổ, thì là ông, chứ không phải là tôi, việc làm phi nhân của ông không những chỉ xấu

cho cá nhân ông đã dành, mà còn bồi lộ lên danh dự lịch-sử nước Pháp một dân-tộc từng có hai ngàn năm văn-minh Tây phương.

Sogny thẹn đỏ mặt, đứng dậy mở cửa cút sang phòng khác, sau đó gã ra lệnh giữ kín chuyện này.

Nhận xét của chúng tôi

Thiệt ra hai việc làm của Tàu Mã-Viện và Tây Sogny, chúng ta khó thấy được chỗ hơn kém. Nhưng sự thành và bại của Tàu và Tây, chính do nữ giới Việt-Nam ta dẫn tới.

Mã-Viện sở dĩ thành công, là do đội nữ binh Hai Bà không đạt lý, trước một quốc gia đại sự, trước một kẻ thù không đội trời chung, trước sự tồn vong của đất nước giống nòi, mà lý trí các bà không vượt nổi một thói quen. Cho hay cái thói quen nguy hại không phải là vừa.

Tên Tây mặt thám Sogny sở dĩ thất bại là vì gã gặp phải một đối thủ — Cô Nguyễn-thị-Bạch-Lài — là một người rất đạt lý, nghị lực, đủ can

đảm vượt lên tất cả những thói quen tầm thường trước một sứ mạng của đất nước, giống nòi giao phó.

Có lẽ cũng vì nhận thức sai lầm như Sogny năm 1930, cho nên bọn tướng tá Pháp chỉ huy trong chiến cuộc tái chiếm Việt-Nam năm 1945-1954 đã cố ý dung túng cho bọn lính Lê-dương, Ma-rốc và ngụy quân thi hành thủ đoạn giã man hiếp dâm phụ nữ, mà họ cho là một biện pháp khủng bố rất thân kỳ, đồng thời gây hào hứng cho bọn lính đánh thuê. Nhưng họ không biết rằng: Những hành động giã man bỉ ổi như thế, là cuộc xéng dề đào lỗ chôn họ, chôn luôn cả ý đồ xâm lược cướp nước của họ.

Phụ nữ Việt-Nam ở thế kỷ 20 không phải là phụ nữ Việt-Nam ở thế kỷ 1.

Mong rằng mọi người phải hiểu như thế, để khỏi phải bẽ cái lăm, hối hận không kịp.

ĐÔNG-TÙNG

HÁT DẠM NGHỆ - TÌNH trong văn chương bình dân (Cách mạng) Việt-Nam

Lê-Trọng-Đôn, Phan-Bội-Châu, Ngô-Đức-Kể, Lê-Văn-Huân, Cự Tín-Thầu

●●● ĐÔNG-TÙNG

(tiếp theo P.T. 250)

ĐỒNG thời với bài về «Cậu Âm Ninh» kể trên, ở làng Quang Chiêm, cũng thuộc phủ Đức thọ (Hà tỉnh) có một thôn nữ vô danh cũng sáng tác một bài tương tự :

Cầu ngu Trung-lễ xưa nay (1)
Thay thời đổi thế anh tài
nổi lên
Chợ (thấy) Mừng về tới
Cầm-Xuyên
Ba tháng rày ngo ngàn

Dân ta cầu khẩn
Được năm bảy mùa liền
Văn thân đã nổi lên
Tây nhập thành tỉnh Nghệ
Kẻ đồ mưu xuất kế
Ai ai cũng như ai
Nam bắc với đồng đoài
Văn thân đồng một bụng
Các quan đồng một bụng
Nhà giàu năm bảy thúng
Bá hộ đời ba ngàn
Kẻ vô số lạc quyền
Lên Đại đồn khởi mộ

Giữ (bây giờ) ông Bang xuất
 của (2)
 Mộ hai vệ Trường, Yên (3)
 Đặt ông vị tác tiền
 Khen anh tài võ nghệ
 Rành anh tài võ nghệ
 Kéo về làng Trung-lễ
 Phu tưng chức địa đầu
 Rèn đúc bấy nhiêu lâu
 Chưa đủ đồ khi giải (giới)
 Ai ai mà nỏ (không) hải (sợ)
 Lên trường tập mà coi (xem)
 Thiếu linh thì đời
 Thiếu lương thì lĩnh
 Kể chạy ngoài mộ lĩnh
 Đã được trên một nghìn
 Đường núi Giẻ (4) kéo lên
 Đổng Mỹ-Xuyên (5) một nửa
 Đổng Đổng-Hòa (6) một nửa
 Đầu canh năm sắp sửa
 Cơm nước vừa xong xu...
 Nghe trống dục ba hồi
 Quan truyền cho các đội
 Quan lại truyền các đội:
 Mỹ Xuyên có Đội Thoại (7)
 Mỹ Chẽ sẵn Đội Xuyên (8)
 Cứ đường đất kéo liền
 Lên Đội Chanh, Đội Trạch
 (9)
 Đội nghĩa quân rầm rập

Kéo qua xã Hằng Nga (10)
 Kéo vô huyện Thạch Hà
 Qua lòng Trung, lòng Đậu
 (11)
 Hẹn ba ngày phải thầu
 Yết thị dân khắp thành
 Các hàng quán xung quanh
 Đều chưa ai biết cả
 Chưa người nào biết cả
 Nghe ba tiếng «da... há» (12)
 Quán ra khắp đường quan
 Ông Bô đã khôn ngoan
 Đề binh lên chưa kịp
 Bốn phía thành kín mít
 Quán lại lọt vào trong
 Quán lính đã một lòng
 Cờ Càn Vương đổ chổi.
 Nghe ba tiếng ống gọi
 Quan lớn xuống tận nơi
 Ba ngựa với hai voi
 Ngọn cờ bay phất phời
 Bay ngọn cờ phôi phôi
 Quan truyền cho các đội
 Cứ nghỉ ngơi ba ngày
 Ai chơi nhởi mặc ai
 Lương tiền ta cứ lĩnh
 Đặt một quan giữ tỉnh
 Đề an thổ, an dân
 Còn quan lớn trầy (13) lên
 Tận nhà Vua bái mạng
 Vàng Vua thưởng mười lạng
 Rồi quan trở về nhà
 Phá Thọ-Ninh cho ra
 Quán Thọ-Ninh cũng chịu
 Quán Thọ Tường cũng chịu

Quán quan Đình thì yếu
 Phó bảng Hạnh bất tề (14)
 Khi đạo rước Tây về
 Là nghĩa quân bỏ chạy
 Đã vói vàng tháo chạy
 Từ Yên-Hồ sắp lại
 Từ Thịnh quả, Trường Xuân
 (15)
 Tây đốt phá đến Tuần
 Khắp chợ Cầu, chợ Hạ (16)
 Giáo Thọ Ninh sang phá
 Cửa lấy hết nhà thiêu
 Vơ vét hết đã nhiều
 Vô thôn Trung lại phá.
 Lên đại đồn lại phá
 Gầm như trong thiên hạ
 Thiếu chi kể anh tài
 Không phải một ta đây
 Xin dân đừng oán thoán
 Dân tự đừng oán thoán
 Chợ không người buôn bán
 Giữ (nay) đại lộ không thông
 hành
 Từ Hà-Nội về Vinh
 Coi chiều như buồn bã
 Ra giếng hai thong thả
 Quan lớn ngồi hiệp nghị binh
 quy
 Có đuôi được giặc đi
 Quan thanh nhan mát mẽ
 Dân thanh nhan mát mẽ
 Tây có tới tỉnh Nghệ
 Rồi Tây cũng bỏ Tây đi
 Nước Nam ta thoát hồi
 Vua ta lên binh trị

Quan anh hùng binh tri
 Đường quan sơn thiên lý
 Đường biển rộng núi cao
 Dân thỏa lòng ước ao
 Được bốn mùa kế tiếp
 Dân canh nông lập nghiệp
 Vui quốc thái dân an
 No ấm và an nhàn
 Tung hô Vua Vạn tuế
 Nước nhà ta Vạn tuế.
 2) NHỮNG BÀI HÁT DẶM
 CỦA PHAN-BỘI-CHÁU
 Trong đại cuộc bảo quốc và
 phục quốc, các nhà cách mạng
 đàn anh trong phong trào Cần
 Vương kháng Pháp, đã mượn
 hình thức Văn chương bình dân
 địa phương Nghệ Tĩnh để tung
 ra những bài vè, bài hát dặm như
 vừa kể.
 Tới khi họ Phan trưởng thành,
 tự nhận lãnh lấy trách nhiệm trước
 lịch-sử, lịch sử Việt-Nam vong
 quốc. Họ Phan không chỉ là một
 nhà cách mạng chính trị, quân sự
 mà còn là một chiến sĩ cách mạng
 Văn hóa nữa. Bên cạnh những
 tác phẩm thuộc văn chương bác
 học, như Lưu cấn huyết lệ, Hải
 ngoại huyết thư, Việt Nam vong
 quốc sử, Ngục trung thư, Song
 tuất tự: , Hà thành liệt truyện,

Tái sinh truyện, Ái quốc ca, Ái chúng ca v...v... bằng chữ Hán, họ Phan cũng không bỏ sót điệu hát dặm Nghệ Tĩnh, một hình thức văn nghệ bình dân địa phương, nơi chôn nhau cắt rốn của cụ.

Hình thức hát dặm này cụ đã sáng tác rất nhiều. xin lược cử vài bài làm thí dụ :

a) Bài về kể chuyện Năm Châu.

Ngày xưa người Việt-Nam đi học chữ Hán, về bộ môn lịch-sử, ngoài sử Tàu và Việt Nam, không học tới lịch-sử một nước nào khác, cho tên lịch-sử thế-giới hết sức lờ mờ.

Từ ngày các cụ hậu Văn-Thân được đọc loại sách mới của Trung Hoa, nhất là bộ «Thái Tây Tân sử» thì lịch sử thế giới đã am tường hơn trước.

(còn nữa)

(1) Câu Ngu, cũng gọi là Cô Ngu, tên một làng ở Đức Thọ.

(2) Bang: Bang Ninh tức Cựu Âm Ninh

(3) Trường là Tổng Yên Trường, Yên là làng Yên-dũng hai địa danh thuộc phủ Hưng-Nguyên (Nghệ An)

(4,5,6) Núi Giẻ, Ủy Xuyên, Đông Hòa : 3 địa danh có nghĩa quân tới đông (trong phủ Đức Thọ)

(7) Nguyễn Thoại : Người Hưng Khê (Hà Tĩnh) chỉ huy nghĩa quân.

(8) Tức Hoàng-bá-Xuyên, một đội trưởng nghĩa quân

(9) Nguyễn Trạch : người Can lộc (Hà Tĩnh) cũng một đội trưởng Nghĩa quân

(10) Hạng Nga : thuộc địa phận Can lộc

(11) Trưng Lương và Đậu Liên đều thuộc huyện Can lộc

(12) Hiệu lệnh tập quân thời xưa : Khi đánh một tiếng trống hay tiếng mõ, thì quân linh kêu «da... há»

(13) Người Nghệ Tĩnh gọi là «trây» tức là đi xa, như «trây» Kinh (đi Huế) «trây» Hà nội v.v...

(14) Nguyễn Hạnh, phó bang Võ (15, 16) Thịnh quá, Trường Xuân, Chợ Cầu, Chợ Hạ là những địa danh trong phủ Đức Thọ, thuộc tỉnh Hà Tĩnh



12 — NGA HỒ THỐI SÀO : dùng cho phía bên hông và hạ bộ.

Như con cọp đói trở về tổ.
(Cái ò).

Tác động :

Ta đang đánh thế Song Long Bào Châu. Mà kẻ địch thoát khỏi dùng chân hoặc tay tấn công ta. Lập tức ta hồi bộ Nga hồ thối sào để giữ vững tư thế chiến đấu.

a) Co đầu gối chân mặt trên đất. Chân trái bỏ ra trụ xuống,

b) Tay mặt xòe ra che trước ngực, tay trái vươn ra xòe ngón tay chặn bên ngoài.

Tác dụng :

Thế này hồ mặt đề dụ địch. Địch đá vào. Ta xoay bàn tay trái chặt vào cổ chân địch.

Tay mặt đánh (chưởng) vào chỗ hồ địch

Chân trái trụ xuống.

Chân phải đá tung lên hướng địch.



**13 — SONG LONG PHỤC
VÂN :**

Thế này gần với Song Long
Bão Châu.

Tác động :

Chân trước khóa bàn chân

ngang. Chân sau thẳng ra.

Tác dụng :

Một tay nắm lấy tóc địch.

Một tay (trái) xòe ra móc vào
mắt địch thủ.



14 — NGẠ HỒ ĐÀ DƯƠNG:

Thế này như thế một con hổ
đôi kéo con dê.

Tác động :

Hai tay nắm lại.

Tay mặt vươn ra trước mặt.

Tay trái nắm lại quặp về phía
sau.

Tác dụng :

Địch tiến công.

Đang đứng ở bộ Nga Hồ Đà
Dương ta liền dùng thế Bình Sa
Lạc Nhận hạ địch như sau :

Chân mặt lui về trụ xuống.

Tay trái khoát từ dưới lên
trên.

Tay mặt xòe chặt vào chân
hoặc tay địch.

Nghiên mình về phía bên mặt.

Đá tạt chân trái vào hông
địch.



15 - Ô LONG NHẬP TỈNH :

Theo thể này gọi là thể rồng
đèn vào giếng.

Tác dụng :

Chân mặt trước. Chân trái sau
như bộ định tấn.

Tay trái vòng lên ôm lấy đầu
dịch thủ.

Tác dụng :

Tay phải chìa ra co bàn tay xòe
lên. Chuyển gân mồm vào cảm
dịch thủ mà bề cỡ.

Chân mặt khóa chân sau dịch.



**16 - BÁCH ĐIỀU QUY
SÀO :**

Thể này có nghĩa là bài chim
về ổ.

Tác dụng :

Tay mặt vươn ra trước.

Tay trái cung vào đề sau.

Mặt hướng về địch.

Chân mặt trụ đứng trước. Chân
trái buông ra sau. Hình như
chim giăng cánh bay. Chân trái
là hình đuôi chim.

Tác dụng :

Địch đánh, hoặc đá tới.

Ta bỏ lui chân trái ra sau.

Tay mặt chặn xuống thất
lưng.

Mình đứng định tấn nghiên
về phía sau.

Rồi dùng thể *Thần Cung
Xa Hứa Điền*.

Nghĩa là vừa lui bộ ra sau, chân
đòn dịch bằng tay mặt, tếu ngay
trả lại một đòn dùng mu bàn tay
mặt đánh vòng lại mặt địch thủ.



17 — SƠN TRUNG CẨM HỒ :

Có ý nói vào chốn núi non mà bắt con Cọp dữ.

Tác động :

Phục xuống lấy ngón chân mặt chịu cả thân sau.

Chân trái co lại duỗi về phía trước.

Tay mặt che sau ót.

Tay trái xòe ra chặn phía dưới (hạ bộ).

Tác dụng :

Đòn này dịch tiến đá. Ta rùng xuống chặn thế đá rồi dùng miếng Nguyệt Lý Tàng Hoa. Đứng vọt lên đánh tay trái vào địch.

Trong lúc ở thế thủ này dịch tiến đá vào ngực.

Lập tức bỏ chân trái qua bên trái.

Tay mặt hốt chân địch.

Đứng lên đá chấu mặt vào hạ bộ địch.

(còn nữa)

CHUYỂN NGÃN

●●● THÙY-AN

MIEN ĐĂNG

CHUYỂN xe lam về Phú Nhuận trưa thứ bảy chật ních những người. Ngồi nép mình tận trong cùng, mồ hôi nhễ nhãi hai bên thái dương, tôi mở sách một cách khó khăn để lấy chiếc mũ soa buộc cao mái tóc. Nắng thật oi, trời đang chuyển mưa. Hơi dầu từ mặt đường hắt lên ngọt ngạt, những chiếc xe gắn máy chạy ngược chiều, tiếng động cơ nổ chói cả tai. Chân trời đằng kia mây đen chùng thấp. Phương ngồi bên cạnh bấm vào tay tôi :

— Chiều nay đi phố không Tâm?

— Để xem sao, tao hơi nhức đầu — Tôi sợ nó giận, nên hứa — nếu chiều khỏe, tao lên mây rồi tự mình đi chơi nghe.

Hai đứa chia tay trước bệnh viện Co-Đốc. Tôi ưỡn oải lê bước trên con đường nhỏ dẫn vào nhà. Thức ăn dành riêng cho tôi được che lòng bàn cẩn thận, cả nhà đã dùng bữa xong và đang sửa soạn nghỉ trưa. Chị Mai đến gần đưa cho tôi tờ giấy nhỏ :

— Ăn vừa ở Nha Trang về. Nó ghé thăm hỏi sáng nhưng em bận đi làm. Ăn viết giấy đề lại cho em đây.

Tôi buông đũa xuống bàn, một niềm vui rộn rã dâng khơi. Gần một năm xa vắng, những lá thư trao gửi không ngăn được niềm luyến nhớ, tôi đếm thời gian qua trên đốt ngón tay mỗi sáng mỗi chiều, mong ngóng mỗi ngày này, ngày Ân mãn khóa Sĩ Quan Hải Quân trở về bên tôi. Để hai đứa thôi buồn, thôi nhớ và thôi mòn mỏi chờ tin nhau.

«Thanh Tâm,

Anh vừa về, đến nhà nhưng không gặp em. Anh có chuyện quan trọng cần nói với em càng sớm càng hay. Chiều nay khoảng bốn giờ, em cho anh gặp tại chỗ hẹn ngày trước. Nhớ đến, anh ơi.»

HOÀNG-ÂN

Tôi gấp vội miếng giấy bỏ vào túi và đứng dậy, mẹ tôi đang nằm trên di-văng lên tiếng :

— Sao con ăn ít vậy Tâm

— Tôi nói dối :

— Hồi nãy chị bạn trong sở mời ăn bánh nên bây giờ hãy còn no mẹ ạ.

Thật ra tôi đang mừng, con đang mừng mẹ ơi, em đang mừng Ân ơi ! Sự vui mừng như giòng sữa ngọt tràn khắp châu thân, mắt lịm thực quản và làm

con đói trong em tiêu tán thật nhanh. Bởi lối sỏi mòn đưa vào Thảo Cầm Viên chiều nay sẽ in bóng em xà anh, nắng vàng sẽ giăng tơ lên mái tóc và chúng ta nhớ đi bằng đầu ngón chân thật nhẹ nhàng để đi tâm hồn nhau bênh bằng hoài trên giòng tinh ái nghe Ân.



Thời gian qua chậm đến sốt ruột. Tôi trở về phòng, con nhức đầu lại đến, tôi nằm lên giường đọc một lần nữa lá thư của Ân, giòng chữ nghiêng nghiêng yêu dấu ru tôi chập chờn vào một giấc ngủ trưa đầy mộng mị. Đồng hồ trên tường thông thả buông ba tiếng, tôi cống quit ngồi dậy, còn sốn, đi cầm bàn là và lại lủ lấy chiếc áo dài nội hóa màu vàng ươm vào người. Ân vẫn thường thích màu vàng, theo anh quan niệm, màu vàng là

màu vương giả và người con gái mặc áo màu vàng trông qui phái hẳn đi. Ngoài cửa sổ, cơn mưa đầu mùa gần dứt hạt, cây lá mướt xanh, mây xám mỏng dần và khung trời trong bừng sáng trên cao.

Thảo Cầm Viên chiều cuối tuần người đi như trầy hội. Tôi bước xuống taxi với dáng dấp thật lạc loài bỏ ngõ, bởi cách một khoảng thời gian thật xa, tôi chưa đến lại chốn này. Có nhiều lần, bạn bè rủ tôi đi chơi và chụp hình nhưng tôi từ chối vì tôi không muốn tới một nơi quen thuộc mà không có Ân bên cạnh, tôi sợ nhớ Ân. Bây giờ, không gian xưa đã có Ân trở lại, vùng hẹn hò xưa sắp ghi dấu Ân và tôi. Thoảng một giây ngỡ ngàng, tôi lấy lại tự nhiên đi về phía cửa vào. Một bàn tay đặt lên vai tôi :

— Tâm khỏi cần mua giấy, chúng mình lại tiệm nước đăng kia nói chuyện tiện hơn.

Tôi ngược lên. Ân của tôi đây rồi. Vẫn mái tóc bồng, đôi mắt êm, không có gì thay đổi, có khác chăng là Ân đen và rắn rỏi hơn trước nhưng nụ cười vẫn ngân đời ru ấm tâm tình. Tôi nhìn Ân thật lâu không

nói, niềm vui tao ngộ đã ngút cao đến nghẹn lời. Tôi lặng lẽ bước bên Ân bằng đôi chân mọc cánh, con đường Nguyễn-Binh-Khiêm mát rượi bóng cây, Nước mưa còn đọng thành vũng trên mặt lộ soi rõ vòm trời xanh lơ in rõ vũng mây trắng xóa, êm ái như từng cụm bông gòn ve vuốt làn da.

Đôi mắt Ân nhìn tôi thật lạ khi hai đứa đối diện nhau trong quán nước, một chút ngập ngừng một chút bối rối nào đó vương vít trên lời anh sẵn đón mời mọc, tôi có cảm tưởng giữa tôi và Ân, có một hững hờ xa lạ đang thành hình.

— Anh Ân, Tâm đang chờ chuyện quan trọng đó. Anh nói đi, đừng quanh quẩn nữa, Tâm sốt ruột lắm rồi.

Ân hơi nhếch mép, anh xoay xoay cốc nước ngọt trong tay, giọng anh ngân và gọn dặt vào tim tôi :

— Tâm, khóa thi ra trường vừa rồi, anh rớt.

— . . .

— Đừng ngắt lời anh. Tâm phải hiểu cho rằng, anh cố gắng lắm mới có thể nói được với em những lời này. Những lời mà

hậu quả sẽ làm cả em lẫn anh đều khổ sở.

Tôi run run :

— Ân ơi, anh đang muốn nói gì vậy? Câu chuyện có ảnh hưởng đến tình yêu của chúng ta không?

Ân không nhìn tôi :

— Chắc chắn là có, có thật nhiều. Bởi Tâm ạ, anh muốn chúng mình nên dừng lại ở đây.

— Kia anh Ân, anh nói gì em không được hiểu?

Ân nắm lấy ngón tay trở của tôi bóp thật mạnh rồi buông ra :

— Anh muốn chúng mình nên trở lại thời nguyên thủy, thuở mới gặp nhau. Đạo đó em xem anh như một người anh đáng kính, thì bây giờ, anh xin trở lại ngôi vị đó, anh xin Tâm xóa bỏ hình ảnh anh ra khỏi tim em.

Tôi buông rơi chiếc thìa xuống đất, nhìn sững Ân :

— Kia, sao anh lại có ý nghĩ như vậy? Sao tự nhiên...

Ân cười buồn :

— Không phải tự nhiên đâu Tâm. Bất cứ sự việc gì xảy ra

cũng đều có nguyên nhân. Anh thì rớt khóa vừa rồi, xấu hổ quá, anh định đi luôn không gặp em nữa.

Tôi ngắt lời anh :

— Sao anh lại đặt vấn đề đậu hỏng ở đây, dù kết quả ra sao đi nữa, em vẫn yêu anh cơ mà.

— Nhưng tự ái của người con trai không cho phép anh tiếp tục yêu em, không cho phép anh nhận chịu sự hy sinh của người anh yêu.

— Hy sinh?

— Phải, một mai kia em sẽ nhận thấy rằng em đã hy sinh cho anh nhiều quá, em đã hy sinh tuổi trẻ của em bên cạnh một chồng không địa vị, em sẽ mắc cỡ với bạn bè.

Tôi tha thiết :

— Đừng Ân, anh đừng đặt tự ái của anh lên trên tình yêu chúng mình. Em yêu anh chứ không phải em yêu địa vị hay tiền tài của anh. Dù anh thi đậu hay hỏng, dù anh là gì đi nữa, em vẫn luôn luôn yêu anh.

Ân cương quyết :

— Ngày mai không phải là hôm nay. Lòng người cũng vậy, bao nhiêu sự kiện bên ngoài sẽ dần dà chi

phối ý nghĩ của em. Rồi đây em sẽ so sánh, em sẽ...

Tôi rướm rướm nước mắt :

— Anh khinh em vậy sao Ân? Em đâu phải là hạng gái ham danh lợi mà anh đánh giá trị em thấp đến thế.

Nghi ngờ thoáng qua, tôi nhìn thẳng vào mặt Ân :

— Hay là... anh đã yêu một người con gái khác, cứ nói thật với em đi Ân, em sẽ rời xa anh ngay.

Ân lặng người trong một giây, anh cầm lấy tay tôi :

— Không bao giờ anh quên được em, Tâm đừng nghĩ bậy!

Tôi khóc thật sự :

— Anh mâu thuẫn lắm, yêu em mà anh lại muốn xa em, muốn gieo khổ cho em, phỏng có lợi gì cho anh đâu.

— Như anh đã nói với em...

— Đó không phải là nguyên nhân chính. Yêu nhau mà tính toán thiệt hơn như vậy chỉ là lợi dụng nhau, Em yêu anh không suy tính, tại sao anh cứ đem vấn đề công danh địa vị ra nói với em; anh cho phép em được nghi ngờ tình cảm của anh.

Ân phác một cử chỉ buông xuôi :

— Em nghĩ thế nào về anh cũng được. Chỉ một mình anh hiểu anh là đủ, anh xin nói lại một lần nữa, anh vẫn yêu em và không bao giờ mang ý tưởng phản bội em.

Tôi cúi đầu không nói, sự giận hờn lẫn tủi thân buồn bã vây quanh. Đến giờ phút này tôi vẫn khôn hiểu gì cả, em vẫn chưa hiểu gì cả Ân ơi! Tình yêu của chúng mình đang nồng đượm, đang ngát hương cơ mà, sao anh vội tìm cách xa lánh vùng thiên đường diễm ảo, sao anh vội quay đi, bỏ lại sau lưng dáng em lạc loài, bờ môi mận đỏ men đầu, bàn tay em khô héo cùng những ngón gầy buồn cổ niu lấy cuộc tình đang rời rã, Anh đã làm cho mộng mơ trong em rời rã, anh đã làm cho ước vọng trong em thoáng chốc tan tành. Sao anh tàn ác thế Ân?

— Ngày mai anh đi Phú-Quốc, Tâm, em có nghe anh nói gì không? Ngày mai tàu anh sẽ rời Sài-Gòn... — Ngày một lát — anh sẽ viết thư cho em, hãy xem anh như anh Hùng vậy, nhé Tâm.

Tôi cắn chặt vành môi đến

rướm máu, nói trong nghẹn ngào :

—Vâng, Tâm chúc anh đi bình yên..

Ân kéo ghế xích lại gần tôi :

— Tâm, em không buồn chứ. Thông cảm cho anh.

Tôi không còn nghe thấy gì nữa. Tự ái của tôi đang bị va chạm. Em không phải là gỗ đá vô tri, anh biết không? Em là con người mà, em có trí óc suy tư, em có tim rung động. Anh đã rủ em phiêu du vào vườn địa đàng say đắm, dư vị ngọt ngào của trái cấm tình yêu còn vương đầu lưỡi thì anh đã ra đi. Anh xem em như một loài hoa dại, một thứ cỏ may hèn kém ven đường, một sáng nào đó, đã trở vương vít chân anh, rất vô tình, rất tội nghiệp, nhưng anh không thương tiếc, anh thản nhiên vứt bỏ những cánh nhỏ mong manh đó trước khi anh tìm về vùng trời mới, vùng trời đó chắc chắn không có em, phải không anh?

Tôi đứng dậy :

— Thôi anh cho phép Tâm về.

Không đợi Ân trả lời, tôi bước nhanh ra đường mặc lời Ân kêu gọi đằng sau Tâm chờ anh đưa về.

Hoàng hôn đã bắt ngát không gian. Hàng cột đèn lạnh lùng buông những giọt ánh sáng vàng vọt rơi trên vai, tôi đi như chạy trốn. Một chiếc taxi ngừng bên cạnh Về đầu cò. Tôi vô hồn mở cánh cửa sau Bác cho tôi về Phú Nhuận. Gió đêm lùa qua khung kính, lạnh lạnh bờ mi, tôi ngồi im lìm trong góc xe, bàn tay thẫn thờ đặt lên gối, vạt áo dài nội hóa mất hết đường là, nhân nhọc như trái sầu khô héo xót xa.

Mâm cơm đã bày trên bàn, anh Hùng đang đọc báo, chị Mai từ nhà sau đi lên :

— Tâm về trễ thế, thay áo rồi ra ăn cơm kéo ba mẹ chờ.

Tôi đi thẳng lên gác, nói với xuống :

— Ba mẹ, và anh chị cứ dùng cơm đi, em ăn rồi.

Hết chịu đựng nổi, tôi để nguyên quần áo nằm lăn xuống giường mặc cho nước mắt trào ra thấm tràn ướt má và rơi từng giọt lên nền gối xanh. Muốn ngàn ý nghĩ quay cuồng trong đầu óc, Ân của tôi tâm thường đến thế cơ à, tôi không ngờ, chỉ vì một chút mặc cảm mà Ân đành xóa bỏ bao nhiêu kỷ niệm êm đềm giữa tôi và Ân. Ân có xứng đáng

để tôi tôn thờ anh lên ngôi thần tượng? Không, tôi phải quên Ân, tôi cũng có tự ái chứ, tôi không thể chạy theo Ân để xin bạn bố một chút thương hại khi lòng anh đã nhất quyết xa tôi.

Có tiếng máy xe quen thuộc vang ngoài cổng, lời anh Hùng reo :

— Kia Ân, về bao giờ thế cậu? Vào đây vào đây.

Tôi vùng ngồi dậy, chạy đến khóa chặt cửa phòng vừa lúc bước chân chị Mai tiến lên :

— Tâm ơi, Ân muốn gặp em.

Tôi nhắm mắt lắc đầu :

— Em mệt lắm, em không thích gặp ai cả, cho em nằm nghĩ một tí, chị xin lỗi anh Ân dùm em.

Tiếng gõ cửa chị Mai khua xa dần. Tôi úp mặt vào chăn, nhúc nhúc con tim. Giọng nói buồn buồn của Ân từ dưới nhà vọng lên :

— Cháu đến từ già hai bác, ngày mai cháu đi Phú Quốc không biết chừng nào về và hình như anh quay sang chị Mai-Tâm đâu chị?

— Tâm bệnh không tiếp Ân

được, nó gửi lời xin lỗi Ân.

Có tiếng thở dài nhẹ nhẹ, tâm hồn tôi dập dềnh như vừa uống cốc rượu say, Một lát sau, có tiếng kéo ghế và lời anh Hùng tiễn Ân :

— Mai cậu đi bình an nhé.

Tôi chạy vội ra cửa nhìn xuống đường nhưng dáng Ân đã nhạt nhòa cuối phố cũng như hình bóng Ân từ đây sẽ khuất dần trên nẻo tìm tôi.

«10 giờ đêm 16-5-70»

Thế là mình đã mất Ân, rất đau đớn và bất ngờ. Sự việc xảy ra nhanh chóng như một giấc mơ. Mình cũng không hiểu tại sao Ân lại hành động như vậy, không lẽ vì một chút tự ái nhỏ mà Ân nở gieo khổ cho mình sao. Hay là tại mình nghèo, mình xấu và một năm trời xa nhau, tình cảm của Ân đối với mình theo đó phôi pha? Thuở biết nghĩ suy, mình luôn luôn mang ý nghĩ mình là một người con gái nghèo hèn không nhan sắc, nhưng từ khi gặp Ân, quen Ân, thường bảo xấu đẹp không thành vấn đề, người con gái quý ở chỗ nết na đảm thắm, Ân đã làm cho mặc cảm trong mình dần được xóa mờ. Rồi bây giờ, chính Ân, chính anh với những cử

chỉ, những lời nói vô tình lúc ban chiều đã khiến mặc cảm xưa bắt đầu lan rộng trong trí óc em, bắt đầu ray rứt linh hồn em và đưa em vào ngõ đường cùng không lối thoát. Sao mình yếu đuối quá thế này, sao mình đa sầu đa cảm quá thế này. Mình phải quên Ân đi chứ, mình phải cố quên Ân vì chính Ân muốn thế cơ mà. Chính Ân bỗng dưng nói lời từ biệt khi mình còn tha thiết yêu anh. Ân đã thản nhiên khi thấy mình khóc, khi thấy mình cố níu kéo lấy một tình yêu đã tan rã như ngọn băng sơn dưới sức nóng mặt trời. Mình sẽ cố quên Ân bằng cách vùi đầu trong công việc, nhưng cuộc sống cô liêu giữa bốn bức tường công sở sẽ chán chường biết bao khi mỗi chiều đi làm về một mình lẻ gót bơ vơ mà bóng dáng Ân hiện biệt sa mù. Ở kia, mình lại tự mâu thuẫn mất rồi, mình lại nghĩ đến Ân mất rồi... nhưng trời ơi, làm sao mà quên được Ân đây?»

Tôi xếp tập nhật ký bỏ vào ngăn kéo rồi đi xuống gác. Ba mẹ đã yên giấc, chị Mai đang dỗ thằng Út ngủ. Tôi mở cửa đi ra ngoài, anh Hùng đang ngồi học bài nơi chiếc bàn con, ngẩng lên:

— Đi đâu vậy Tâm?

— Em sang nhà chị Hoa chút xíu.

Mau mà về, bữa nay giới nghiêm sớm.

Trời mưa lất phất, tôi lầm lũi đi trên con hẻm nhỏ dẫn ra đường, buồn như bao giờ được buồn, khổ như chưa bao giờ được khổ. Ngồi chờ về đêm nằm im lìm trong bóng tối, những sạp hàng vắng lặng không sinh khí ẩn hiện dưới ánh đèn mờ hiu hắt tang thương. Chung quanh tôi, không gian yên tĩnh rợn người, tôi nghe rõ từng nhịp chân mình khua nhả trên mặt đường trơn ướt, những bước nhỏ thật cô đơn. Bơ vơ, tôi gục đầu vào một gốc cây ven lộ, từng giọt mưa hòa nước lạnh dần dần trên má trên môi...

Phú Nhuận 20/5/1970

THỤY-AN

(nhóm thơ Sóng-Vàng-Huế)



tiếng than muôn loài

Bước mòn dạo gót hoang liêu
 Mưa sa thành phố, rừng chiều kêu than
 Sóng dài nước lũ nài van
 Xót xa cho kiếp mây ngàn vẫn vơ
 Tình già trắng vẫn còn thơ
 Phượng voi nhận vẫn cứ ngỡ ngác hoài
 Con người giờ cũng dậy khua
 Cho sương đêm ướt lác loài đời xưa
 Còn trùng than trời điệu mưa
 Vạn muốn lời chết chưa vừa đổ quyền
 Ôn thừa tạo hóa triền miên
 Giọt khô nước mắt cửa truyền đón đưa

● LƯƠNG CHIÊM TRINH
 (Duy-Xuyên. Q. Nam)

Nền mỹ thuật

CỔ - ĐÔ HUẾ

★ TÍN KHANH

(tiếp theo P.T. 250)

BÀI 2.

Cả đến hình người cũng thiếu linh động.

Trong các tượng Phật, tương đối ta còn thấy nét điêu khắc hay họa có đôi khi sắc, tuy không phải như những tượng thường thấy ở các chùa chiền tại Trung quốc hay Nhật mà dù tượng Phật có nhắm mắt, ta cũng nhận thấy được những nét rất sống — nhưng ít nhất cũng đã diễn tả được vẻ uy nghi, từ bi, những nét «tham thiền nhập định» của Phật.

Nét họa hay điêu khắc, tất nhiên là chưa đến chỗ tinh vi, nhưng cũng đã làm cho các tác phẩm không đến nỗi «gỗ» hay «không có thân» như những tượng quan hay lính tại các lăng như nói ở đoạn trên.

Các vị Thần «gác cửa» ở Tháp Thiên-Mụ (Huế) hay các vị Hộ-Pháp ở các chùa chiền cũng cho ta thấy đôi nét tả chân nhờ ở gương mặt nhỏ, phụng mang trợn mắt... rất dễ sợ.

Cũng có các họa phẩm vẽ hình các Sư Tăng thời xưa, nét bút khá điêu luyện nhưng hiện

nay đã thất lại, thỉnh thoảng mới gặp lại một vài bản.

... Và vật cũng thiếu tả chân.

Các hình thú vật thường dùng trong kiến trúc Việt-Nam cũng có lúc được nghệ sĩ tô điểm uốn nắn cho có điệu bộ hay có «thần» nhưng không sao thoát ly được những điệu bộ cổ điển thông thường không mấy khi khác nhau nhất là trong các linh vật như Long (rồng) Lân (kỳ lân), Qui (rùa), Phụng.

Con Rồng tiêu biểu cho sức mạnh, uy quyền nhưng qua nét vẽ hay tô đắp, cũng cái sức mạnh, cái uy quyền quen thuộc từ ngàn xưa ấy : đầu lúc nào cũng ngẩng lên, cùng vì và vẫy xừng lên như dương oai thái võ... Trên các tấm

liền hay khung cửa chạm, thân rồng cũng uốn khúc, uyển chuyển, đều đặn, bốn chân ra...

Con Lân lúc nào cũng lồng lên và đầu lúc nào cũng ngoảnh lại như ra vẻ đề phòng, khinh miệt cả mọi người, mọi vật.

Con rùa cũng thế, lúc nào cũng mang cái mai nặng nề, thô kệch nhưng ra vẻ đơng đơng tự đắc mặc dù vai trò của mình không mấy rạng rỡ.

Cái nét sống trong các linh vật này đã kiểu thức hóa từ xưa đến nay : Mỗi cử chỉ, mỗi điệu bộ đều là siêu phàm, tách rời rất xa với thực tế.

Có người nhận xét như thế có phải là nghệ sĩ bất tài chăng? Quả như thế. Người nghệ sĩ Việt-nam không thể



Long chạm sơn đỏ, ở mây bàn thờ, hoặc ngũ sắc ở linh xa, trước cách v.v...

trình bày theo lối tả chân được. Họ bắt lực vì đã được đào tạo trong khuôn khổ phong vận (Stylisation). Và dù muốn, hoặc là đã quen thuộc hay học tập nét vẽ tây phương (sau ngày nước nhà bị Pháp đô hộ) họ cũng không thể thoát ly thể ấy được. Tác phẩm họ sẽ ngô nghê, lạc lõng, vụng về giữa rừng cỏ điền đầy những nét ba hoa bay bướm, khoan nhặt, phong lưu...

II - NHỮNG ƯU ĐIỂM VỀ TRANG TRÍ

Bên cái thiếu sót vừa nêu trên, Mỹ thuật Việt-Nam và cụ thể là tại Cổ-đô HUẾ còn có cái quyến rũ, những điểm độc đáo làm cho rất nhiều người chú ý và các nhà khảo cổ ngoại quốc hâm mộ.

Một trong những tính chất căn bản của nền mỹ-thuật này là nét họa uyển chuyển duyên dáng và phức tạp của các đề tài trong các họa phẩm hay điêu khắc bản.

Phối hợp linh động các đề tài.

Nói chung các hình thức

trang hoàng không được trình bày theo cách tương xứng như ta quan niệm. Ta thường thấy một hồi văn đơn giản, thuần túy thường dùng để viêng một cái khung hay «chạy chỉ» một họa phẩm giá trị khác, trong lúc các hồi văn rườm rà lại chỉ dùng thỉnh thoảng ở một vài họa phẩm thường thôi.

Ngoài hồi văn, nhà nghệ sĩ hay dùng các linh vật để làm đề tài trang hoàng.

Con rồng được trình bày nhiều nhất nhưng không phải đơn thuần tro trội một mình nó. Người ta thường phối hợp với một vật hay một con vật khác. Lối phối hợp này rất phổ biến và có nhiều cách: Có khi đơn giản: Ví dụ như đôi đi chung với hồi văn thì cánh đôi phải xen lẫn trong cánh hồi văn. Các chữ Phước-Lộc-Thọ v.v.. thường hay đặt trên một cành mạn, trên hoa mẫu đơn hay thực-được và các vòng tròn bao chung quanh chữ, tếp nhau cũng là một hình thức tượng trưng cổ điển.

Những lối phối hợp ấy

không phải sắp xếp tự do thể nào tùy ý của người thợ mà hầu hết đều theo đúng những nguyên tắc cứng rắn, bất di bất dịch.



Cũng có khi là phối hợp tài tình vừa chữ vừa hình để thành một lời chúc tụng. Ví dụ trong bức tranh một ông lão tóc râu bạc trắng (Thọ)

chống gậy đứng bên cạnh con nai (lộc) và bên trên có con đôi bay (phước) là tượng trưng cho Phước-Lộc-Thọ.

Lối tượng trưng này cũng giống ở Tây phương khi muốn tặng người nào một bó hoa, người ta thường chọn loại hoa có ý nghĩa thích hợp với người nhận hoa.

Lại có những trường hợp phối hợp chặt chẽ hơn, sát nhập hay gắn liền hai vật trình bày gần như một, như hồi văn thường hay ghép chung với cành lá, hay những dải lụa buộc vào cái «như ý» hay cây gậy của ông Thọ v.v.. tỏa ra như một ngọn lửa đang bùng cháy. Cũng có lúc hồi văn cuộn tròn nhiều lớp như những guột mây.

Biên thể, một sáng kiến phong phú.

Tuy nhiên cũng có lối trình bày hồi văn và cành lá không còn phân biệt được mà là thành những hình biến thể, hoặc hồi văn thành cành lá, hoặc cành lá thành hồi văn.

Trong nhiều họa phẩm hay

trang trí, lối phối hợp trên biển đôi hẳn từ vật này qua vật nọ như cành lá thành mình rồng, lá lật (chatai-gnier) thành cánh dơi. Những hình thức này, về kiến trúc Việt-Nam thường gọi là lối «Dây lá hóa rồng».

Có khi người thợ điêu khắc chắp một đầu rồng vào gốc tre, một cành đào vào đầu một hồi văn mà không cần sửa gốc hai cành ấy cho giống phần nào thân rồng. Đó không phải là thợ kém tài hay lười biếng mà như trên đã nói, họ làm theo một đường lối đã qui định sẵn.

Như trên các nóc đình chùa chẳng hạn, đóa hoa thay thế cho đầu rồng có những nét tỉ mỉ như rồng, cũng tung các cành bông hay lá hùng dũng hiên ngang như là hình rồng thật. Hay ở một nơi khác, một cành cây biến thành đầu rồng, cũng uốn cong duyên dáng như cò rồng, cũng cái lưng cong với đàng vi nhọn vát, cũng mấy chân móng nhọn tung ra...

Ở chân một bộ sập hiện còn ở Chùa Bảo-quốc (Huế)

có chạm hình phụng trong một nhánh cây. Hai cánh vung ra rất duyên dáng như con linh điều sắp tung cánh bay đi nhưng ngược lại bộ chân rất vụng về. Do đường đất quá gồ gồ, người thợ chạm buộc lòng phải thu ngắn đôi chân.

Cũng có nhiều chỗ, lá cây biến ra cánh dơi, bộ điêu cũng ranh mãnh, mềm dẻo, uyển chuyển như dơi thật. Nhìn vào cánh dơi ấy chen mình qua một hồi văn, ta có cảm giác như đó là một con dơi thật đang vượn mình bay đi.

Lối biến thể ấy rất thông thường trong kiến trúc Việt-Nam. Lắm khi nhìn hình một guồng mây, một cành lá ra cũng có thể thấy đó là hình một con vật... Cho nên có nhiều đường quyết hay đường nóc một ngôi đền, tuy đơn giản, nét tồ gọn gàng nhưng đã thể hiện được rõ rệt một đầu rồng.

Biến thể : Từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp.

Theo lệ thường, phép biến thể từ hình thái dễ, lẫn lẫn

đến khó và phức tạp hơn. Bắt đầu từ những vật vô tri như hồi văn, guột mây hay từ thảo mộc như lá, hoa cây, nhỏ tiến lên đến thú vật như dơi, phụng, lân, rồng v.v...

Nhưng cũng có khi một vật vô tri không biến thể thành một con vật như trên đã nói mà biến thành một vật vô tri khác như những nét của một đoạn hồi văn là những guột mây, luồn khói từ một lư hương tỏa ra biến thành một đám mây hay những ngọn lửa đang cháy.

Trong nhiều trường hợp, biến thể ấy rất đơn giản, mới nhìn đã thấy ngay như trong những mặt trạm gỗ, người thợ điêu khắc đã chạm hình rồng từ một hình cành lá sum sê. Những nhánh và lá ấy là các bộ phận chính của rồng, rất dễ nhận ra.

Tuy nhiên cũng có khi phức tạp hơn. Từ một vật, nhà điêu khắc cho biến thành hai thể : Ví dụ như trong lúc trình bày lá Lật, nhà điêu khắc đã dụng ý cho ta thấy hình thức của «Long» nhìn về phía trước

hoặc những nét tỉ mỉ của Phước (dơi), và chiếc vòng hình bát quái ẩn dưới lá, khi mà Rồng ngậm trong miệng thì biến thành chữ Thọ ; khi dơi ngậm thì lại thành chữ Khánh. Phước Khánh là hai tiếng thường đi với nhau, dùng để chúc tụng nhau.



Lại có khi trên các đầu trường hay góc vách, hình mới xem như là cành cây rậm rạp cả lá, có thể vừa là Rồng, vừa

là Cá hoặc một loại vật khác, tuy có tên tuổi nhưng ít khi dùng trong ngành kiến trúc như Thiên-Long, Thủy Long (rồng nước), Long Xà (rắn mình rồng) v.v..

Về mặt kiến trúc cũng như điêu khắc ở Việt - Nam, con Rồng được trình bày nhiều nhất từ thân hình đơn giản cho đến hình rồng đủ vây đủ vảy... Tuy nhiên hình rồng được trình bày ở các cung điện, thêu trên áo hay họa trên đồ sành sứ dành riêng cho nhà vua thì chân rồng mới đủ 5 móng. Trong quan quân hay hàng ngũ thứ dân, chân rồng bắt buộc phải 4 móng, nếu không sẽ mang tội khi quân.

Sau Long và Qui, Phụng, Lân là Tứ linh thường dùng trong kiến trúc các đền đài miếu võ và cung điện nhà vua, kiến trúc trong dân gian thường dùng Hồ (cọp) họa thành tranh treo trong nhà hay đắp trên các bình phong trước cửa Miếu, Chùa v.v... Cá gáy, Voi v.v.. Hình Hồ cũng như Cá đều được trình bày «oai phong lẫm liệt»: Hồ trợn mắt, đuôi đưa cao lên,

lúc ngồi, lúc với tư thế tấn công. Cá thì đầu lớn, môi to, đuôi và vây tỏa ra. Tất cả những nét dù họa hay tạc đều mềm mại, uyển chuyển, linh động, màu sắc rất phong phú.

Vài chữ.. là cả một bài thơ

Khi ta nhìn một bức tranh, một tác phẩm điêu khắc bằng vôi hay trên gỗ, ngà hay đồng và đọc 2 hay 4 chữ chú thích một bên, ta không thể nhìn nhận tính chất văn hoa tinh tú của dân tộc Việt.

Chỉ đội chữ trên một bức tranh Trúc trúc (Tre và chim sẻ) hay Mai-hạc (Mai và chim hạc), Phước-lộc-Thọ-khương ninh v.v.. vừa giải thích đề tài, vừa bao hàm một ý-tử sâu xa, hoặc đề tiêu-biểu cho lời chúc tụng nhưng cũng có khi là một lời phê-phán mỉa mai, người thông hiểu chữ nho muốn hiểu theo nghĩa nào cũng được.

Cũng có lúc mỗi nét chữ là một biến thể của một vật, một cành lá hay đóa hoa nên lúc xem bức tranh, tuy không thấy nét rõ ràng, ta vẫn nhìn ra được là chữ gì. Ví dụ chữ Phước, chữ Thần thường treo



trên bàn thờ ở nông thôn là cả một họa phẩm kết hợp rất đẹp để cả hồi-văn, cây lá, rồng phụng, rùa cá v.v. Cái khéo léo tế nhị ấy tiêu biểu cho bộ óc thẩm mỹ phong phú của dân tộc Việt vậy.

Bộ óc ấy thể hiện trong thơ văn bằng cách dùng chữ hay chơi chữ; trong mỹ thuật với nét uyển chuyển tinh vi, phức tạp tượng trưng trong đời sống

hằng ngày, trong phong tục tập quán. Tất cả đều nối liền nhau, liên hệ nhau, tạo nên một màu sắc thuần túy dân tộc.

III — KHÔNG PHẢI NGHỆ THUẬT VỊ NGHỆ THUẬT

Đa số người Tây-phương nhận định sai lầm về bản chất của người nghệ sĩ Việt-Nam.

Dù là người thợ nề hay thợ



chạm trổ, điêu khắc, thợ thêu hay anh thợ vẽ sáo, lúc hành nghề cũng có ý-chức phô trương nghệ thuật và đầy óc sáng tạo. Các nhà nghệ sĩ Việt-Nam không chú ý đến mặt « nghệ thuật vị nghệ thuật ». Tuy nhiên, trước một tác phẩm đẹp do họ tạo nên, họ cũng thấy lòng rung động sung sướng và ý muốn họ vẫn sẵn sàng tiến lên đến tuyệt mỹ, nhưng cái

phần khởi ấy chỉ là cái áo bên ngoài che đậy những ước mong thầm kín cao cả hơn đề diễn tả cái gì sâu sắc, siêu phàm hơn cái thực tại tầm thường quá quen với mắt họ.

Nghệ-thuật có màu sắc tôn giáo.

Mỹ-thuật Việt-Nam có tính cách tôn giáo và người nghệ sĩ

V.N. sáng tác cũng trong khung cảnh ấy. Cho nên muốn hiểu người nghệ sĩ VN, người Tây-phương phải đoán xem ý tứ của họ và nhận xét tác phẩm theo quan điểm của họ.

Ta hãy xét qua các mẫu chữ trong cách trang trí. Chữ Phước thường được chạm trổ trên vàng, bạc làm thành nữ trang đeo trên cổ hay tay và đã quyển rũ được người Tây-phương nên đa số đồ dùng của họ đều có hình chữ Phước.

Phước có nghĩa là hạnh phúc. Nữ trang có chữ phước không những đẹp về hình thức mà còn bao hàm hạnh phúc bên trong đối với người dùng nó. Trước cửa nhà có chữ Phước tức là trong nhà sẵn có hay sẽ có hạnh phúc. Một món quà có chữ Phước là dụng tâm của người tặng chúc hạnh phúc cho người nhận.

Nói rằng Phước là một danh từ đề chúc nhau hay có nghĩa đơn thuần là hạnh phúc cũng chưa đủ. Xưa nay, ngoài ý nghĩa là hạnh phúc, chữ Phước bên trong còn có minh lực huyền bí đem hạnh phúc

đầy đủ rộng rãi đến cho ta, hơn cái hạnh phúc tầm thường mà ta thường chúc tụng nhau. Quan niệm ấy là một trong những điều căn bản về tôn giáo.

Tại Trung quốc xưa, cũng tin tưởng như ở ta. Người ta thường dùng trướng hay liễn có họa hay thêu chữ Phước cùng với hình của một vị Thần « Thiên Tướng ban Phước » hay chữ Thọ bên hình một Tướng khác. Trướng này thường treo ở phòng khách ở căn chính trước mặt có lư hương, cúng quây khăn vải như ngang một một bức thần đề cầu chúc được nhiều hạnh phúc đồng con, làm cháu, « tứ ngũ đới đồng đường » và sống lâu trăm tuổi.

Về mặt tượng trưng, Phước có nghĩa là con Dơi. Chữ thì viết khác nhưng lúc đọc như nhau nên chỉ con Dơi cũng tượng trưng cho hạnh phúc và khi nhìn vào hình Dơi trong một bức trướng người ta gọi ngay đó là Phúc hay Phước.

(Còn nữa)

CẶP NHAU TRÊN ĐẤT TRUNG LẬP

★ JOHN HEReward ALLIX

★ BÙI-QUÂN dịch

Đó là năm 1944, năm Đồng-minh đồ bộ lên lục địa Âu-châu. Sau mấy tuần lễ căng thẳng hồi hộp tiếp theo ngày N, phi đội oanh tạc của tôi được di chuyển từ Anh Cát Lợi về miền Bắc Ái Nhĩ Lan ở bờ biển Lough Foyle. Sự mạng của chúng tôi (đoàn tuần tiểu ban đêm truy tìm tiềm thủy đình đối phương) thật là buồn tẻ. Chúng tôi rất ít có dịp may gặp được tiềm thủy đình địch.

Ngay sau khi chúng tôi đến nơi người ta đặt chúng tôi vào tình trạng báo động. Chúng tôi phải ngủ mặc cả đồ bay, sẵn sàng cất cánh trong vòng nửa giờ. Một đêm nọ, vào khoảng 3 giờ, tôi bị đánh

thức thình lình bởi gã tùy phái phòng chiến-dịch. Đối phương gần như đã đến gờ cửa chúng tôi. Năm phút sau, phi đoàn của tôi và tôi, gồm tất cả sáu người, tập họp lại, nên ngáp ở trong phòng huấn lệnh. Hai mươi phút sau, chúng tôi cất cánh. Khi tôi lái chiếc Wellington nặng nề của tôi về hướng biển cả, tôi trông thấy ở phía Tây một chiến hạm đang bốc cháy dữ dội. Liên tiếp nhau, ba đơn vị hải quân của chúng tôi đã bị phóng ngư lôi.

Tôi chỉ còn một ý nghĩ duy nhất là làm thế nào «thì» được chiếc tiềm thủy đình sát nhãn đó. Trong khi đó, chiếc tiềm thủy đình ấy vẫn hoành hành phá hoại nhiều

bán. Và mỗi khi tác-chiến xong, nó lại trở về chỗ ẩn nấp ở hải phận trung lập.

Vài tuần lễ sau, đơn vị chúng tôi bị phá tan, vài người trong phi đoàn phải nghỉ ngơi. Phần tôi cũng được nghỉ phép 48 giờ và tôi vượt qua biên giới Ái-nhĩ-Lan để đến làng Bunrana ở ven sông Lough Suilly.

Lẽ dĩ nhiên là sĩ quan thuộc quân lực Hoàng gia Anh-Cát-Lợi bị cấm đặt chân vào đất Ái-nhĩ-Lan. Nhưng các sĩ quan đồn trú gần biên giới, mặc thường phục, đều sang Ái-nhĩ-Lan, với sự đồng ý lặng lẽ của những người lính canh của hai quốc gia. Ở Ái-nhĩ-lan không có sự hạn chế lương thực và rượu bán rẻ rẻ.

Đến Bunrana, tôi vào quán uống một ly trước khi ăn trưa. Quán vắng tanh, chỉ có một người khách tóc vàng ánh đang hút ống điếu trước ly bia. Tôi cũng gọi một ly bia và bắt đầu trò chuyện làm quen với người khách lạ.

Ở Bunrana, phải đánh lưới bảy lần trước khi nói: nếu mình để lộ là quân nhân sẽ bị bắt giam

ngay. Người bạn tóc vàng của tôi cũng cần thận đề phòng trong lời ăn tiếng nói, và chúng tôi tránh nói chuyện về đơn vị của chúng tôi, về chiến tranh và về bất cứ vấn đề gai góc nào khác.

Hắn khả ái, thông minh và dễ làm quen. Tuy nhiên tôi cũng cảm thấy ở hắn một cái gì đặc biệt mà tôi không thể biết được. Tự nhiên tôi biết là hắn không ở trong Không lực Hoàng-gia cũng như tôi khó có thể tưởng tượng hắn dưới lốt một sĩ quan lục quân hoặc hải quân Hoàng-gia. Chúng tôi uống với nhau vài ly đánh vài ván bài. Nhưng hắn là ai mới được chứ? Câu hỏi đó không ngừng nhẩy trong trí não tôi.

Hắn có tác phong của một người quý phái và nói tiếng Anh giọng Oxford và Cambridge. Tôi chăm chú quan sát áo quần của hắn: áo vét-tông vải sọc, quần nỉ mỏng may cắt rất khéo, có thể tôi đã tưởng tượng quá nhiều chớ hình như không có người bạn Anh dễ quen biết nào của tôi ăn mặc như thế. Nhưng cần gì? Làm bạn với báo kẻ cũng dễ chịu. Tôi mời hắn ăn. Hắn nhận lời. Tôi bảo:

— À quèc, chúng ta chưa giới thiệu nhau. Tôi tên John.

Hắn ngấn ngừ một giây trước khi chìa tay cho tôi :

— Còn tôi, Charles.

Trong bữa ăn, tôi hỏi hắn về một số vấn đề mập mờ. Hắn trả lời một cách khá tự nhiên. Hắn biết rõ trung tâm Luân-Đôn và rất rành về Oxford. Tuy nhiên, sự hiểu biết của hắn về nước Anh có vẻ hơi lỗi thời và mỗi khi tôi cố ý đề cập đến những thay đổi của nước chúng tôi vì chiến tranh thì hắn có vẻ lúng túng lắm. Quả tình là có điều gì ám muội đây.

Bỗng tôi tin chắc hắn là người Đức. Có lẽ hắn từng sự ở tòa đại sứ Đức ở Dublin. Nhưng trong trường hợp đó, hắn đến Buncrana để làm gì?.. À, chiếc tiềm thủy đình ! Chắc chắn như vậy rồi !

Có thể hắn là một viên chức nhỏ được phái đến đây để trao mật tin cho chiếc tiềm thủy đình. Hoặc hắn là thủy thủ dưới tàu đó ? Cũng có thể hắn là thuyền trưởng của chiếc tiềm thủy đình.

Bỗng tôi nhận thấy hắn nhìn tôi

một cách kỳ lạ. Từ này giờ, tôi không còn nghe hắn nói gì nữa.

—Ồ, xin lỗi, Ông bảo gì, ông Karl nhỉ ?

Thật tình tôi không có ý định đặt cả hai chân vào vấn đề một cách hàm hồ như thế. Dù sao cái tiếng Đức đồng nghĩa với tên hắn cũng gây một hiệu quả sấm sét. Hắn bá hốc mồm và xanh đờn như xác chết. Tôi cũng ngạc nhiên vô cùng thành thử tôi cũng có vẻ hoảng hốt như hắn. Tôi mới hay là tôi đã mỉm cười với hắn một cách ngược ngạt. Nhưng có lẽ đó là thái độ hay nhất tôi phải dùng đến với hắn vì mặt hắn hồng hào lại và đến lượt hắn cố gắng mỉm cười.

— Xin lỗi đã chơi xấu với ông như vậy.

— Không có gì xấu. Ông đã thắng. Nhưng.., bây giờ ông định làm gì tôi đây ?

Tôi giả vờ không biết việc đó. Nhưng Karl đã lấy lại bình tĩnh nhanh hơn tôi và trước khi tôi định thần lại được, hắn đã mỉm cười với tôi một cách khá ái. Hắn nói chậm rãi :

— Tôi bắt đầu hiểu rồi. Ông cũng vậy nữa !

— Phải. Tôi cũng chẳng hơn gì ông. Cả hai chúng ta có thể bị tù lắm.

Tình thế đối với tôi thật là kỳ cục, thành thử tôi bật cười lên.

— Thế ông có phải là thuyền trưởng chiếc tiềm thủy đình ẩn trong cửa sông Lough không ?

Hắn giật mình một cái nhẹ :

— Ông nói gì lạ vậy ?

— Kề cũng không có gì lạ. Tôi thuộc phi đoàn chống tiềm thủy đình và đã mấy ngày nay, chúng tôi tìm thấy ông đấy.

Karl lấy lại bình tĩnh :

— Tôi thì tôi đã không làm vậy. Chúng ta uống với nhau một ly nữa chứ ? Ông nghĩ sao ?

Tôi phải mất một lúc để tìm quyết định. Trong khi chờ đợi người ta mang rượu đến cho chúng tôi, tôi tiến bước lại lò sưởi, đốt ống điếu và giả vờ ngắm bức tranh treo trên lò sưởi.

Báo cho cảnh sát bắt Karl ư ?

Là như thế tôi sẽ bị họ đòi xem thẻ căn cước, và cả hai chúng tôi sẽ ngồi tù suốt thời gian chiến tranh. Hay là chọn lấy phương cách trái ngược là tạm thời coi mảnh đất trung lập này là nơi trú ẩn bất khả xâm phạm, như những giáo đường của thời cổ ?

Giả dụ là tôi tố cáo với cảnh sát Ái Nhĩ Lan căn cước của Karl và cả hai chúng tôi sẽ bị loại ra ngoài vòng chiến. Tôi sẽ không còn phục vụ được xứ sở nữa. Còn Karl, hắn sẽ được thay thế bởi người phó thuyền trưởng và chiếc tiềm thủy đình cũng sẽ tiếp tục bán phá tàu bè chúng tôi.

Cuối cùng, tôi quyết định làm ngơ đi việc đó, coi mảnh đất trung lập này là chỗ trú ẩn có thần hoàng phù hộ.

Tôi quay lại phía Karl :

— Tôi thiết nghĩ rằng chúng ta sẽ chẳng được lợi lộc gì mà chống báng thù nghịch nhau vì mỗi nguyên nhân là ở cách đây vài cây số và trong những điều kiện khác, chúng ta đã tìm cách giết nhau.

Hắn bảo tôi :

— Tôi cũng đồng ý với ông.

Chúng tôi cảm lỵ bước ra ngoài trời, ngồi dưới bóng mát một cây lãng. Tôi được Karl cho biết là nhờ đầu hãn nói rành được tiếng Anh như thế. Cha hãn làm giám đốc một văn phòng ở Luân đôn của một xí nghiệp Đức và Karl đã theo học ở một trường trung học Anh rồi ở Đại học Oxford. Hãn trở về Đức ngay trước khi chiến tranh khai diễn.

Tôi hỏi hãn làm thế nào hãn đã lên bờ được. Hãn cho biết là chiếc tiem thủy đỉnh của hãn đã trôi lên mặt biển đêm hôm qua và hai người thủy thủ đã chèo một chiếc bè cao su đưa hãn vào bờ, ở cách đây khoảng 3,4 cây số. Họ sẽ trở lại tìm hãn vào nửa đêm nay.

— Tôi đã đi cả một buổi sáng nay từ nông trại này đến nông trại nọ để mua trứng tươi với một đồng liu mà trước kia tôi đã giữ làm kỷ niệm. Ở dưới tiem thủy đỉnh, các thủy thủ của tôi từ mấy tháng nay chẳng hề trông thấy một cái trứng tươi. Đứng trứng tươi vừa mua được, tôi đã dấu trong những đám cây dương xỉ.

Khi hoàng hôn đã xuống, Kari

cho tôi biết là đã đến giờ hãn phải ra đi. Tôi tiễn chân hãn đến tận đầu làng. Vượt qua khỏi mái nhà cuối cùng, tôi dừng lại.

— Tôi mong rằng ông sẽ thoát nạn, ông Karl ạ.

Hãn mỉm cười gương gạo, nói :

— Tôi cũng mong thế. Cả ông nữa.

— Nhưng tôi khuyên ông không nên chạy vào đường bay của tôi. Tôi sẽ khổ tâm phải đưa ông về bên kia thế giới đấy.

— Ông yên tâm. Ông sẽ không gặp dịp may ấy đâu.

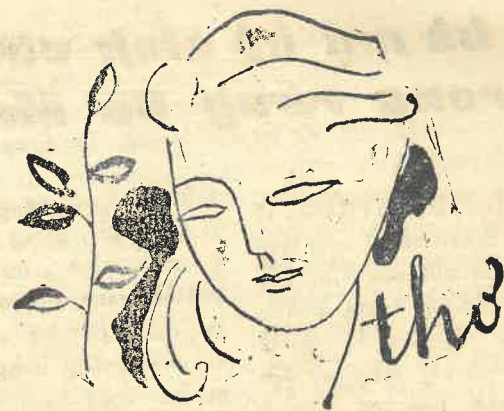
Nói xong, hãn bước đi.

Tôi đứng đấy, bất động, tâm hồn ngổn ngang những tình cảm trái ngược nhau. Tiếng chân hãn xa dần trên con đường sỏi đá.

Nguyên tác của :

John Hereward Allix

(BÙI-QUÂN dịch)



Mù đêm tương lai

Sầu đêm mù tận bóng người,
Ta về kháu lại cuộc đời rã băng
Tuổi xuân héo đã trăm lần
Tình hoang đã chết giống thân đi hoài
Bây giờ xếp lại tương lai
Giữa điêu tàn đó thép gai giăng hàng
Tháp mòn dấu tích chưa tan
Cỏ cây rậm chầy — đen than xóm nghèo
Hỏa châu thấp sáng cheo leo
Thân toan gục ngã — vút vèo đạn bay
Cần khô bản thể, đọa đày
Đấu tranh đã mỏi — Chát cay nửa đời
Truy hoang dấu mặt trận cười
Thế gian quá đời — biếng lười-mưu mô.

LÊ-TƯỜNG-DŨNG
Huế

Một bà mẹ hộ sinh cho cọp trong rừng Cà Mau.

TRONG PHỔ - THÔNG số 247 Ngọc-Bội có nói về «một làng ở Bà-rija bầu một con Cọp làm hương chức» Cũng trong những huyền-thoại về Cọp đó chúng tôi được trình-bày cùng quý độc giả về chuyện một con Cọp ở rừng Cà-Mau đã bắt cóc một bà Mẹ đem về hộ-sinh cho vợ.

Câu chuyện cách đây không lâu lắm, vào khoảng năm Đinh-Mão (1867) dưới Triều Tự-Đức thứ 20, vùng Cà-Mau hãy còn là vùng đất tân bồi phù-sa sinh lầy, cây tràm, choai dớn và lau sậy mọc lên chi-chít, bởi thế nên dân cư ở đây vào thời đó rất là thưa thớt lại bị đe dọa thường-trực bởi những thú rừng như Cọp, gấu heo rừng, rắn rít... Đêm về chỉ còn nghe tiếng côn trùng rên rĩ và tiếng những thú rừng đi tìm mồi gặm gù tru chóc, khiến cho dân làng ngủ trong giấc ngủ chập chờn lo sợ.

Cho đến ngày này người Cà-Mau còn truyền tụng rằng vào

thời đó có một người đàn bà thật là nhân đức, không có chồng chỉ ở một mình trong một căn nhà nhỏ cạnh một con rạch người ta, chẳng biết tên của bà là gì, chỉ quen gọi bà là bà mẹ Tư, bà ta làm nghề hộ-sinh, gọi rằng nghề nhưng bà ta không bao giờ lấy một đồng tiền nào cả, bà chỉ làm việc nghĩa mà thôi.

Dân trong làng hết mực kính yêu vì nhờ bà mà đã cứu sống được biết bao người và biết bao sản phụ được «mẹ tròn con vuông», nhiều người đã mang nặng ơn «cái tử hoàn sanh» nên đã đem vàng bạc đến tạ ơn nhưng bà Mẹ Tư một mực từ chối.

Cũng trong công việc làm nghĩa thường nhật đó, hôm nọ bà hộ sinh cho một người cùng làng lỡ tối nên sản phụ nọ cố mời bà ta ở lại nhưng bà cứ đòi về vì thói quen của bà như vậy. Rốt cuộc sản phụ phải thuê hai chàng trai lực lưỡng võ nghệ tài ba mang theo giáo mác để đưa bà mẹ Tư về nhà. Đang trên đường về

đang một con Cọp trong lưới âm thầm lên một tiếng cả hai thanh niên nọ thất kinh hồn vía tìm chỗ ẩn trốn riêng bà Mẹ Tư bị con Cọp bắt cóc mang về rừng. Đến khi không còn nghe động tĩnh hai thanh niên trở lại chỗ cũ tìm bà Mẹ Tư thì chẳng thấy bà ta đâu cả, nên cả hai quả quyết là bà bị Cọp bắt ăn thịt rồi!

Sáng dậy nghe tin bà Mẹ Tư bị Cọp vồ dân trong làng khốc thương thảm thiết nổi chiến trống chia nhau đi tìm nhưng đều biệt vô âm tín.

Bà Mẹ Tư được Cọp mang về rừng để ngồi cạnh con Cọp cái đang rên học đầu dớn vì chuyển bụng, hiểu dụng ý của Cọp đực bà Mẹ Tư liền áp dụng ngay phương pháp hộ-sinh cho người nên chẳng mấy chốc con Cọp cái sinh nở được dễ dàng.

Cọp đực tỏ vẻ mừng rỡ vội cõng bà Mẹ Tư trả về nhà cũ. Dân làng thấy bà Mẹ Tư vẫn bình thường trở về nhà nên rất đổi mừng rỡ theo hỏi chuyện rồi rít và được bà kể lại câu chuyện bi hữu ai nghe cũng đều lấy làm lạ cho là có lẽ lòng nhân nghĩa đức độ của bà thẩu đến Trời Đất.

PHỔ-THÔNG — 251

Vài ngày sau, một buổi sáng hôm nọ sau khi thức dậy bà Mẹ Tư mở cửa ra sân bỗng thấy một con nai tơ vàng nằm ngay trước sân đã bị cọp bầu chết, biết là cọp trả ơn mình nên bà Mẹ Tư đem thịt nai cúng tế trả lễ Trời Đất đã độ mạng cho bà. Cứ thế vài ngày lại một con nai bị Cọp bầu chết mang đến tạ ơn bà Mẹ Tư, không một con nai thì cũng là một con heo rừng. Cho đến năm Đinh-Hợi (1887) năm Tự-Đức thứ 45 thì bà trở thành người thiên cổ.

Lòng nhân nghĩa đức độ của bà thẩu đến nhà Vua nên nghe đầu Vua Tự-Đức có phong cho bà một tấm biển vàng để bốn chữ «Nhân Nghĩa Khả Phong» (Lòng nhân nghĩa đáng ngợi khen).

Lòng nhân đức cao siêu đến nỗi loài vật hung dữ ăn thịt người còn động tâm hướng chí là đối với con người, đã vậy loài vật còn biết Ân là Nghĩa, bởi những ai mang tiếng làm người mà đã vô ân quên nghĩa nên suy gẫm.

(Viết theo truyện kể của Hoạt Neu york)

NGUYỄN-TẤN-LỘC
KBC : 4744

Câu chuyện :

ÁN SÁT THỤ - NGỌC - LƯƠNG

□□□ THÁI BẠCH

ĐỐI với những kẻ mang mặt làm «dân chi phụ mẫu» mà chẳng ra chó gì, các thi nhân nước ta thường hay làm thơ châm biếm và đả kích.

Thí dụ, vào năm 1951 một ông được sự dân Tây vợ đảm đã có những «thành tích» như chẻ thuốc cảm giả, như thông dâm với những con sen con ở, và bị kiện song hôn ; được đưa lên ngò ghế thị trường Hà-nội để tha hồ đớp hít, thì ít lâu sau, có ngay một bài thơ đem dán ở trước tòa thị chính :

*Hà-nội nhà ta thực phúc đầy,
Có anh mặt choắt lăm tãi thay.*

Bột mì già nhỏ viên thành thuốc,

Con ở đưa lên phễn với thầy.

Tiền thuế dân đến thu chặt két ;

Đồng lương chính phủ ních đầy tay.

Con người kỳ lạ là ai đó ?

Chính bác song hôn mặt đóm dầy.

Ở Saigon vào khoảng năm 1960, một ông bộ trưởng chỉ vì «tài liếm bà cố» mà được làm nên, được trọng dụng, nên thi nhân ta đã có một bài thơ đề vịnh :

Khắp cả miền Nam dậy tiếng đồn

Có quan Bộ nọ khéo lườn tròn.

*Lầu cao bà «chúa» vờ rơi dép;
Gác trống ông «hoàng» bị liếm lơn.*

Kiến nghiệp sao đành nhớ khi tiết,

Ham danh nên nổi hoại tâm hồn.

Trách thầy địa lý phân kim lạch;

Mả táng long hầu phát khuyển môn (1)

Tạm kê mấy bài bí mật và gần nhất đây thôi; chớ lục cả xưa kia, và những bài đã đăng lên mặt báo thì không biết bao nhiêu mà kê...

Tuy nhiên, nếu nói đến tính chất giai thoại, phải nói là bài «Án sát Thụ-ngọc-Lương» và bài ông Ân này họa lại.

Với Thụ-ngọc-Lương, kẻ viết bài này không biết ông ta quê quán ở đâu; chỉ biết sơ lược là xuất thân khoa bảng, và làm Án-sát tỉnh Hưng-yên thời còn mồ ma thực cả : Pháp bảo hộ.

Không rõ ông làm ăn ra sao, mà một buổi sớm tại trước cửa tòa án, bỗng có một tờ giấy đã được bàn tay bí mật dán lên, trong viết một bài thơ đả kích ông thậm tệ :

Án sát gì mầy Thụ - ngọc - Lương ?

*Miệng thì ừ ừ mắt thì dương
Bạt tay tổng lý lòng không nghĩ;*

Bóp cổ lư-rng dân dạ chẳng thương.

Xử kiện bầy nhày như tổ đĩa,

Bút phê nhi nhොáy tựa đầu lưon.

*Văn nhân tài tử nào ai tá ?
Xổ khổ khiêng sang trả Sứ đường. (2)*

Bọn lính canh tòa án thấy vậy, liền gỡ bài thơ ấy đem vào trình quan án. Người ta tưởng ông Lương cũng như các quan khác, tức sẽ nổi trận lôi đình, cho xé đi để phi tang, và cho bí mật điều tra xem ai là tác giả. Nhưng trái lại khác hẳn quan án Lương sai lính cứ đem bài thơ ra dán y chỗ cũ cho công chúng xem rồi tự làm một bài họa dán kèm vào bên cạnh như sau :

Án sát ông đây Thụ - ngọc - Lương !

Gặp tuần hoa nở cánh hồng dương.

Mẹ sư tổng lý lòng không nghĩ;

Con đồ triều đình dạ vẫn
 thương.
 Trộm cắp bỏ tù tro mắt lếch;
 Gian ngoan đòn đánh tuốt
 đã lươn
 Cha con cò trắng quay đầu
 lại;
 Có lúc căng xương chốn
 tỉnh đường.

Nếu bài trước, người ta mắng ông là ức hiếp tổng lý, là đục khoét dân lành, là xử kiện, phê đơn chằng ra gì, thì bài họa lại, ông vừa thanh minh lúc nào cũng thương xót dân đen vì dân là con đồ của triều đình, vừa cho biết những tổng lý bị ông bặt tai chỉ là những tên không biết nghĩ, những kẻ bị bỏ tù chỉ là những tên ăn trộm ăn cắp. Ngoài ra ông lại cảnh cáo cho biết những kẻ ngoan cố, bướng bỉnh hãy coi chừng, có ngày, ông còn sai nọc cò, căng xương ra đánh, chứ không phải chơi đầu.

Chẳng biết hành động của ông có đúng với lời thơ ông không? Nhưng thấy cách đối phó của ông như trên cũng rất là đáng khen, vì ông biết lấy văn chương để đối lại văn chương. Và đó là đòn chương chánh trị khá cao. Nếu im đi, thì người ta cũng biết,

và ai đó, tác giả có thể lên mặt ở chỗ đã bí mật chơi xỏ ông được. Còn thế này, hề người ta nhắc lại bài thơ kia, tức phải kể luôn bài thơ nọ, không kể không được, vì nó đã thành cuộc xướng họa. Mà kể đến là đã tự thanh minh tự biện hộ và tự trả đũa lại dùm ông với những lời lẽ của tác giả trên kia.

Qua việc làm trên, thí dù ai không thích ông ở chỗ ra làm việc cho Pháp, cũng phải khen ông là khôn, là cũng đáng mặt làm thầy cho nhiều kẻ khác lắm, nhất là những kẻ cầm quyền dân quyền nước mà lúc nào cũng sợ tai mắt dân nước như những vi trùng sợ ánh sáng mặt trời...

THÁI BẠCH

1 — Long hầu là cò con rỗng. Khuyển môn là dit chó. Sở dĩ có câu này là vì ông bộ ấy thường khoe nhà ông có ngòi mộ tổ phát nhờ thầy địa lý để cho vào chỗ đất có hình như cò họng con rỗng.

2 — Sứ đường là tòa Côngsứ (Résidence) tức dinh quan đầu tỉnh người Pháp ở các tỉnh Bắc kỳ, Trung kỳ trong thời Pháp, bảo hộ.

□□□



Lang thang

chiều ba thẳng dạo phố
 ba mùa đông trong hồn
 người chong đèn ngoài ngõ
 mình sân vắng cò đơn
 áo hồng bay trước mắt
 áo hồng bay sau lưng
 ba thẳng nhìn nắng tắt
 ba thẳng nhìn hoàng hôn
 quán cà-phê chật ứ
 nước đắng chắt hơi người
 ta ngồi im mùa hạ
 nhớ người tình quá thối
 chiều ba thẳng dạo phố
 chiều đi không muốn về
 dòng phố chùng rục rờ
 riêng mình riêng tái tê
 đứng đưng như thú lạc
 người quên giữa dòng người
 không nói và ngơ ngác
 ba thẳng ba nổi trời

NGUYỄN-ĐẮC-NGÂN

(Huế)

NHẬT-BẢN MÙA HÈ

MÙA hè đã thật sự về trên xứ Nhật cũng như tất cả mọi nơi trên thế giới và mang đến cho nhân loại cái nóng nung người. Mùa hè là mùa của chia ly nhưng cũng là mùa xum-hợp với gia đình của học-sinh và sinh-viên. Mùa hè đã đến trên xứ Nhật không có nàng phương đò chào mừng nhưng cũng có tiếng ve sầu kêu vang dưới cái nóng oi-bức của nhiệt độ 37, 38. Trời lúc nào cũng hừng-bực đến nghẹt thở và thỉnh thoảng lắm mới có một làn gió nhẹ thổi đến, một đám mưa nhẹ rơi thì làm sao đủ sức mang cái nóng của mùa hè đi. Mùa hè mặc sức tung-hoành với cái nóng, tự do thiêu đốt và hành hạ thể xác con người nhưng con người vẫn đứng-dưng và chấp nhận mùa hè một cách vui vẻ cùng

tìm mọi cách để chống lại với sức nóng đó. Ở Nhật một tháng về trước người ta đã thấy quảng cáo rầm-rộ về đồ mùa hè, trên báo chí trong những tạp chí hàng tuần, trên Ti vi và nhất là trong những Department Store lớn. Những cái jupe, những cái áo mỏng, những chai dầu thoa dachống ánh nắng mặt trời, những kính mát đeo mắt, những bộ đồ tắm với sắc sỡ muôn màu, những cái quạt máy, những cái máy lạnh v.v... đều được bán với giá thật hạ và có thể dưới hình thức trả góp cho những ai mua máy lạnh. Thường được trả từng tháng một và trả trong vòng 1 hay 2 năm tùy theo giao kèo

Ở các trường tiểu-học, trung-học hay đại học khi mùa hè đến nhà trường thường tổ chức những

cuộc du ngoạn tập-thể để các em có dịp sống chung với nhau, tìm hiểu nhau và hơn nữa để gây thêm tình thân mật giữa các em với nhau. Thường là một cuộc cắm trại ở đồng quê, ở bãi biển, một cuộc leo núi hay một buổi picnic ở ngoài trời. Lệ phí thì mấy em chỉ đóng một số tiền tượng trưng và phần còn lại do trường đài thọ. Nhật-Bản là xứ thanh-bình và an-ninh đầy đủ nên trong những ngày đó mấy em thường có được niềm vui trọn vẹn. Mấy em tự do đốt lửa trại và ca hát, tự do leo trèo lên những ngọn núi cao, tự do chạy nhảy và rồi bình thân ngủ trong những căn lều nhỏ trong rừng. Sáng dậy mấy em cũng tự do nghe tiếng chim hót chào mừng buổi bình-minh đến, tự do nhìn ánh thái dương đỏ chói từ từ lộ dạng nơi chân trời xa và có quyền tưởng tượng rằng tương-lai của mình, của xứ sở mình cũng đang bừng lên như ánh mặt trời vừa lộ dạng kia.

Mùa hè đến cũng là mùa chia ly, học sinh chia tay cùng bè bạn, thầy yêu. Những lời chúc tụng thành thật từ cõi lòng không ngớt vang lên. Nào là những lời chúc trăm-ăm của thầy trong những giờ học sắp chấm-dứt «Mấy em, mùa hè đã đến rồi mang bao nhiêu

cái nóng và bệnh tật. Mấy em sắp sửa lìa xa mái trường để trở về xum-hợp với gia-dình và anh chị em. Thầy không mong gì hơn là mấy em hưởng niềm vui trọn- vẹn bên gia đình ấm cúng. Mấy em có đi chơi núi, đi tắm biển hay đi du lịch ở phương xa thì với tình-thương của thầy, thầy mong mấy em hãy cẩn-thận và giữ-gìn sức-khỏe. Thầy muốn rằng sau 2 tháng nghỉ hè thầy sẽ gặp lại đầy-dủ các em trong một niềm vui cõi mở, các em đều mạnh-khỏe và chúng ta sẽ tiếp-tục học với nhau cho đến ngày bãi-trường là tháng hai». Tiếng thầy vừa chấm-dứt thì dưới những hàng ghế học-sinh vang lên những tiếng chúc tụng trở lại đầy thành thực và cảm động. Tình thầy trò cũng đẹp và quý lắm thay. Sau lời chúc của thầy thì lớp học trở nên hân-độn và ồn ào vì những lời chúc lẫn nhau của học sinh và tiếng réo gọi nhau ăm-ì. «Này A, này B này về quê ngay từ giờ này hay vài bữa nữa. Tao chưa về ngay được vì phải đợi mua giấy xe điện v.v... và v.v...». Những tiếng hỏi và tiếng trả lời rất khó nghe vì pha lẫn với âm-thanh ồn-ào. Rồi giờ chia tay cũng phải đến. Sau những cái bắt tay cuối-cùng lòng buồn vô hạn rồi

đường ai nấy đi. Câu nói sau cùng thường là «Ráng giữ-gìn sức-khỏe và cần-thận. Ráng chen lấn mua giấy xe điện sớm rồi về lẹ kéo gia-đình trông dấy». Cái nạn mua giấy xe điện về quê trong dịp hè thật khổ-sở. Phải mua trước hàng tuần mới có vé tốt. Còn muốn về ngay để thăm gia-đình trong ngày hôm sau thì phải chịu khó vác mền, gối ra tận ngoài ga ngủ và đợi đến 5 giờ sáng lúc nhà ga vừa bắt đầu làm việc là đến sắp hàng lấy vé. Nhưng vé này là vé đứng chớ không được ngồi và bên nhà gọi là vé «xúp-bò-lê-măng» (Supplement). Nếu bạn không ra nhà ga ngủ và muốn mua cái vé này bạn phải sắp hàng đợi hàng 3 giờ trở lên và có khi không mua được vì xe hết chỗ đứng. Sở dĩ có nạn như vậy vì dân Nhật quá đông (trên 100 triệu) và những người đi làm thường chỉ được nghỉ hè lối 5 hay 4 ngày mà thôi nên họ phải chen lấn nhau để mua cho được vé xe hầu kịp về trong những ngày nghỉ. Học sinh được nghỉ 2 tháng nhưng vẫn chen-lấn mua cho được vé sớm hầu gặp mặt gia-đình sớm ngày nào hay ngày đó sau bao ngày xa cách. Cái này có phải chằng do lòng thương Ba Mẹ anh em mà chịu-khó đứng

trên xe điện hằng 6 giờ đồng hồ. Thương Ba Mẹ thì 5, 7 núi cùng treo, vài chục con sông cũng lội chớ sá gì 6 giờ đồng hồ đứng trên xe điện chịu nóng phải không các bạn.

Kể viết bài này có quen rất nhiều bạn Nhật và họ có nhiều cử chỉ hiếu thảo với cha trông rất quý và cảm-động. Những ngày hè sắp đến là những ngày mà người học-sinh bồn-chồn lo-âu. Mấy bạn biết hẳn lo cái gì đây hơ nê ? Hẳn lo không biết phải mua về cho Mẹ hẳn cái gì đây, cho Ba hẳn cái gì đây và còn mấy em hẳn nữa. Hẳn cứ lăm nhăm trong bụng hoài mà không biết mua cái gì nên nhè kể viết bài này cứ hỏi luôn. Vì là bạn tâm giao nên đành giúp ý-kiến «Mua cái gì đó cũng được, điều đáng quý là cái lòng chớ đâu phải cái món đồ Đâu có món đồ nào đáng đáng giá bằng cái lòng cao-cả và rộng lớn của Ba Mẹ được. không có vật gì có thể so-sánh được với cái lòng đó cả dù là biển rộng núi cao. Chỉ có tấm lòng đối với tấm lòng mà thôi». Thấy hẳn thật tình thương Ba Mẹ nên kể viết bài này rất mến hẳn và thấy mình còn thua xa hẳn quá. Mình chỉ mới thương Ba Mẹ bằng cái miệng chứ chưa thực thi bằng

hành-động. Hẳn còn tâm-sự thêm với kể viết bài này trước khi về quê sống gần Ba Mẹ. Hẳn nói : Mùa hè này hẳn sẽ không đi đâu chơi hết và cố-gắng đi làm những công việc hơi nặng nề một chút như vát thùng la ve nước ngọt để kiếm được nhiều tiền hơn những công-việc nhẹ trong 2 tháng hè hầu đủ tiền mua tặng Mẹ cái máy rửa chén, và ông già chai rượu Champagne của Tây mà từ lâu ông già ao-ước. Hẳn nói hẳn thấy bà Mẹ rửa chén hằng ngày cực-khó quả hẳn thấy thương mà không biết làm sao giúp được nên hẳn muốn hy-sinh trọn mùa hè này cho mẹ hẳn và ba hẳn Kể viết bài này chỉ còn biết khuyên hẳn : Anh nên tìm một việc gì nhẹ hơn, việc nặng-nhọc quá coi chừng anh lại đau rồi báo đời cho Ba Mẹ đấy. Hẳn nói hẳn còn trẻ, còn đủ sức hẳn cứ việc làm thử và đến chừng nào liệu không nổi nữa rồi mới tìm việc khác nhẹ hơn. Bây giờ cứ nghĩ rằng không nổi thì sẽ không bao giờ làm nổi, phải nghĩ rằng nổi thì sẽ nổi. Kể viết bài này chỉ biết ngồi lặng thinh và phục hẳn quá. Hẳn là kẻ hậu-sinh của Nguyễn-Bá-Học, không đọc được văn của Nguyễn-Bá-Học: thể mà hẳn có tư-tưởng của Nguyễn-bá-Học :

«Đường đi khó không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông». Quả là những tư-tưởng lớn thường hay gặp nhau. Mùa hè đến trên xứ Nhật thật là mùa mà dân Nhật hằng mong đợi. Mùa thật đẹp cho mọi người, mùa của tình yêu lý tưởng và trong sạch. Mùa mà mọi người đều có thể ra sức vùng vẫy trong bốn bề.

Bề ở đây là bãi bể đề tắm. Thật vậy, dân Nhật là dân ham chuộng thể thao và ưa bơi lội.

Tại những bãi bể ở ATAMI ở WAKAYAMA ta sẽ thấy người đông như kiến với đủ mọi kiểu áo tắm, đủ cả màu sắc bông hoa. Họ đùa gợn, họ rượt bắt, họ thấy bóng, họ la hét, họ nằm ngửa nghiêng phơi nắng trên bãi bể trông họ rất tự nhên và thoải mái. Trên bãi bể cũng có những quán giải khát và bán thức ăn thường là SUSHI một thứ cơm Nhật ăn với cá sống, mực sống và thịt sống. Ăn rất ngon và hoàn toàn không có một mùi vị gì tanh cả. Nếu bạn ăn không quen bạn sẽ có cảm giác hơi ghê sợ khi phải đớp những thứ này. Ngoài ra trên bãi bể còn có những phòng để thay đồ, cho mượn phao bơi lội, cho mượn quần áo tắm như những phòng xả nước ngọt

đề bạn có thể tắm lại cho sạch sẽ khi từ bãi bê lên. Dọc theo bãi bê lại có những cặp tình nhân son trẻ ngồi ôm nhau khấn khít nhìn thiên hạ tắm hay nô đùa trên bãi bê một cách vô cùng hạnh phúc. Thỉnh thoảng từ đằng xa đi lại một vài mini jupe của các cô choai-choai mặc giúp cho cuộc đời đã đẹp lại càng đẹp. Có kẻ bảo mùa hè là mùa của yêu đương và gặp gỡ. Thật vậy không biết bao nhiêu mối tình đã nảy nở từ mùa hè, từ những bãi biển với cảnh bao-la hùng-vĩ của thiên nhiên, từ những cái hồ tắm nho - nhỏ xinh - xinh trong thành phố đến những cuộc leo núi hay những buổi picnic nho nhỏ ngoài trời. Họ đã gặp nhau và rồi dễ dàng yêu nhau trong bầu không khí nóng nực.

Bãi biển ở Nhật-Bản thường không đẹp và sạch bằng ở Việt-Nam. Bãi-biển của họ cát đen đúa và không trắng tinh như ở bãi-biển Nha Trang của VN. Bãi biển ở VN vẫn là bãi biển đẹp và thơ-mộng nhất. Với bãi biển Nha-Trang mà trên bãi là những hàng dừa ngọt nước, những hàng cây xanh lá đang run rẩy và oằn-oại trước gió, những tà áo trắng học-sinh đi lang thang nhìn trời mây trông đẹp làm sao ấy.

Và còn nữa VN còn có bãi biển

Vũng Tàu với bãi trước rằm lã g, bãi ô-quần đầy đá lôm chôm và bãi Sau thật đẹp với những làn sóng hơi to giúp ta thỏa chí tung hoành đùa giỡn với sóng nhưng cũng là một bãi biển đầy nguy hiểm nếu ta táo bạo lội ra xa. Ở Nhật Bản không có một bãi biển nào đẹp và lý tưởng như bãi Sau ở Vũng Tàu. Bãi biển của họ chỉ đông nghẹt người và dơ dáy. Muốn lội cho thỏa thích cũng không hề lội được vì người là người. Muốn lội ra xa một chút cũng không được vì hệ qua lần mức giới hạn thì lập tức có những quan sát viên đứng trên cao hay chạy tuần tiễu bằng thuyền máy dùng ô-bạt-lua để mời vào. Nếu chúng ta ngoan cố và giả lơ như không nghe tiếng gọi thì họ sẽ đem thuyền đến và chở chúng ta vào nơi an toàn để tắm sau một phút xài xê. Bãi-biển của họ không có những ngọn sóng cao như ở bãi Sau Vũng Tàu. Bãi biển của họ thường dơ như bãi trước ở Vũng-Tàu của chúng ta. Xứ ta tuy nghèo nhưng không nghèo về phong cảnh đẹp và bãi biển.

Bãi biển của họ không đẹp và dơ như thế, không được lội tự do như thế, thế mà họ vẫn đến thật đông, vẫn chen lấn và đứng như cá đóng hộp trên những chiếc xe

điện nóng như lửa đốt, mồ hôi tuôn ra như nhụy nhại dù xe điện cũng trang bị bằng những cái quạt máy để đến tắm ở những bãi biển như thế thì ta biết rằng dân Nhật rất ham bơi lội. Tại những hồ tắm cũng thế, làm gì có chỗ mà bơi với lội. Thiên hạ đông như kiến chỉ biết nhảy xuống rồi đứng đó ngâm đến độ chán thì thôi. Một số kẻ vì có lẽ chán ngán với cảnh đông người như thế nên khi mùa hè đến họ thường tìm tới những nơi thanh tịnh hơn mát mẻ hơn để thưởng thú uống trà ngâm thơ hay cùng nhau đàn hát nơi rừng vắng hầu quên đi cái nóng bức của mùa hè :

*«Ta đợi ta tìm nơi vắng-vẽ,
Người khôn người đến chốn
lao-xao».*

Ngoài ra có những kẻ lại không thích những cảnh trên. Họ chỉ muốn lên đèn trên sóng nước của mặt hồ yên tĩnh như hồ HAKONE, hồ BIWAKO rồi thả hồ về tận một phương trời xa nào đó. Một chiếc thuyền con, một mái chèo cũng có thể biến thành thi sĩ.

*«Mùa hè oi-bức nước trong
veo,
Một chiếc thuyền con bé tẻo
teo*

*Sóng nước theo làn hơi gợn
ti
Thuyền con lướt gió sẽ đưa
vèo»*

(Dựa theo một bài thơ tả cảnh Thu của Tam-nguyên Yên-Đổ)

Mùa hè đã đến trên xứ Nhật rồi, khắp đó đây vang lừng những bài ca mùa hè, những giọng ngâm thơ ca tụng mùa hè. Họ chào đón mùa hè một cách háng say như tin đồn suông đạo. Họ hoan hô mùa hè. Mùa hè đến là đề cho họ, mang cho họ một niềm vui to tát cũng như đã mang đến cho nhân loại, cho du học sinh đang theo học ở những trường của Nhật Bản. Mùa hè đáng yêu và đẹp biết bao nhiêu vì chỉ có mùa hè mới là mùa được về thăm gia đình, gặp lại Ba Mẹ và bà con thân thuộc bạn bè. Mùa hè cũng sẽ là mùa vô duyên và đáng ghét biết bao cho những sinh viên vì hoàn cảnh hay vì nhiều lý do nào khác mà không về thăm nhà được. Mùa hè sẽ là mùa của bơ vơ cô độc, mùa của lang thang và lạc lõng. Người ta ca tụng mùa hè, người ta oán ghét mùa hè, người ta chờ đợi mùa hè, người ta sợ hãi mùa hè là tùy theo vị trí và hoàn cảnh của người ta đang đứng.

TRẦN-VĂN-QUANG
(Sinh-viên Kỹ-sư hóa-học
OSAKA — JAPAN)

Một vị công thần Miền Nam

PHƯỚC - QUỐC - CÔNG

HỒ - VĂN - BÔI

— Phụ nữ miền Nam có bao nhiêu người làm Hoàng-Thái-Hậu ?

□ □ □ □ □ □ □ □ □ □ ★★ ★ AI-LAN

THUỞ vua Gia-Long bốn đào tị nạn ở miền Nam, trên đường lưu vong này, có nhiều vị công thần người miền Nam theo hộ giá hoặc giúp đỡ nhiều phương tiện, sau khi nhà vua thống nhất sơn hà, phong tặng cho các vị ấy tước lộc mà ông Hồ-văn-Bôi, được phong là Phước-quốc-Công, nhưng ít ai biết.

Ông Hồ văn Bôi, gốc gác tại Biên hòa, phủ Phước Long,

huyện Nghĩa-an, tổng An điền, Linh Chiểu tây (tức Thủ đức bây giờ).

Phước quốc Công Hồ văn Bôi là một vị quan võ đã từng lao khổ bên cạnh Gia Long. Vì cái công to đó, nên sau khi tức vị, vua Gia Long bèn cưới con gái của ông Hồ văn Bôi cho vua Minh Mạng (lúc còn là thái tử) vua Gia Long phong cho cô dâu là Thần-Phi nhất vị (vợ chánh thức của Minh Mạng) tên là Hồ thị Hoa, sau khi có

chồng, bà Thần Phi Hồ thị Hoa ra ở ngoài Huế, đến lúc đức Minh Mạng lên kế vị cho vua Gia Long thì bà Phi cũng ở tại cung. Mấy năm sau, bà sanh một hoàng tử. Ba ngày sau khi sanh thì bà Phi từ trần. Vì vua Gia Long bỏ lệ lập Hoàng hậu nên vua Minh Mạng khi lên làm vua, chỉ phong cho bà chức Nhất Phi mà thôi. Người con trai ấy sau nối ngôi vua Minh Mạng lấy niên hiệu Thiệu Trị. Chừng đó, vua Thiệu Trị mới phong cho mẹ chức Tá Thiên-Nhân Hoàng-Thái-Hậu. Mấy ngày sau khi tấn phong, sực chỉ ngày 27 tháng tám, vua bảo truất một số tiền cất đền thờ cho ông ngoại là Phước quốc Công Hồ văn Bôi, cùng mẹ vua bà Tá Thiên Nhân Hoàng Thái Hậu, và năm mẫu đất để lấy hue lợi cúng tế bên ngoài nhà vua.

Trước đây hơn 70 năm, một người cháu của Phước quốc Công a từng với làng, bán hết ba mẫu 8 sào trong số năm mẫu này cho ông Bử Chánh họ, chỉ còn lại có 1 mẫu 2 sào quanh đền thờ của ông Phước quốc Công Hồ văn Bôi và con gái ông, tức vợ của Minh Mạng, mẹ của vua Thiệu Trị (người miền Nam, tỉnh Biên hòa) và

là Tá Thiên Nhân Hoàng Thái Hậu mà thôi.

Đền thờ ở ngoài vòng thành vua, phía sau thành, ở bên bờ sông Hương, tức Kim Long.

Cửa ngõ xây bằng gạch xưa, hai nóc, vôi gạch còn chắc lắm. Cửa này xây từ thời Thiệu-Trị nay có gồm 200 năm. Trong đền thờ sơ sài, không có bàn ghế chỉ đáng giá. Tại lòng căn giữa, có hàng cột nhì, có một bàn thờ, trên để bài vị phủ vải vàng, trước vị có cái cái lư hương bằng sành, hai bên có hai chân đèn bằng gỗ. Bên trong nữa có ba bàn thờ, chưng dọn cũng thô sơ như bàn thờ trước. Ba căn có ba cái màn đỏ viền vàng, treo từ trên trần phủ xuống. Sườn nhà bằng gỗ, từ đầu kèo có chạm đầu rồng đuôi phụng, trính có đóng khung chạm sơn thủy và có khắc nhiều bài thơ.

Người ta cho biết rằng cái sườn nhà này trước kia là nhà nghỉ mát của vua Tự Đức hay ngồi đọc sách, nên trên khuôn có khắc nhiều bài thơ của ông «vua thi sĩ». Vua Duy Tân lên ngôi, có đi viếng đền thờ này, thấy cũ, hư, gần sập, vua ban sắc chỉ giữ nhà mát của vua Tự Đức đem về cất lại, hai bên có

hai phòng để cho thân nhân ở thờ phượng. Chúng tôi xem các sắc chỉ của vua ban. Trong sắc chỉ ấy có nói rõ công trạng và chức tước của cụ Quốc Công.

Tất cả có 10 cái sắc chỉ, bằng tơ vàng, dài một thước 5 tấc tây, ngang 5 tấc, chung quanh bìa có thêu rồng xanh tranh châu. Chữ sắc thì viết bằng mực tàu đen, còn ai dấu ngọc ấn của vua thì in bằng mực đỏ.

Có cái sắc chỉ của Thiệu-Trị viết bằng mực đen trên 24 tờ giấy bạch. Trong sắc ấy, vua Thiệu-Trị giao cả thành trong thành ngoài và cả Kinh đô Huế cho người cậu ngài là anh của bà Tá Thiên Nhân Hoàng thái Hậu. Vua Thiệu-Trị giao kinh đô cho cậu đăng đi ra Bắc hà. Bản sắc đó gọi là «sắc chỉ lưu Kinh», đề ngày 19 tháng giêng năm Thiệu-Trị thứ hai.

Cậu của vua Thiệu-Trị tên là Hồ-Thập làm quan võ tước chức Thống-chế. Ngày vua Thiệu-Trị ngự giá Bắc tuần, vua giao quyền coi ngó thành trì cung điện tất cả các Bộ các sở cho quan Thống-chế và phong chức «khâm mạng lưu kinh đại thần», ở lại kinh đô với Hoàng tử là con của Thiệu-Trị, tức vua Tự Đức ngày sau vậy. Trong bốn

sắc chỉ, vua kê một cách kỳ càng những việc gì, phải giao cho quan Khâm mạng. Như quan thay mặt vua mà trị nước lúc ngài đi vắng. Trong sắc có nói giao ấn ngọc và Hoàng tử cho quan Khâm mạng gìn giữ và giao mấy muôn binh mã cho cụ cai quản. Trong đó có những đội quân : Trấn Vũ, Tinh binh, Cầm y, Kim ngô, Võ lâm quân v.v... như dịp ấy, vua phong cho cậu ngài chức Nghiêm oai tướng quân, Thượng - Hộ - Hậu, Thống-chế Hồ hầu.

Vua lại hạ chỉ cho cậu ngài trông nom bà Thái Trưởng công chúa, Hoàng Tỷ là chị nhà vua, và cho phép bà chúa chị ở trong điện mà gìn giữ báu vật của vua, và cho trọn quyền sai khiến các cung nữ hầu hạ bà. Vua lại dặn quan văn và quan võ từ tam phẩm trở lên, khi nào có việc vào hầu quan Khâm mạng Hồ Hầu, thì chỉ có phép đem theo năm người bộ hạ mà thôi. Vua dặn vậy vì sợ họ đem quân vô nhiều mà soán ngôi lúc ngài ở Bắc chẳng ? Vua lại cho quan Hồ Hầu có quyền chém kẻ có tội trước rồi sẽ tâu sau (tiền trăm hậu tấu) nhưng trong lúc vua đi Bắc ba tháng, ở tại đền, quan Khâm mạng

tuy có quyền lớn, nhưng cách cư xử rất nhơn đức ôn hòa, không hề chém giết ai và không làm tội quan nào cho trọng. Chỉ có hai vị quan võ bề trên việc tập quân, ông Đề đốc dâng biểu cho quan Khâm mạng biết. Ngài chỉ giáng chức một cấp cho dĩ công chuộc tội. Đến lúc vua về, ngài tâu xin vua phục chức lại cho hai quan võ ấy. Vua biết ý cậu mình phạt cho người ta sợ mà ăn năn chữa lỗi, chớ không phải làm hại cả công danh của quan nhỏ, nên vua vui lòng phục chức cũ cho hai ông quan ấy.

Vua đi Bắc tuần về, thấy trong triều việc chi cũng bình an cả, ngài rất vui mừng đẹp ý, nên bữa thiết đại triều cho bá quan bái hạ mừng vua ngự giá hồi loan vô sự, nhà vua kêu quan Khâm mạng ra giữa điện mà ban lời khen ngợi và ban sắc chỉ để tặng lòng trung nghĩa của cậu mình. Mấy đạo sắc chỉ ban khen đó dài quá và nhiều quá, dầu chép lại mấy quyển sách cũng không hết.

Thế là Phước quốc Công Hồ văn Bôi là người ở Biên hòa, có con gái là Hồ thị Hoa, gả cho vua Minh Mạng, và là mẹ đẻ của vua Thiệu-Trị, được tấn

phong Tá-Thiên-Nhân Hoàng thái hậu. Rồi cậu của vua Thiệu-Trị là Hồ Thập, làm Khâm mạng đại thần, kiêm Nghiêm oai Tướng quân, Thượng Hộ Hậu, Thống chế Hồ Hầu.

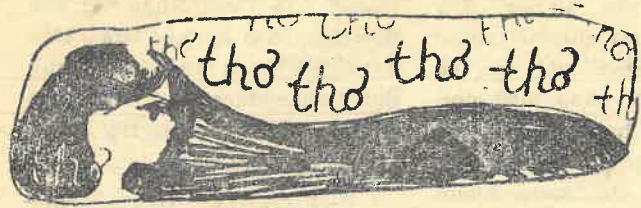
Tá Thiên Nhân Hoàng Thái Hậu lại là bà nội của vua Tự-Đức. Còn mẹ của vua Tự-Đức là đức Từ Dũ Hoàng-thái-Hậu, cũng người miền Nam, quê quán ở Gò Công. Sau này, thời Bảo Đại, Hoàng Hậu lại là người miền Nam ở Saigon, tức Nam Phương Hoàng Hậu vậy.

Thế thì miền Nam này nói theo các thầy địa lý tả ao có đất làm Hoàng Hậu nhiều đời chớ bỏ bê gì đâu.

Riêng chuyện Phước quốc Công Hồ văn Bôi, trong sử không thấy chép, (bay có mà thất lạc chẳng) chúng tôi như dịp được ở Huế, và thường cùng với gia quyến đi chiêm ngưỡng các nơi di tích, tin tọc mạch thích tìm tòi nên mới biết sự tích như trên. Vậy nay ai là cháu chắc cụ Phước quốc Công Hồ văn Bôi, ở Biên hòa hay Thủ đức, có còn ?

AI-LAN





Nha Trang

*Nha Trang hỏi Nha Trang hồn ta chết
những lời thương chẽ nét mảnh hình hài
những phiên buồn trĩu nặng xuống đôi vai
người xa quá — sầu ta đầy tuổi ngọc*

●

*Nha Trang hỏi Nha Trang buồn ta khóc
tình yêu xưa gọi nhớ dọi vào hồn
Phước hải giờ còn dấu vết yêu đương
Thơ ta đó — mang niềm đau vụng vại*

●

*Nha Trang hỏi Nha Trang sầu ta gọi
Tháp Bà ơi cầu Đá đó bao ngày
biển cát dài hai đũa bước mé sây
còn đâu nữa — ta về trong tiếc nuối*

●

*Nha Trang hỏi Nha Trang giờ ta đợi
làm sao quên ước vọng của tình đầu
trương tư chừ da thịt đã no sau
tình ta mất — ta sầu si ta khóc*

NGỌC-THÙY.KHANH
Đà Lạt 1970

Lịch sử một viên ngọc quý của Việt Nam :

«DIÊN NIÊN ÍCH - THỌ - CHÂU»

hay là

LONG - TINH - CHÂU:

VIÊN NGỌC LỘT SANG NHIỀU TAY DƯỚI THỜI MÃN-
THANH — CÁC NƯỚC TÂY PHƯƠNG DÀNH MUA, SAU
RỘT, HUÊ-KỲ MUA ĐƯỢC — AI ĐEO NÓ. ĐƯỢC
TRƯỜNG THỌ — MÙA HẠ MANG THÌ MÁT, MÙA ĐÔNG
THÌ ẤM — ĐEO NÓ TRÁNH ĐƯỢC ĐẠN TÊN, NƯỚC
VÀ LỬA — ĐÁNG GIÁ HÀNG TỈ MỠ KIM — BÂY GIỜ
NÓ Ở HUÊ-KỲ ?

●●● ÁI-LAN

MỘT tờ báo Tàu ở Bắc
bình ra ngày 23-12-1935, có đăng
một bài nói về lai lịch một viên
ngọc quý vô giá của nước Việt
ta thời Mãn Thanh (bên Tàu)
thật là ly kỳ, chúng ta cũng nên
tìm hiểu xem sao. Cứ theo báo
ấy nói, thì đó là một sự thật
trăm phần trăm (còn việc viên
ngọc có một huyền lực lạ lùng
thì chúng ta còn nghi ngờ.)

Hồi thời Mãn Thanh, khắp
hoàn cầu ai cũng biết là trong
cung điện vua Mãn Thanh nước
Tàu, có nhiều đồ vật vàng ngọc
châu báu rất là hiếm có trên
thế gian và rất quý giá. Sở dĩ
thanh traò có được của quý
nhiều vô số, đến đời chừ đầy
mấy kho như thế là do các
quan dân đem dâng, phần thì
các nước chừ hầu đem đến tấn
cồng. Trong kho châu báu của

vua Thanh có cả những vật quý giá của nước Việt ta đóng góp nữa.

Thuở ấy, nước ta có đem một viên ngọc, rất quý sang cống vua Thanh, viên ngọc ấy gọi là «Long tinh châu». (Hột châu mất rỗng) trái mấy đời Thanh giữ gìn trân trọng lắm.

Sau Thanh trào mất ngôi, bao nhiêu vật quý trong cung lần lượt mất mát tiêu tan cả.

«Tị trần Châu» (ngọc trừ bụi) đã bị cô em dâu của Phổ Nghi (tức vua Mãn Châu) là nàng Đường Thạch-Hà (vợ ly dị của Phổ-Vỹ) tung xài, đem bán cho một nhà buôn Huê-Kỳ có 10 muôn đồng.

Những vị cổ lão đã hầu hạ trong cung vua nhà Thanh trước đây, đã hiểu biết tinh hình trong cung, nói chuyện lại rằng : có hai viên ngọc quý khác là «Tị hỏa Châu» (ngọc tránh lửa) và «Long tinh Châu» (ngọc mất rỗng) cũng đã bán cho người Huê-Kỳ rồi.

Nguyên trên chiếc ngai vàng ở trong cung Càn Thanh, có chạm một cái đầu rồng nổi lên, hai con mắt rồng nhận hai viên ngọc quý : Tị hỏa Châu và Tị trần Châu.

Tị hỏa Châu đã bị lạt mất từ lúc hai trào vua Đồng Trị và

Quang Tự, không biết ai lấy trộm đem bán, mà sau này nghe nói lọt vào tay người Hoa Kỳ. Tương truyền rằng viên ngọc Tị hỏa Châu và Tị trần Châu lớn bằng nhau và đều màu đen, nhưng sắc nó chói sáng lóa. Nếu đem nó để vào trong cái mâm thì cách khoảng một thước, bao nhiêu đèn đuốc thấp sáng chung quanh, không có gió thổi mà đều tắt hết, vì ngọc ấy có tánh cách trị lửa.

Còn Tị trần Châu để giữa cái bàn lớn trong đại điện, đêm đó có gió bão lớn, cát bụi bay mù mịt, sáng dậy xem các đồ vật trong điện đều bị cát bụi dính đầy, chỉ có khoảng vòng quanh 4 thước cách viên Tị trần Châu thì sạch trơn, không có một hột bụi nào cả.

Hồi năm 1922-1923, Phổ Nghi bị Phùng ngọc Tường đuổi ra khỏi Thanh cung, Phổ Nghi đem viên ngọc quý này theo; rồi cho người em dâu là Đường thạch-Hà, sau Thạch Hà đem bán cho người Huê-Kỳ ở Thiên Tân.

★

Còn viên ngọc Long tinh Châu thì của quý của nước Việt-Nam đem cống cho Mãn Thanh.

Nguyên lúc đầu Thanh trào, vua Việt ta sai sứ thần qua tấn công, trong lễ vật ấy, có viên ngọc gọi là *Diên niên ich Thọ Châu*, (hột châu làm cho sống lâu thêm thọ) cũng gọi là *Long tinh Châu*.

Ngọc này sắc vàng, chính giữa có đốm đen giống con mắt rồng, cho nên gọi là Long tinh. Nó cân nặng 1 chỉ 8 phân. Buổi đầu nhà Thanh, gặp trào vua tuổi nhỏ, Đa Nhĩ Cỗn làm Nhiếp-chánh-Vương, quyền thế oai danh rất lớn. nhà vua đem ngọc Long-Tinh ban thưởng cho Đa-Nhĩ-Cỗn.

Sau khi Đa chết, người con giữ gìn cục ngọc đó, coi như vật gia truyền chi bảo, đựng trong cái túi may bằng gấm, đeo ở bên rún, trọn đời không mắc phải tật bệnh gì cả. Nhờ đó mà con cháu nhà họ Đa trải mấy đời đều thọ tới trăm tuổi. Nghe nói Long tinh Châu có tánh chất lạ : mùa hè đeo nó thì người mát mẽ, mùa đông đeo nó thì người ấm áp. Ngoài sự tinh nghiệm trên, nó còn khiến cho người nào đeo nó, tránh được các nạn binh đao thủy hỏa nữa.

Con cháu Đa Nhĩ Cỗn đến thời Trung Hoa dân quốc năm thứ 8 thứ 9, (1919-1920) cửa nhạ

sự nghiệp sa sút, muốn đem ngọc Long tinh bán đi, nhưng mấy ông chủ tiệm buôn châu báu là người Pháp, người Bỉ, chỉ trả có 12 muôn đồng. Con cháu họ Đa suy nghĩ cục ngọc này quý báu như ngọc Liên-Thành đời xưa, có lẽ nào bán rẻ như vậy, nên cứ đành chịu nghèo mà giữ ngọc lại không bán với giá đó,

Mãi tới năm, 1930, con cháu của Đa Nhĩ Cỗn túng nghèo quá, phải đem viên ngọc Long tinh cầm thế cho một nhà băng Huê-Kỳ ở Thiên Tân, lấy năm muôn đồng, hẹn năm năm phải chuộc Gia quyền họ Đa kiếm mỗi đề bán cho được giá, nhưng gặp hồi kinh tế khủng hoảng, người ta trả rẻ quá, rốt cuộc không bán được. Thấm thoát thời hạn chuộc ngọc đã đến mà con cháu họ Đa không có tiền chuộc lại, thành ra cuối năm 1934, họ phải thương lượng với nhà băng Huê-Kỳ ở Thiên Tân lấy thêm 8 vạn nữa, để bán luôn cho chủ nhà băng.

Thế là hòn ngọc quý chỉ bán trước sau 20 vạn đồng.

Có lẽ hiện nay cục ngọc Long tinh, hay là *Diên niên ich Thọ Châu* của nước Việt ta ở nước Huê-Kỳ chẳng ?

★★★



Chiều buông xuống

Thôi em về với thiên thu
Đề ta về giữa sa mù trần gian
Tuổi thơ sầu rụng võ vàng
Niềm ưu tư dậy bến hoang liêu buồn
Mưa dài giăng mắc đầu trướng
Đeo heo hút lạnh suối nguồn quanh hiu
Có đơn về khóc trong chiều
Bạn bè mỗi đứa bạt phiêu phương trời
Bơ vơ bước lạc vào đời
Khi chiều buông xuống buồn ơi là buồn.

DIỆP-VŨ
(Quảng-ngãi)

LE MUR BỨC TƯỜNG

★★★ JEAN PAUL SARTRE
Bản dịch của
□□□ NGUYỄN-HỮU-TRỌNG

JEAN PAUL SARTRE sinh năm 1909, ông là người đã chủ trương triết thuyết Hiện Sinh. Kể từ sau khi thế g ới đại chiến thứ II tên tuổi ông được coi như thần tượng của giới thanh niên trên thế giới.

Là một triết gia tên tuổi, ông là cháu ngoại của bác sĩ Albert Sweitzer, người đã nổi tiếng bác ái tại núi rừng Phi-Châu. Có lẽ điều này đã ảnh hưởng khá nhiều đến cuộc đời cũng như văn nghiệp của Jean Paul Sartre sau này.

Jean Paul Sartre thi đỗ thạc sĩ triết học, ông làm giáo sư tại đại học Havre, sau đó ông lại tiếp tục hành nghề tại Pháp Quốc học viện ở Bà-Linh, Tay-Đức.

Năm 1940, sau khi tham gia vào Phong Trào Tranh

Đầu của đảng Cộng-Sản Pháp, ông bị bắt và cầm tù, sau đó ít lâu Sartre được chính phủ Pháp ân thích và từ bỏ nghề dạy học và sống với nghề văn.

Trong số những tác phẩm chính của Jean Paul Sartre người ta phải kể đến những tác phẩm sau:

- LA NAUSÉE. (Buồn nôn).
 - LE MUR. (Bức tường).
 - LES CHEMINS DE LA LIBERTÉ. (Những ngã đường Tự Do).
 - LES SURSIS. (Án treo).
 - LA MORT DANS L'ÂME. (Chết trong linh hồn).
 - LES MOUCHES. (Những con ruồi). Kịch.
 - LES MAINS SALES. (Những bàn tay bẩn). Kịch.
 - LA P... RESPECTUESE. (Ả GIANG HỒ).
 - MORTS SANS SÉPULTURE. (Không một nấm mồ)
 - HUIS CLOS.
 - LE DIABLE ET LE BON DIEU.
- Về văn chương gồm có những tác phẩm :
- SITUATIONS, I, II, III, IV, V, VI và VII.
 - SAINT GENET.
 - COMÉDIEN ET MARTYR.

— BAUDELAIRE.

— LES MOTS.

Về triết học ông viết các quyển :

— L'IMAGINAIRE.

— L'ÊTRE ET LE NÉANT.

— CRITIQUE DE LA RAISON DIALECTIQUE.

Về tham luận chính trị có :

— ENTRETIENS SUR LA POLITIQUE;

— RÉFLEXIONS SUR LA QUESTION JUIVE.

— L'AFFAIRE HENRI MARTIN.

Năm 1964, Jean Paul Sartre được Viện Hàn-Lâm Thụy Điển trao tặng giải thưởng Văn-Chương NOBEL, nhưng ông không nhận giải.

Trong những người được coi như kẻ vị của Sartre người ta nhận thấy có một số nhà văn lớn như Albert Camus, Simone de Beauvoir, Merleau Ponty v.v ...

Truyện Bức Tường dịch dưới đây được trích từ tuyển tập truyện ngắn LE MUR do nhà Gallimard ấn hành. Đọc truyện Bức Tường ở đây người đọc sẽ thấy tất cả những tư tưởng được coi như tiêu biểu cho Sartre nhất trong lối hành văn cũng như lối dựng truyện.



HO đây chúng tôi vào trong một căn phòng sơn màu trắng, lúc vào đến bên trong mắt tôi bắt đầu chớp vì ánh sáng làm cho khó chịu. Sau đó tôi nhìn thấy phía sau một cái bàn kê tận cùng có bốn gã đàn ông đã ngồi sẵn tự bao giờ, những người này họ mặc thường phục, họ đang chăm chú nhìn vào đồng hồ sơ với những giấy tờ đầy cộm. Chúng tôi dẫn những người tù vào phía cuối cùng của phòng giam và phải đi qua hết căn phòng mới có thể gặp được họ. Trong số những người đang bị giam giữ, một số người tôi đã quen biết từ lâu, còn lại một số khác tôi nghĩ có lẽ họ là người ngoại quốc. Phía trước, đứng đối diện với tôi là hai người đàn ông tóc vàng, đầu tròn, trông họ giống nhau vô cùng; có lẽ họ là người Pháp, Anh chàng nhỏ thó thì có một bộ tịch đáng buồn cười là luôn luôn đưa tay kéo quần lên, chắc có lẽ nóng nảy thì đúng.

Cảnh tượng như thế cứ tiếp tục và kéo dài ngót ba tiếng đồng hồ, tôi bị mê đi, đầu óc tôi trống rỗng không còn hay biết được điều gì, nhưng căn phòng trong giờ phút này thì có vẻ ấm cúng hơn trước và tôi cảm thấy thoải mái, dễ chịu đi nhiều; đã suốt

hai mươi tiếng đồng hồ trôi qua, trong khoảng thời gian dài ấy chúng tôi luôn luôn lạnh rét. Bốn lính canh bên ngoài, chúng đưa hết người này đến người khác tuần tự đến trước chiếc bàn bốn gã đàn ông ngồi đấy cứ hỏi tên họ, địa vị, nghề nghiệp của từng người. Phần lớn tất cả những người bị lấy khẩu cung thông thường thì chúng không thích đi xa hơn ngoài những câu nói tầm thường gần như cố định ấy, một đôi lúc chúng lại hỏi thêm những câu hỏi vu vơ không chủ đích; «Mày có tham gia vào công cuộc khủng bố, phá hoại những kho quân nhu đạn dược hay không?». Hoặc nữa có khi chúng hỏi; «Sáng ngày mồng 9 này đang làm gì và lúc đó ở đâu?». Chỉ có hỏi mà không nghe thấy câu trả lời nào được đáp lại, chúng cứ giả bộ như không thấy gì cả.

Chúng im lặng một lúc và nhìn thẳng vào mặt những người tù, đoạn cúi đầu xuống bàn tiếp tục viết. Chúng hỏi Tom xem có phải anh ta trước đây đã từng phục vụ trong Lữ-đoàn Quốc-Tế hay không. Tom không trả lời khác hơn bởi lẽ chúng đã tìm được tất cả những giấy tờ, bằng chứng cụ thể mà chàng đã giấu trong túi áo. Đối với Juan, chúng

không hạch hỏi gì cả, nhưng sau khi anh ta vừa xưng tên họ xong, chúng lại cúi nhìn vào đồng hồ sơ trước mặt và viết một lúc khá lâu.

Juan cất tiếng : «Anh José, tôi mới chính là một kẻ phản loạn. Các ông chắc cũng đã thừa biết rằng, anh ta không bao giờ có ở tại đây. Tôi không hề tham gia vào bất cứ một đảng phái nào cả. Tôi từ trước đến nay chưa từng làm việc chính-trị bao giờ.»

Chúng lại yên lặng, không trả lời, Juan lại tiếp :

— Tôi không là gì cả. Tôi muốn được đền tội thay cho kẻ khác.

Mời anh ta mấp má. Một tên lính gác nhìn anh ta bảo im đoạn đưa anh ta đi ngay. Đến phiên tôi :

— Mày có phải là Pablo Ibbieta không?

Tôi đáp ngắn, đúng thế.

Một tên nhìn xuống đồng hồ sơ và nói với tôi :

— Vậy còn Ramon Gris đâu?

— Tôi không biết.

— Lão, mày đã giấu nó trong

nhà mày từ ngày mồng 6 đến ngày 19.

— Không.

Chúng không buồn nói năng gì nữa, chúng cũng chẳng hỏi han gì thêm, và sau đó một tốp lính gác dẫn tôi ra cửa. Ở phía ngoài hành lang, Tom và Juan chờ đợi cùng hai tên lính gác. Chúng tôi đi. Tom cất tiếng hỏi một tên lính :

— Vậy là thế nào?

Tên lính hỏi vặn ;

— Cái gì?

— Đó là hỏi cung để điều tra hay là xét xử?

Tên lính trả lời ;

— Đó là phòng xử án.

— Nếu thế thì chúng làm gì với chúng tôi?

Tên lính gác trả lời bằng một giọng gắt gỏng ;

— Người ta sẽ tuyên bản án các anh ngay trong nhà giam.

Sự thật thì nhà giam bọn tù chúng tôi chỉ là một ngôi hầm nằm trong khuôn viên của một bệnh viện. Ở đây trời lạnh thấu xương bởi lẽ gió lùa vào tận phía trong. Ban đêm, khi màn

dêm buông xuống chúng tôi chịu cảnh lạnh buốt căm ban ngày cũng không khác mấy, cũng vẫn lạnh run lên. Năm ngày trước đây, tôi bị giam trong một gian phòng giam của một tòa giam mục, gian phòng giam này tối tăm kinh khủng, đây là một giam lạnh lẽo và âm thấp nhất, tôi thấy có lẽ nó là một ngôi nhà giam đã có tự thời trung cổ cũng nên chăng? Bởi vì tất cả mọi tù nhân nhiều vô số mà chỗ ở lại quá chật hẹp, họ giam bất cứ tại nơi nào. Tôi không có ý luyến tiếc căn phòng giam này, vì lẽ mặc dù ở đây tôi không phải bị lạnh run người, nhưng chỉ có một mình; ở lâu mãi đâm ra buồn nản khó chịu vô cùng. Ở trong căn phòng giam thuộc hầm nhà thương này, dù tiết trời có lạnh thật nhưng tôi cảm thấy đỡ chán nản hơn vì ở đây tôi tìm thấy được những người bạn cũ đã quen biết từ lâu. Juan vẫn im lặng, chàng ta không mở môi nói lấy một lời. Hắn có lẽ sợ vả lại anh ta hãy còn quá trẻ không biết phải nói chuyện gì. Nhưng Tom là một anh chàng có tài hùng biện hoạt bát, anh ta nói tiếng Tây-Ban-Nha rất trôi chảy.

Trong hầm giam có một chiếc

ghế dài và bốn tấm nệm bằng cỏ. Lúc bọn lính dắt chúng tôi vào đây, chúng tôi ngồi xuống những tấm nệm cỏ ấy nghĩ ngợi và chờ đợi trong một thái độ tuyệt đối im lặng. Một lúc sau, Tom cất tiếng;

— Chúng ta nguy cả rồi.

Tôi nói thêm vào:

— Tôi cũng nghĩ như thế. Nhưng có lẽ chúng sẽ không làm gì thẳng bẻ.

— Tom trả lời:

— Chúng ta không có gì phải trách hấn cả, hấn là em của một chiến sĩ, sự thật chỉ có thể thôi.

Tôi nhìn Juan, hấn không trả lời cũng không có ý nghe chuyện.

Tôi lại nói:

— Mày có hiểu tại Saragosse (1) chúng đã làm gì không? Một gã Maroc đã từng ở đây về kể lại rằng chúng bắt tù nhân nằm ngoài đường cái đoạn cho những chiếc xe cam nhông chạy cán ngang qua, bọn chúng cho làm như thế để tiết kiệm đạn,

Tôi nói vào;

— Đạn thì tiết kiệm được đấy, nhưng chúng có hà tiện được xăng dầu?

Tôi tỏ vẻ bức dọc với Tom, đáng lý ra anh ta đừng nên nói chuyện này ra.

Anh ta kể thêm:

— Tại đây, có những tên sĩ quan đi chơi ngoài đường và giám sát cho việc làm tàn nhẫn đó, chúng giữ một thái độ hết sức vô nhân đạo, họ thả nhiên cho hai tay vào túi quần, miễn phí phèo điếu thuốc lá ngạo nghễ chứng kiến cảnh tàn sát. Bộ mày tưởng rằng họ đã giết được tất cả tù nhân ở đây ngay một cách dễ dàng hay sao? Chúng đã phó mặc cho họ kêu gào, van lơn. Có lúc đến hằng giờ. Gã đàn ông người Maroc kể rõ rằng ngay trong lần tàn sát đầu tiên chúng giết họ hục.

Tôi nói:

— Ở đây thì tao không tin chúng sẽ đối xử như thế, nếu có chỉ khi nào chúng thật tình thiếu đạn.

Ánh sáng bên ngoài dội vào phía trong căn hầm giam, một thứ ánh sáng yếu ớt chúng xuyên qua bốn cửa sổ của hầm và một lỗ tròn đục phía trên trần nghiêng về bên tay trái và từ lỗ này có thể trông thấy được lên nền trời. Thường thường thì cửa

hầm có một chiếc lỗ để sập dùng đổ than xuống phía dưới hầm, cũng chính nhờ cái lỗ hở kia mà người ta đã cho than xuống phía dưới. Dưới lỗ hổng có một đồng than bột rất to, dùng để đốt lò sưởi cho bệnh viện, nhưng kể từ ngày chiến tranh bùng nổ tại vùng này thì tất cả bệnh nhân đã được di tản đi nơi khác, vì thế cho nên than không được dùng để đốt lò sưởi nữa, vào những ngày mưa, nước mưa theo lỗ hổng ấy chảy xuống phía dưới hầm theo lỗ hổng ấy, sở dĩ có tình trạng như trên chỉ vì khi đó người ta quên đập nắp hầm.

Tom bắt đầu rét lên cảm cập, vừa run rẩy vừa nói:

— Thật là tồi tàn! Tao bắt đầu lạnh run rồi đấy!

Như để chống chọi với cơn lạnh buốt xương ấy, gã ta đứng lên tập thể thao, hấn cố tình vận dụng bắp thịt để tìm hơi nóng trong cơ thể hầu xua đuổi cái lạnh quái ác kia đang xâm chiếm thân thể hấn. Trong cử độ ng hằm nóng bắp thịt của hấn cứ mỗi lần cử động là hai thân áo lại mở tung ra để lộ ra ngoài một bộ ngực phủ đầy lông lá. Hấn nà. . . giữa người ra, đưa chân lên cao và bắt chéo nhau lại; t. . . trông thấy bộ ngực to lớn

của hắn ta đang run rẩy. Tom là một gã thanh niên có một thân hình rất lực lưỡng, song có quá nhiều mỡ. Tôi lại nghĩ vẫn vờ rời đây đến một ngày nào đó, những viên đạn hoặc lưỡi lê của quân thù sẽ cắm phập thật sâu vào khối thịt to lớn và mềm nhũn kia thật giống như vào một đồng bơ. Nếu anh ta ốm yếu chắc chắn ý nghĩ như thế của tôi chẳng có bao giờ.

Đối với tôi thật tình tôi không thấy lạnh lẽo bao nhiêu nhưng tôi có cảm giác như mình không có vai mà cũng chẳng có tay nữa. Thình thoảng tôi lại có cảm tưởng như mình đang thiếu thốn một cái gì và sau cùng tôi đi tìm chiếc áo của tôi, nhưng bỗng nhiên tôi nhớ ra là chúng đã lấy áo và đã tịch thu luôn mà không trả lại cho tôi. Thật là cơ cực vô cùng, bọn chúng đã tịch thu tất cả áo quần của bọn tôi để lấy số quần áo kia phát lại cho toán lính của họ, họ chỉ để lại cho bọn tôi chiếc áo thun lót mình và chiếc quần vải mỏng của những bệnh nhân thường mặc hồi giữa mùa hạ. Một lát sau, Tom đứng lên và tiến đến ngồi gần bên tôi, hắn thở phì phào.

— Bộ mày nóng lắm à ?

— Trời ơi ! Làm gì có chuyện đó, nhưng sức tao đã kiệt rồi.

Đêm hôm ấy, vào khoảng chừng tám giờ, chúng tôi thấy một viên thiếu tá cùng đi có hai tên lính, bước vào. Hắn cầm trên tay một mảnh giấy và hỏi tên lính gác :

— Ba thằng kia chúng nó tên gì ?

Tên lính gác trả lời ;

— Steinbock, Ibbieta và Juan Mirbal.

Tên thiếu tá đeo kính nhìn chăm chú vào mảnh giấy ;

— Steinbock... Steinbock. Anh bị kết án tử hình. Sáng ngày mai anh sẽ bị xử bắn.

Y lại nhìn và hỏi ;

— Còn hai tên nữa.

Juan phải đối :

— Không được. Không phải tôi.

Viên thiếu tá nhìn anh ta và hỏi đôi mắt bờ ngỡ ;

— Còn anh kia, anh tên gì ?

— Juan Mirbal.

Viên thiếu tá trả lời ;

— À ! Đúng rồi, [có tên anh đây, anh bị xử tử nữa.

Juan phản đối :

— Tôi đã làm gì chứ ?

Viên thiếu tá khẽ rùn vai và quay lại nhìn thẳng vào tôi và Tom, hắn cất tiếng :

— Anh có phải là dân Basques (1) không ?

— Ở đây chẳng có ai là dân Basques cả.

Hắn lộ vẻ tức tối :

— Người ta đã cho tôi biết trong đám tù nhân này có ba người thuộc dân Basques. . . Tôi không có thừa thãi thì giờ để theo dõi họ nữa. Tôi hỏi các anh câu cuối cùng là trước giờ xử tử các anh có muốn được một vị linh-mục làm phép rửa tội không ?

Trong bọn tôi không một ai trả lời. Hắn lại tiếp :

— Chốc nữa sẽ có một viên y sĩ người Bỉ đến đây ở với các anh trong đêm nay.

Hắn đưa tay chào theo kiểu nhà binh và đi thẳng ra ngoài.

Tom nói :

— Tao đã nói những gì với mày ? Mày thấy không họ đối xử tử tế đấy chứ ?

Tôi trả lời :

— Phải, đúng thế, thật quá tàn nhẫn với cậu.

Tôi phải trả lời như thế để cho công bằng và hợp lý, nhưng thật tình trong thâm tâm tôi không ưa thích chủ ta. Anh ta có một khuôn mặt quá sắc xảo, sự lo sợ làm cho khuôn mặt hắn ta biến dạng, trên khuôn mặt kia tôi thấy gần như tất cả gần đều co rút cả lại. Ba hôm trước đây, anh ta chỉ là một đứa trẻ con không hơn không kém, có thể thương yêu được; song giờ phút này thì khác hẳn, trông anh ta có vẻ gian xảo nhiều hơn là thành thật và tôi lại có ý nghĩ nếu hôm nay anh ta được phóng thích chắc chắn anh ta cũng không bao giờ tìm lại được nét thơ ngây hồn nhiên như trước nữa.

(còn nữa)

(1) — BASQUE là dân sống bên dãy núi Pyrenées phía tây nước Pháp.

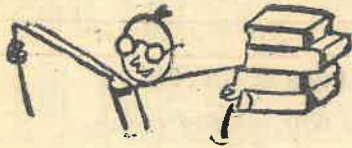
Đơn kêu oan của nàng Kiều khi Thúc ông truy tố trước phủ đường

Bấm lạy Bản Phủ đường quan thẩm chiếu

Tôi là Thúy-Kiều ở phố Lâm tri,
Nguyên thân vốn là ngọc cành vàng,
Ngộ gia biến, hóa ra người bạc phận.
Số chịu hoa trời bèo dạt, giận trời già
ghét bỏ khách hồng nhan.
Đã lúc cha già mắc nạn, tay bay vạ gió
Mặt tài tình cam kềm cạnh Đê-Oanh.
Lại khi quan lại minh oan, tiếng cả nhà
Không, đánh thân phận phải theo gương
ả lý.
Tuy trót bình khang nấn-ná, lòng đâu
đem son phấn đánh lừa.
Chỉ vì thanh khí lẽ hắng, đôi lứa khéo
giây tơ buộc chặc.
Vả lại, trước khi trăm năm tính cuộc,
chàng Thúc-sinh đã dò hết ngọn nguồn.
Sau khi một thiệp hoàn lương, gái tiện
thúy cũng dẫn đo hết nước.
Hà đâu phải hư thân mất nết, gái tham

tài trai tham sắc chi gian.
Thật cũng là đẹp ý vừa duyên, yêu vì nết
nặng vì tình chi cố.
Vẫn biết vườn xuân có chữ, nhưng mong
thung lão thương tình.
Ấy chính bởi chàng Thúc cứ định ninh
những lời vàng đá.
Hóa-cho nên thân này, tấm riêng lưỡng
phải nặng vì nước non.
Kể từ khi trúc mai sum hiệp, mới nữa
năm hơi tiếng vừa quen.
Nào ngờ lúc thung từ tới nơi, cứ một
mực uyên ương chia rẽ.
Tình uổng vì nghe nên nổi,
Tội oan đâu dám kêu trời.
Thiết nghĩ thân gái trăm đường lo sợ,
nhện kia không mấy bận vương tơ.
Vạy trước Phủ đường muốn lạy uy linh,
đèn sáng xin xét soi mọi lẽ.
Mong nghiêm phụ bất bình dẹp nổi, cho
đâu con được trọn đạo gia đình.
Xin Phủ đường hòa giải cho xong, để
chồng vợ được cùng nhau đoàn tụ.
May được nhờ lượng, đội ơn
Còn nhiều ngậm vành kết cỏ.
Nay kính dâng đơn.

THÚY KIỀU
(Ái Lan chép)



ĐỌC SÁCH

Một tác phẩm đề đạt GIẢI VẤN CHƯƠNG.

●●● LAN-ĐÌNH

TRONG «Đông Sơn Trước Mặt» (1), Song Linh dẫn đầu, tên truyện của Song Linh dùng chung cho cả tập truyện có nhiều tác giả. Chắc nhóm văn hữu Thủy quân Lục Chiến này muốn đề văn đề tưởng niệm Song Linh như vậy.

Tôi đã viết riêng về Song Linh từ Phổ Thông 241. Bây giờ, tôi vẫn nghĩ như trước. Song Linh đã viết văn hơn là viết truyện. Đọc «Đông Sơn Trước Mặt», người ta phải vào đến giữa truyện, nếu không nói cuối truyện

mới có chuyện, mới biết Nhân đang ôn nhớ gã quân nhân, người tình một đêm, đêm giao thừa như đêm nay.

Đọc «Vùng Đất Hồi Sinh» cũng thế. Song Linh không chịu viết «Thủy không dám tự tử», mà phải viết *nàng không dám đem thân xác huyền nhiệm hiến dâng nanh vuốt định mệnh*. Cũng đến hết truyện, người

(1) Thiên Tứ xuất bản, Nguyễn Hải Chi vẽ bìa, đẹp, nhưng hơi Tây.

đọc mới biết Thủy đang quân trí vì đã có thai với một tên sở Khanh. *Vùng đất hồi sinh* là căn nhà Thủy quay về tạ tội cùng mẹ.

Trái lại, với Huỳnh-văn-Phú, cũng một buổi chiều cuối năm (Trong Cơn Mưa Chiều), cũng một người con gái đang buồn, nhưng người đọc biết ngay Diễm, cô được sự đó, đang thắc mắc «không biết Thủy bây giờ đang hành quân nơi nào».

Tôi đã đọc Phú (Mùa Xuân Âm Thầm) từ Phổ Thông 231. Tôi nhớ, bấy giờ, có nói với Phú, «*người ta chỉ khác nhau về cách viết*». Dĩ nhiên Phú phải có «*cách viết*» của Phú. Nhưng tôi không thích khuynh hướng trường giả ở Trong Cơn Mưa Chiều, cả hai phương diện văn và chuyện. Chẳng hạn, *tình yêu chỉ là một sự đuổi bắt không cùng trong đời sống*. Nếu Phú chủ định để lại một danh ngôn, thì nó đã có rồi, lâu rồi, chưa kể những câu «*triết lý vụn*» bao giờ cũng nhàm. Điều này nữa, tôi tưởng Phú nên dành thì giờ «*nhắm móng tay*» cho những câu *tình yêu chỉ là một sự đuổi bắt...* để xét lại những câu... «*con mưa bắt chọt rào rào trút xuống. Tiếng mưa rơi nhỏ giọt lên đầu*». «*Rào rào trút*» phải là

mưa rào, mưa lớn. Nhưng «*nhỏ giọt lên đầu*» chỉ có thể là mưa dầm. Vậy tác giả Mùa Xuân Âm Thầm muốn viết thứ mưa nào?

Nhưng Phú rất có phong độ ở Nắng Lên Cao. Người lính thuộc liên đội chung sự đã cười được trong đám ma, đám ma nhà binh, thế mà cũng có lần phải suy ngẫm quanh cái chết. Phú nhìn một cái đám ma, với không khí, lẽ lối riêng biệt của nó. Phú viết tâm sự một gã đô tùy. Tôi thấy Phú đạt ở những trường hợp như vậy.

Phải nói tôi «*chịu*» Định Nguyễn quá, tác giả trước Tỉnh Ca, tôi chưa đọc lần nào.

Không hiểu Định Nguyễn mới viết, hay riêng tôi chưa có dịp đọc anh?

Tôi đã đọc và nhớ ngay bút hiệu Định Nguyễn, chỉ vì Định Nguyễn đưa ra một chuyện hết sức tâm thường — nhóm sĩ quan với đám con gái ở cái quán nước trên bờ biển nhưng viết hết sức có duyên. Đạt chỉ «*lấp lửng, nhác gừng*» giữa đám đông, nhưng vẫn linh hoạt. Kể cả những lúc Đạt say, Đạt tỉnh, Đạt sống giữa đám đông. Đạt sống nguyên cho mình, tất cả Định Nguyễn đã giữ mãi được người đọc từng giòng. Như

vậy, người ta gọi là «thành công».

Tôi còn thích Định Nguyên tuy cũng viết đến lính, lính bây giờ, mà vẫn tránh được cho người đọc mặc cảm bị tuyên truyền.

Với Định Nguyên, tôi càng thấy mình có lý, người ta chỉ khác nhau ở cách viết. Thành Phố cũng chỉ là câu chuyện tầm thường, từ cái «tít». Nhưng Định Nguyên có nhiều ngôn ngữ bất ngờ. Nhờ đó, văn chương anh trở thành tự nhiên, lém lỉnh, chứ không «cơm nguội». Tôi, có thể là mọi người nữa, đọc Định Nguyên, đã nghĩ anh có cái đề viết thật, và đã viết đúng, viết hết cái muốn viết. Đặc tính «bất ngờ» trong văn chương Định Nguyên cho biết như thế. Anh đã chính chắn để viết, chữ không viết để (tỏ ra) chính chắn và viết hay. Anh đủ mới (?) nhưng đã bước ngang thời kỳ có kỹ thuật, đã đáng mặt nhà văn.

Nhưng coi chừng, nếu Định Nguyên đã hãnh diện, thì anh sẽ mãi mãi ở lại tùy bút, tạp văn không đi tới tác phẩm lớn.

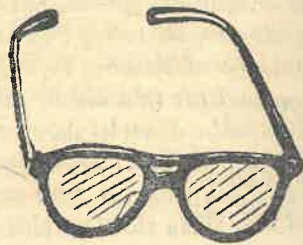
Xin phép cho tôi tâm sự đôi chút: Tôi vẫn coi việc «đọc sách» (cách nói «phê bình» khiêm

tốn), như những cuộc... hội thảo. Bởi vì, trước hết tôi đã viết truyện, còn viết truyện, với đủ cả hay, dở của mình. Nói nhả nhặn, thì tôi «đọc sách» để học hỏi thêm. Nói tự tin thì tôi muốn nhìn ngắm chung quanh, so sánh, để giữ mình. Nhưng, dù sao, nhả nhặn hay tự tin, tôi vẫn phải cố để biết người biết của!

Bằng tinh thần đó, tôi nhận thấy Phạm-văn-Bình (Trên Đỉnh Xuân Bùn, Ngụ Ngôn) «trôi chảy» và Trần-ngọc-Tôn (Bức Tượng Đồng Bên Xa Lộ, Vì Anh Là Lính Áo Rằn) «bình dị».

Rất mong Dòng Sông Trước Mặt sẽ bán được nhiều, đề sẽ có số tiền khá cho «Giải Song Linh», Nobel lĩnh thủy đánh bộ Việt Nam.

LAN-ĐÌNH



PHỒ-THÔNG — 251

Văn Xưa

Phú kể sĩ nghèo

Chém cha cái khó ! Chém cha cái khó
Khôn khéo mấy ai ? Xấu xa một nó !
Lục-cực bày hàng sáu, rành rành thánh huấn chẳng

sai.

Vạn tội lấy làm đầu, ấy ấy ngàn ngôn thật có,
Kìa ai :

Bốn vách tường rêu
Ba gian nhà cỏ.

Đầu rường dán trở về sao

Trước cửa nhện giăng màn gió.

Đầu giường tre đờng mỗi quanh co,

Góc tường đất mũi tròn lấp ló.

Phên trúc ngăn nửa bếp nửa buồng,

Ổng na đựng đầu kê đầu đỡ.

Bóng nắng giãi trướng gà bên vách, thằng bé tri-trò :
Giọt mưa xoi hang chuột trong nhà, con mèo ngấp-

ngõ,

Trong củ heo nằm cầm máng, đôi chẳng muốn kêu.
Đầu giàn chuột đứng cao miều, buồn thôi lại bỏ.

Ngày ba bữa vỗ bụng rau bịch-bịch, người quân tử ăn
chẳng cần no !

Đêm năm canh giấc ngủ kho kho, đời thái-bình cửa
thường bỏ ngõ.

PHỒ-THÔNG — 251

89

Am chè góp lá bàng lá ổi, lữ mùi chát chát hơi hơi.

Miếng trầu tèm võ quánh võ da, buồn miệng nhai nhai nhỏ nhỏ.

Áo vải to nặng trĩch, lạnh làm chần, nực làm gổ, bốn mùa thay đổi bấy nhiêu.

Khăn lau giặt đở lôm, trải làm chiếu, vận làm quần, một cuộc phong lưu ai có ?

Đỡ môi hơi võng lạt quạt mo,

Chống hơi đất, dệp da guốc gỗ

Miếng ăn sẵn cả non ra lược, ngon khéo là ngon !

Đồ chơi nhiều quảng sậy điều tre, của đâu những của !

Bộ bài lá ba đời cửa tướng, hàng văn hàng sách lờ mờ.

Bàn cờ vừa chín kiếp nhà ai, chữ nhật chữ điền xiêu đó.

Bộ khay chè ấm đất sứt vôi,

Cuộc uống rượu ve sành chấp cổ.

Đồ cỗ khi bực tranh treo bên vách, khói bay lem luốc, màu thủy mặc mờ mờ.

Cửa thiếu niên pho sách gát đầu gian, dán nhấm lẩn nhấm, dấu thỏ-châu đỏ đỏ.

Tề phi-nhi bầu chắt đầy bàn,

Phương tịch cốc khoai dành cả giỏ,

Tiêu dụng lấy chi mà phao-phồng, thường giữ ba cọc ba đồng.

Mùa màng cất để được bao nhiêu, chẳng qua một gánh, một bó.

Cong lưng coi cũng không giàu,

Nhiều miệng lấy chi cho đủ ?

Đến bữa mà chưa có bữa, con trẻ khóc đường ong.

Quá kỳ rồi lại hẹn kỳ, nhà nợ kêu như ó !

Thuốc men sắp buồng chài gỡ bữa, song nghĩ câu ;
«ij đã» thế nào cho đặng giá lương-y ?

Thầy bà mong đối trá kiếm ăn, lại nghĩ chữ : «dụng như» phép chi được trở danh pháp-chủ ?

Quẻ «Giả hạc» mong chờ lộc thánh, muối đem đồ biển, ta chẳng bỏ bằng.

Huyệt «chơn long» muốn bán đất trời, ngôi mã táng thân đương còn hỏi dọ.

Buôn bán sắp theo thẳng đở, song lạ mặt chúng hòng cướp gánh, vạy vò cho hàng chẳng có lời.

Bạc cò muốn gỡ con đen, chưa sẵn lưng lảng hải dành nơi, hỏi gạn mãi tạm không đất thờ.

Gấp khúc lươn nên ít kẻ yêu vì,

Giương mắt rắn biết vào đây mượn mỏ.

Tối lúc niên chung nguyệt qui, lấy chi tiêu đồng nợ đồng công ?

Đến khi đờng rồn chơn cùng, nên phải đến cửa này cửa nợ.

Thông thử thầy thầy vù vù, ta đà mài dãi ngồi lâu.

Nần-nì nọ nọ kia kia, nó lại vênh sâu nói khó.

Xóm giếng ít kẻ muốn đến nhà,

Thán thích chẳng ai nhìn làm họ.

Thầy tớ sợ men tìm tới cửa, ngánh mặt cúi đầu.

Chị em e vật giữa vào lưng, trề môi trề mỏ.

Quyết việc linh trở về cơ tắc... tui con nhà mà hồ mặt anh em.

Túng đờng mong quyết chi cùng tư... e phép nước, chưa nều gạn sừng-sỏ.

Cùng con cháu nói năng chuyện cũ, thường ngâm câu
«lạc đạo vong bản» :

Gặp anh em bàn bạc sự đời, lại đọc chữ «vi nhân bất
phủ».

Tất do thiên, song phận ấy là thường, hữu kỳ đức, át
trời kia chẳng phụ.

Tiệc tài thuở phạn ngư bản trúc, dẫu xưa ông Phó
ông Hề ;

Cần nghiệp khi tạc bích tu quỳnh, thuở trước chàng
Khuôn chàng Võ.

Nơi thành hạ đeo cần câu cá, kia kia người tráng sĩ
Hoài-âm.

Chốn lý-trung đặt thớt chia phần. nọ đấng mưu thần
Dương.võ.

Kia, những kẻ trâu cái, ruộng sâu, hang tiền đụn lúa,
chùng vì thú-tài chi lỗ nhĩ !

Vô-danh

ÁI-LAN sưu tầm

THƯ LÂM ẤN THƯ QUẢN

231 - 233, Phạm-Ngũ-Lão

Điện.thoại : 25861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP VẬT DỤNG VĂN PHÒNG
CÓ XƯỞNG MÁY CUNG CẤP PHỤ HIỆU, CỜ HIỆU ĐOÀN,
NHÃN CỜ ÁO, (ÉTIQUEITES) MÀU ĐẸP BỀN, KHÔNG PHAI
Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện

Saigon TİM 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUẢN

Truyện thặng

CHEY

*** LÊ HƯƠNG

Truyện thặng CHEY là một truyện bình dân của người
Cao Miên (và người Việt gốc Miên). Nói đến tên CHEY
người Miên nào cũng biết, cũng nở một nụ cười thoải mái
khi nghĩ đến những lời đối đáp, những lời xỏ xiên của một
thằng bé con mà từ Vua, Quán, Sư-sãi, Phú hộ, nhân dân
các giới không ai hơn nó nổi. Càng ngày càng lớn, mưu mô
quỉ quái càng tinh vi, tuyệt xảo, «ông» CHEY nhiều phen
đấu trí với Sư giả Trung-Hoa cứu nước nhà khỏi phải nộp
cống xưng thần và có lần sang tận nước Tàu làm mưa làm gió
giữa Triều đình ! Mãi đến khi nhắm mắt lìa đời, CHEY còn
nghĩ ra cách sửa trị kẻ nào thù ông bằng cách đến phòng uế
trên mộ ông !

Truyện thặng CHEY là một truyện tiêu biểu cho cái cười,
cái trào lộng của dân tộc Khmer.

TRUYỆN thặng CHEY bắt đầu
từ ngày bà mẹ cụ cậu có mang,
một đêm nằm mơ thấy bà bề đưa

dưới ánh trăng tròn. Giật mình
thức dậy, bà reo lên :

«Giác mơ đen ~~lắm~~ sao ! Ta

phải hỏi thầy bói xem lành, dữ thế nào ?»

Bà lấy đèn cầy, nhang thơm đem đến nhà vị Bốc-sur. Vị này đi vắng, người vợ tiếp thân chủ hỏi muốn xem về việc gì.

Bà thuật lại điều chiêm bao và nhờ thầy đoán kiết, hung.

Người vợ ông thầy bói biết ngay thân chủ mình sẽ sanh một trai mà định mệnh dành sẵn Ngai vàng. Mụ phát ghen tức, nghĩ rằng: «Ta cho nó biết con nó sẽ làm đầy tớ cho bỏ ghét». Đoạn, mụ nói:

— Giấc mơ chỉ rõ bà sẽ sanh một trai mà định mệnh dành cho nó làm đầy tớ thiên hạ.

Bà mẹ cậu CHEY buồn bã ra về. Ít lâu sau, bà sanh một trai đặt tên là THMENH CHEY.

Năm tên bảy, CHEY hay đến gần nhà một vị Phú-hộ (1) chơi. Một hôm, bà Phú-hộ đang dệt vải trên sàn, đánh rơi cái thoi dưới đất. Bà nhìn quanh, thấy CHEY bèn gọi:

— Này, CHEY, nhặt cái thoi dùm tao xem.

CHEY hỏi lại:

— Nếu tôi nhặt bà cho tôi cái gì?

— Tao cho mày cốm đẹp,
— Bà cho tôi nhiều không?
— Nhiều.

CHEY lượm cái thoi đem nhà, rồi ngồi ở đầu thang chờ lãnh thưởng. Hồi lâu không thấy gì, nó nói:

— Bà cho tôi cốm đẹp để tôi về.

Bà Phú-hộ lấy một gói cốm.
CHEY nói:

— Bà cho ít quá, bà hứa cho nhiều kia mà.

Bà liền đem ra một thúng, nghĩ rằng thảng oắt con sẽ hài lòng, nhưng không dè nó đòi thêm nhiều hơn nữa. Bà nổi dóa:

— Đủ rồi. Tao cho như vậy là quá nhiều rồi!

Thằng CHEY cũng giận, ré lên khóc, nhất định đòi nhiều cốm. Ông Phú-hộ nghe tiếng đến hỏi:

— Tại sao thằng CHEY khóc om sòm như vậy?

Bà vợ thuật lại câu chuyện. Ông chồng nói:

(1) Trong các truyện dân gian Cao-Miên, cổ nhân thường nhắc đến vị Phú-hộ: *SETTHEI*, là người giàu có trong nước, được Nhà Vua Vua dành cho nhiều đặc quyền quan trọng. Mỗi vị Phú-hộ thường có một số người theo ăn bám và nhờ che chở.

— Bà không biết tánh của thằng CHEY. Để tôi cho nó thật nhiều và chắc chắn nó sẽ bằng lòng.

Ông gọi:

— CHEY! Đến đây, tao cho mày nhiều cốm.

Ông lấy cái nia, đổ cốm làm hai phần không đều nhau và hỏi nó:

Mày xem phần nào nhiều?

— Phần này.

— Vậy thì mày lấy phần nhiều đi, có gì phải kêu la?

THMENH CHEY lấy cốm lẳng lẳng về nhà vừa nghĩ thầm:

— Ta thua trí ông này, nhất định có ngày phải trả thù bằng mưu mô của ta mới vừa lòng.

Nó nói với mẹ:

— Mẹ đến nhà ông Phú-hộ vay tiền và ký kết cho con làm đầy tớ trong khi chưa hoàn đủ số nợ. Con muốn được hầu hạ ông ấy theo ý thích của con. Từ đây con không ở nhà với mẹ nữa.

Bà mẹ hỏi:

— Con có thiếu nợ ai không mà mẹ phải vay để trả và nợ con như thế?

CHEY đáp:

— Không, con không thiếu tiền ai cả. Sở dĩ con muốn giúp việc cho ông Phú-hộ chỉ để trả thù ông ấy bằng mưu trí của con vì vừa rồi ông ấy gạt con.

Bà già không biết rõ, ý con nhưng nhớ lại lời đoán mộng của bà thầy bói, bà chiều theo thien tánh con, đi vay tiền và gán cho CHEY làm đầy tớ ông Phú-hộ đúng như số mạng đã định.



Một hôm, ông Phú-hộ cỡi ngựa vào châu Vua, bảo CHEY bưng mâm trà cau đi theo (1). Ngựa phóng nhanh, CHEY chạy không kịp. Ông Phú-hộ hợp rất lâu mới thấy nó đến, bèn cự:

— Thằng rùa! Mày không thể đi một lượt với tao hay sao?

CHEY thưa:

— Tôi đi chậm vì sợ làm rớt đồ vật trong mâm.

Ông Phú-hộ truyền lệnh:

— Từ này về sau mày phải chạy theo tao, dù có xảy ra việc gì dọc đường cũng không được ngừng lại.

CHEY cúi đầu vâng dạ.

Hôm sau, khi ông Phú-hộ ra

roi, CHEY cầm đầu chạy theo bèn gót. Bao nhiêu trâu cau, với thuốc rớt mất sạch.

Đến phòng họp (2), ông Phú-hộ vào ngồi với các quan lớn, nhỏ. Lát sau, ông gọi :

— CHEY ! Đem trâu cau tao ăn.

THMENH CHEY ngồi trong góc phòng, kinh cần bưng cái mâm để trước mặt chủ, đoạn đi giạt lùi lại ngồi chỗ cũ. Ông Phú-hộ đỡ tấm vải thấy cái mâm trống trơn ! Ông thẹn mặt trước các quan, ngồi nín thinh suốt buổi chiều không nói được lời nào. Khi về nhà, ông hỏi CHEY :

— Tại sao mâm để trâu cau rớt hết mà không lượm lại ?

CHEY kính cần đáp :

— Vì tôi sợ không theo kịp Ngài. Vả lại, Ngài có ra lệnh phải chạy nhanh bằng con ngựa và không được ngừng dọc đường.

Ông Phú-hộ không trách được, dặn rằng :

— Sau này, cái gì rớt xuống phải lượm hết. Nếu mâm tái diễn trò này, tao sẽ đập què.

CHEY khắc sâu vào óc lệnh chủ vừa truyền.

Hôm sau, ông Phú-hộ thức sớm cỡi ngựa vào Triều. CHEY bưng mâm trâu cau theo sau, con ngựa vừa đi vừa «trương» ra một đồng. CHEY cẩn thận lượm không sót cục nào, để trên mâm đập khấn lại. Đến nơi, ông chủ đảo mắt tìm tên đầy tớ, đoạn vào chỗ ngồi. Khi CHEY bưng mâm tới, ông hỏi :

— Mày đi đâu giờ này mới lộ mặt ra ? Sao không theo tao cho kịp vào phòng họp ?

CHEY thưa :

— Tôi không thể đến một lượt với Ngài vì tôi mắc lượm tất cả phân ngựa «trương» dọc đường, đúng theo lời Ngài dặn phải nhặt những gì rơi rớt.

Ông Phú-hộ phát bực :

— Thôi, được, bỏ qua chuyện đó. Đưa trâu tao ăn.

(1) *Thời ấy, người nào ra đường có đầy tớ bưng mâm trâu cau, thuốc hút đi theo là hàng quý tộc.*

(2) *Đúng chữ là SALA, một ngôi nhà mát công cộng vừa để cho Vua tiếp xúc với dân chúng.*

CHEY đứng cại mồm để trước mặt chủ. Ông đỡ mâm thấy một đồng phân ngựa lù lù, rất ấy làm xấu hổ vì bao nhiêu quan khách đều ngạc nhiên nhìn ông. Không thể bặc lộ cơn giận giữa mọi người, ông lập tức bỏ ra ngoài, lên ngựa về nhà. CHEY bưng mâm lót lót chạy theo. Ông gọi CHEY «vàng» lên :

— Mày đúng là một thằng ngu ngốc. Tao không cho mày theo tao vào Triều nữa. Mày chỉ có thể giữ ruộng, đó là phận sự họp với mày. Từ đây mỗi buổi sáng mày ra ruộng coi chừng cho tao.

CHEY cúi đầu vàng dạ.



Lúa, bắp, rau cải trồng trên ruộng, rầy bị trâu, bò ăn hết vì CHEY không buồn đuổi chúng. Đến ngày ông Phú-hộ đi thăm hoa màu, Ông thấy không còn dấu vết cây cỏ nào cả. Ông biết ngay chính súc vật của ông đã phá hại, ông nổi giận gọi CHEY đang đứng tơ mơ đang xa :

— Lại đây, thằng ngốc chúa ! Tay, có việc cần hỏi mày.

CHEY đến cúi đầu chào chủ

rất lễ phép. Chủ hỏi :

— Mày chui vào xó nào mà không đuổi trâu bò để chúng ăn hết bắp như vậy ?

CHEY đáp :

— Tôi không có đuổi vì Ngài không ra lệnh cho tôi. Ngài chỉ bảo tôi giữ ruộng và ruộng vẫn nằm nguyên chỗ không thiếu miếng nào, xin Ngài khám xét xem.

Ông Phú-hộ cứng họng không thể trách tên đầy tớ lấu lĩnh. Ông nói thầm : «Thằng CHEY này có tánh ác độc lắm. Ta phải tính cách nào dùng nó mà không bị thiệt hại mới được».

Ông suy nghĩ một hồi rồi nói :

— CHEY ! Từ nay việc làm của mày là chăn bầy bò cái. Nếu mày lơ đễnh tao đánh chết không tha.

THMENH CHEY kính cần thưa :

— Thưa Ngài, như Ngài đã biết tôi không có vợ để chiều chuộng. Bây giờ Ngài truyền cho tôi chăn bầy bò cái, khiến tôi lấy làm sung sướng thấy Ngài tin cậy tôi nhiều hơn. Tôi sẽ săn sóc bầy bò cẩn thận và xem chúng như vợ của tôi.

Ông Phú-hộ nghe nói làm vậy

cho rằng tên đầy tớ sẽ hết sức chăm lo phận sự như người chồng đối với vợ, ông chấp thuận ý kiến xây dựng của nó.

CHEY xin phép chủ vào chuồng dắt bò ra ruộng. Thế rồi mỗi lần một chú bò tốt nào men lại gần định giỡ trò «ái tình» với một mẹ bò cái thì CHEY nắm lấy la lên!

— O! kia! Thăng bò này định đến cuỗm vợ tôi đây!

Đoạn, nó cột con bò thủ phạm vào gốc cây và tiếp tục bắt những con khác. Khi chủ bò đực lại xin bò, CHEY nói:

— Bò của ông định hiếp dâm vợ tôi, nếu ông muốn bắt lại phải đem tiền đến nộp phạt. Nếu không tôi không bao giờ thả.

Chủ bò nổi giận, kéo nhau đến trình Ngài Phú-hộ những điều kiện của CHEY đưa ra:

— Chúng tôi xin Ngài vui lòng nghe chúng tôi thưa chuyện. Ngài đã truyền cho cậu CHEY chăn bầy bò cái. Nhưng ngay khi đó cậu ta bắt hết mấy con bò đực của chúng tôi tất cả gần ba mươi và nói rằng bò chúng tôi định hiếp dâm vợ cậu vì chính Ngài cho bầy

bò cái làm vợ cậu. Chúng tôi cúi xin Ngài xét cho sự bất công này. Thăng CHEY làm việc không lễ lối, xin Ngài ra lệnh cho nó trả bò lại chúng tôi.

Ông Phú-hộ thở dài: «Mỗi lần nhờ đến nó là có chuyện rầy rà!»

Ông bảo một nguyên cáo:

— Chú mày đi gọi thằng CHEY dắt hết mấy con bò đực đến đây.

Người này chạy ra đồng nói với CHEY:

— Đây là lời của Ngài Phú-hộ truyền cho tao nói với mày: «Hãy đi kêu ông THMENH CHEY và nói với ông ấy dắt hết đám bò tốt vừa bắt giữ».

CHEY nhờ anh ta gom bò dắt vào nhà. Ông Phú-hộ hỏi:

— Ê! thằng CHEY! Tại sao mày bắt bò của người ta và đồ tội ve vãn vợ mày?

CHEY kính cẩn trả lời:

— Thưa Ngài, Khi Ngài giao tôi chăn bầy bò cái tôi có xin Ngài cho phép tôi coi chúng nó như vợ tôi bởi vì tôi sống độc thân. Thế nhưng đám bò tốt này đến ve vãn vợ tôi nên tôi phải bắt chúng cột lại trước khi

đến đầu cáo với Ngài chiếu theo luật nước. Tùy nơi sự xét xử công minh của Ngài, tôi sẽ vâng chịu không dám kêu ca.

Ông Phú-hộ nở nang gan phỗi trước lời tán tụng, nịnh hót của thằng CHEY đã tôn ông làm quan Tòa, bèn trình trọng phán rằng:

— Mày hãy trả bò lại cho người ta ngay. Tao cấm mày không được hối tiền thiệt hại gì cả. Còn mày, từ nay về sau; mày vào nhà làm việc vì mày sanh nhiều chuyện lời thối ở ngoài ruộng. Mày không chăn bò nữa, mà nhận phận sự mới ở đây.

THMENH CHEY lại lên một nấc thang trong xã hội và trở lại giúp việc trong nhà ông Phú hộ.

Một hôm, ông Phú-hộ đến phòng họp thảo luận với các quan từ sáng sớm đến giờ thứ bảy (1). Ở nhà bà Phú-hộ dọn cơm rồi không thấy ông về gọi CHEY bảo rằng:

— Nay, CHEY! Chạy kêu ông chủ về ăn cơm, trễ quá rồi.

CHEY vâng lệnh, vất giò lên

cổ chạy ngay. Vừa thấy Phú-hộ nó la lớn:

— Ông chủ ơi! Về nhà ăn cơm!

Thấy chủ làm thình, nó vừa chạy vừa la chói lói. Ông Phú-hộ lấy làm xấu hổ trước mặt quí quan, giả vờ không nghe tiếng gọi. CHEY đến gần hét to:

— Ông chủ ơi! Bà chủ bảo tôi gọi ông về ăn cơm, trễ quá rồi.

Ông Phú-hộ nổi giận, rời phòng họp lật đật lên ngựa về nhà. Ông hỏi CHEY:

— Tại sao mày gọi tao quá to thay vì đến gần nói nhỏ vào tai tao theo phép lịch sự.

CHEY đáp:

— Thưa Ngài, Bà chủ hối tôi chạy mau ra phòng họp gọi ông về ăn cơm. Tôi thi hành đúng theo lệnh nên vừa thấy Ngài ở xa tôi đã gọi lần tới.

Ông Phú-hộ nói:

— Mày không biết lễ phép là gì cả. Từ đây khi có ai bảo mày nói gì với tao, mày phải lại gần lễ tai tao và nói thật nhỏ vào để không ai nghe được. Nếu mày còn la ó một cách

tôi tàn như hôm nay tao sẽ khện mây mềm xương. Mây liều chưa ?

CHEY gạt đầu vàng dạ. Một thời gian qua, không có chuyện gì đặc biệt cho CHEY làm.

Ngày kia, lúc ông Phú-hộ họp với các quan, nhà ông phát cháy và lửa lan rất nhanh. Bà Phú-hộ hốt hoảng tìm CHEY bảo rằng :

— CHEY ! Chạy gọi ông chủ về ngay, nhà cháy đây này.

CHEY theo lệnh vừa đi vừa lầm bầm :

— Thưa Ngài, lửa cháy nhà ! Thưa Ngài, lửa cháy nhà.

Ông Phú-hộ thấy nó từ xa nghi rằng có việc gì quan trọng xảy ra vội gọi nó :

— CHEY ! Mày nói gì thế ? Tại sao mày không nói lớn lên ? Tao không nghe gì cả.

CHEY vẫn lầm bầm trong miệng. Khi tới gần chủ, nó cúi chào đúng phép và bước lại gần nói nhỏ vào tai.

— Thưa Ngài, lửa cháy nhà.

Ông Phú-hộ nhảy dựng lên, ra lệnh :

— Chạy nhanh về, rần đem vật vì nhẹ ra ngoài.

CHEY phóng nước đại lúi vào chuồng gà lấy mấy ổ trứng chưa bị cháy. Tất cả lối ba mươi ổ, nó gom vào một góc sân. Ông Phú-hộ về đến thì ngọn lửa bị triệt hạ. Ông gọi người nhà đem đồ vật cứu được để ông tính số thiệt hại. Ông không thấy CHEY, liền gọi nó :

— Ê ! Mày đem được những gì đâu ?

CHEY đáp :

— Thưa Ngài, tôi đem được rất nhiều, xin trình Ngài xem.

Nó bê một đồng ổ gà đến. Ông Phú-hộ ngạc nhiên :

— Tại sao mày lấy cái trứng này mà không cứu vật khác ?

CHEY đáp :

— Chính Ngài ra lệnh cho tôi cứu những món vật nhẹ nên tôi vâng lời bê ổ gà vì nó nhẹ hơn các món khác.

Nổi xung, ông Phú-hộ nói :

— Mày đi ngay bắt cho tao vật gì gây ra hỏa hoạn.

(1) Thuở ấy, sáng sớm khi có mặt trời là giờ thứ nhất. Giờ thứ bảy nhằm vào 12 giờ trưa.

CHEY vào bếp tóm cái lò, trở lại, đóng gong lò ra trình chủ; kính cẩn thưa :

— Đây là vật gây ra hỏa hoạn, thường thường lửa cháy trong lò suốt ngày và từ đó mới lan ra khắp căn nhà. Ai cũng thưa với Ngài đúng như thế, nhà cháy tại cái lò này. Nếu tôi nói láo, tôi xin chịu tội với chủ.

Ông Phú-hộ nghe qua, nghĩ thầm rằng : «Ta không thể dùng thằng này được nữa vì nó nhạo báng ta ra mặt. Nếu ta giữ nó trong nhà nó sẽ làm hư hại tài sản của ta. Bây giờ ta chỉ có cách đem nó dâng lên Đức Vua để tránh mặt nó»

Ông nói :

— CHEY ! Tao nhất định không dùng mày nữa. Sáng mai tao sẽ đưa mày vào Triều hầu Đức Vua.

CHEY làm thỉnh.



Hôm sau, ông Phú-hộ dắt CHEY vào Triều, quý tâu với Đức Vua :

— Thần mạn phép quý tâu với Bệ hạ rằng Thần có một tên đầy tớ nhỏ rất tinh quái, không

ai có thể gạt nó được và khắp lãnh thổ này không ai nói láo hay bằng nó. Thần đem dâng Bệ hạ để nó thành kẻ hầu hạ trong đám bụi dưới chân Bệ hạ. Nó là THMENG CHEY.

Nhà Vua chú ý nghe ông Phú-hộ nói xong truyền lệnh :

— CHEY ! Lại đây !

CHEY đến gần, quý xuống. Nhà Vua hỏi nó nói láo giỏi lắm phải không ? Nó tâu rằng đúng sự thật, nó nói láo rất tài. Nhà Vua nói :

— Trẫm muốn nhà ngươi nói một chuyện láo với trẫm để thử xem tài nhà ngươi.

CHEY tâu :

— Tâu Bệ hạ, muốn nói láo với Bệ hạ thật hay, phải dùng quyền kỹ thuật nói láo của tôi để ở nhà.

Nhà Vua nói :

— Nhà ngươi về lấy ngay đi.

CHEY tâu :

— Tâu Bệ hạ, tôi kính xin Bệ hạ cho một viên Thị-vệ đi lấy.

Nhà Vua gọi một Thị-Vệ :

— Đi lấy quyền «Kỹ thuật nói láo» của thằng CHEY ở nhà nó.

Viên Thị vệ đến nhà bảo bà mẹ của CHEY đưa quyển sách. Bà này nói không bao giờ thấy con bà có sách vở gì cả. Viên Thị-vệ về triều tâu :

— Tâu Bệ hạ, tôi hỏi bà mẹ của CHEY, bà ấy nói không bao giờ thấy con bà có sách vở gì cả.

Nhà Vua nổi giận hỏi CHEY :

— Nhà ngươi tâu với Trẫm rằng có quyền kỹ-thuật nói láo để ở nhà, Trẫm cho người đến lấy thì bà thân nhà ngươi nói không có. Sao vậy ?

CHEY tâu :

— Đây là chuyện nói láo mà Bệ hạ biểu tôi nói, xin Bệ hạ hiểu cho.

Nhà Vua rất hài lòng, truyền rằng :

— CHEY, từ đây Trẫm nhận nhà ngươi giúp việc riêng cho Trẫm. Hãy phục vụ đứng đắn đừng sơ sót.

CHEY cúi đầu vâng lệnh.

Một hôm, Nhà vua muốn thử tài khôn quỉ của CHEY. Ngài cùng bá quan ra thủy tạ dạo chơi từng vị mỗi vị lên kiểng một trứng gà cầm trong tay mà không cho CHEY biết. Đoạn

mỗi vị nhẩy xuống sông, lặn một lát, trời lên, la :

«Cục, cục tác ! »

Rồi dâng trứng gà lên Nhà Vua. Độ một giờ sau, các quan kiểng đủ trứng gà thì cuộc vui bắt đầu. Viên quan lớn nhất nhẩy xuống nước, trời lên la «Cục cục tác !» rồi dâng trứng lên Nhà Vua. Kế viên quan thứ nhì đến viên chót, ai cũng «đề» trứng gà đầy đủ. Nhà Vua bèn hỏi CHEY :

— Sao ? CHEY ! còn đợi gì nữa ! Nhẩy xuống sông để trứng cho Trẫm, nhanh lên.

CHEY không ngần ngại phóng ngay, khi trời lên nó gáy : «Ồ ó ó ó !»

Nhà vua hỏi :

— Trứng đâu ?

CHEY tâu :

— Tâu Bệ hạ, tôi là con gà trống «đạp» gà mái. Nếu tôi không phải gà trống đạp hết bầy gà mái này thì chúng nó không đẻ ra trứng được.

Nhà Vua khen tài ứng biến của CHEY, phán hỏi :

— Nhà ngươi mấy tuổi ?

— Tâu Bệ hạ, mười một.



Hồi lâu sau, Nhà Vua truyền bá quan sửa soạn đi theo Ngài du ngoạn trong rừng. Ngài cho hay trước ba ngày để mỗi vị tùy theo phận sự sắp xếp. Đến ngày khởi hành, Ngài gọi CHEY :

— CHEY ! Nhà ngươi cỡi con voi chớ thức ăn. Trẫm muốn nhà ngươi phải đến nơi một lượt với Trẫm, nếu nhà ngươi không chú ý để bê trễ thì tội nhà ngươi không thể tha thứ.

Đoạn, Nhà Vua lên đường. Con voi của Đức Vua giao cho CHEY đã quá già đi không muốn nổi. CHEY ngồi trên cổ voi, thúc thế nào nó cũng không theo kịp đoàn người. CHEY liền lấy tre lá làm một cái buồm và một cây sào, ngồi trên mình voi vừa chống dưới đất như đi ghè trong rừng ngập nước.

Khi Nhà Vua đến trạm, Ngài tìm CHEY, thấy nó theo không kịp, nói thầm rằng :

— À ! Phen này thằng CHEY thua cuộc rồi.

Mãi ba giờ sau, CHEY mới tới. Nhà Vua gọi nó đến gần, phán hỏi :

— CHEY ! Tại sao nhà ngươi không theo Trẫm tới trạm một lượt như lệnh Trẫm truyền ?

CHEY tâu :

— Tâu Bệ hạ, vì con voi Bệ hạ giao tôi cỡi đi không muốn nổi, tôi phải làm cái buồm và chống sào tiếp với nó. Tôi không dám bê trễ phút nào, xin Bệ hạ xét cho.

Nhà Vua cứng miệng không trách nó được lời nào. Ngài nghĩ thầm :

«Thằng CHEY thật là khôn quỉ, làm sao thắng nó cho được ? Ta phải thử nó một lần nữa xem sao.» Về Triều Ngài cho gọi riêng tất cả các quan lớn nhỏ, thị vệ, lính hầu, luôn những vị đã về hưu, ra lệnh ngày mai hộ giá Ngài du ngoạn trong rừng. Người nào cũng phải cỡi ngựa, nếu không sẽ bị trừng phạt xứng đáng. Ngài dặn không cho CHEY biết lệnh này. Sáng lại, Nhà Vua xuất cung, đình thần đều ngồi trên ngựa. Ngài gọi CHEY :

— CHEY, nhà ngươi hãy theo Trẫm du ngoạn, nhưng phải cỡi ngựa như bá quan. Trẫm cấm nhà ngươi đi chân, nếu vi lệnh, sẽ bị Trẫm bắt tội.

CHEY chạy tìm khắp nơi không ai có sẵn ngựa cho nó.

Đảng này Nhà Vua đã buông cương. Nó không thể chần chờ, vội lấy con ngựa trong bàn cờ cầm trong tay co giò chạy. Đến trạm nghỉ, Nhà Vua hài lòng không thấy CHEY cỡi ngựa theo kịp Ngài. Hồi lâu CHEY đến quì trước Ngài. Nhà Vua hỏi :

— Trẫm đã bảo nhà người cỡi ngựa như bá quan, tại sao nhà người không vâng lệnh Trẫm ?

CHEY trình con ngựa gỗ :

— Tâu Bệ hạ, con ngựa này không xứng đáng dự vào đoàn tùy tùng của Bệ hạ hay sao ?

Nhà Vua phát thẹn vì không bắt bẻ nó được, lên yên về Triều.

Hôm sau, Nhà Vua gọi CHEY :

— CHEY, từ nay nhà người chui xuống sàn Hoàng cung quét dọn cho sạch rác rến. Mỗi ngày nhà người phải làm việc kỹ lưỡng, nếu bê trễ thì tội đó không thể tha.

CHEY phát óa vì phải làm một việc nhục nhã như thế. Hơn nữa trong khi nó dọn dẹp, mấy bà cung nữ và đám thị tỳ đi qua lại rầm rầm trên đàn khiến nó càng nổi xung thêm. Nó nói

thầm : «Thật là xấu hổ mỗi khi bọn gái xề này đi trên đầu như vậy. Ta không thể chịu đựng lâu hơn nữa. Ta phải tìm cách tránh công-tác ô nhục này, phải làm cách nào mà chính Nhà Vua ra lệnh cho ta chấm dứt mối vạ lòng».

Một ý kiến nảy ra trong đầu, nó vụt chưởi đồng lên thật lớn :

— Chỉ nhờ «lỗ tròn nuôi lỗ miệng» mà cả nhà đám nữ yêu này mới được no ấm. và khi nào bọn chúng không đủ sức hành nghề nổi nữa, ấy là vì nghệ thuật của chúng quá tồi.

Mấy bà cung phi nghe vậy rất căm tức thẳng CHEY, kéo nhau mách Nhà Vua.

— Tâu Bệ hạ, xin Bệ hạ nghe chúng tôi trình : Bệ hạ sai thẳng CHEY quét dọn dưới sàn Hoàng-cung mà nó chưởi rủa chúng tôi bằng những lời lẽ quá tục tằn khiến chúng tôi thẹn thù trước mọi người, chúng tôi xét thấy không còn xứng đáng hầu Bệ hạ nữa.

Nhà Vua hỏi thẳng CHEY chưởi như thế nào. Các bà tâu :

— Tâu Bệ hạ nó nói : «Ch: nhờ «lỗ tròn nuôi lỗ miệng» mà cả nhà đám nữ yêu này mới

được no ấm, và khi nào bọn chúng không đủ sức hành nghề nổi nữa, ấy là vì nghệ thuật của chúng quá tồi».

Nghe xong Nhà Vua nổi giận cho gọi CHEY đến tức thì. Ngài vỗ bàn hỏi :

— CHEY ! Trẫm bảo nhà người quét dọn dưới sàn Hoàng-cung tại sao nhà người chưởi Cung-phi của Trẫm ? Có đúng vậy không ?

CHEY tâu :

— Tâu Bệ hạ, tôi không chưởi ai cả. Khi chun dưới sàn tôi thấy rất nhiều con nhện làm ổ, mạng nhện dính vào đầu làm tôi phát bực chưởi đồng lên như thế. Đó là tôi chưởi con nhện nhả tơ bằng lỗ tròn làm lưới bắt ruồi nuôi lỗ miệng chớ không phải quý bà Cung-phi.

Nhà Vua nói với mấy bà :

— Thôi đừng giận nó làm gì. Nó chưởi con nhện chừ có phạm thượng đâu.

Các bà tâu :

— Xin Bệ hạ đừng cho thẳng CHEY làm việc đó nữa vì nó sẽ chưởi và chúng tôi không thể bắt bẻ nó được.

Nhà vua chấp thuận. cấm

CHEY bèn mặng đến Hoàng-cung. Lệnh truyền ra, thẳng xô lá nỏ gan, nỏ ruột, nhưng ngoài mặt làm bộ khóm róm vâng lời.

★

Nhà Vua nghĩ thầm : «Quả thật thẳng CHEY có nhiều mưu kế mà đến ngày nay ta chưa ăn qua nó nổi. Bây giờ, ta thử nó một lần nữa xem sao. Ta sẽ bảo nó đem con gà nòi đá với gà của ta, nhưng trước đó ta bí mật dặn khắp lãnh thổ không ai được phép cho mượn hoặc bán gà cho nó. Nếu kẻ nào trái lệnh, ta sẽ tống vào ngục. Theo kế hoạch này thì một là nó đem con gà tầm thường đến sẽ thất bại, hai là nó không có gà sẽ bị lỗi với ta.

Nghĩ được mưu thần này, nhà vua sung sướng quá, ngự ra nhà mát truyền đem con gà nòi của mình thả giữa sân, đoạn gọi CHEY vào mà rằng :

— Hôm nay trẫm muốn giải tri, nhà người đi tìm ngay con gà nòi cho đá với gà của trẫm.

CHEY vâng lệnh về nhà vừa nghĩ thầm : «Ta biết rõ nhà Vua tìm cách làm cho ta bối rối để thắng ta. Ta nào có nuôi sẵn gà nòi. Vả lại không dễ gì tìm được

vi thể nào nhà Vua cũng cấm không cho ai bán cho ta. Nhưng « vấn đề này đối với ta rất dễ giải quyết, ta sẽ bắt một con gà theo « sách vở » của ta mà nhất định nó sẽ thắng con gà vô địch của nhà Vua ».

CHEY mở cửa chuồng, bắt một con gà con mới mọc lông, lấy chân bao trùm kín mít ôm vào Triều. Nhà vua thấy CHEY, phẫn hờn :

— Gà nhà người đâu, thả ra xem.

CHEY tâu :

— Xin Bệ hạ cho gà của Bệ hạ vào trường đấu, tôi sẽ thả ra sau.

Nhà Vua truyền đem gà vào vòng rào, dục nó :

— Gà nhà người đâu, còn chờ gì nữa không thả ra ?

CHEY mở chân, cho con gà con xuống đất. Gà con thấy gà trống tưởng lầm mẹ nó vội chạy tới lúi dưới bụng. Con gà trống vừa lùi vừa né ; càng tránh, gà con càng xốc tới. Bấy giờ CHEY vỗ tay la lên :

— Đại thắng ! Đại thắng ! Gà của Hoàng-gia thua gà thằng CHEY ! Nó không có can đảm đá

vi anh hùng tí hon của tôi và chạy tránh kia kia !

Nhà Vua tức lỗi vì bị CHEY xô trước bá quan, lui vào cung lăm lăm « Ừ ! Trẫm sẽ tổ chức trâu chém lợn cho nhà người biết tay ! »

Ngài gọi các quan ra lệnh cấm không cho ai bán hay cho thằng CHEY mượn con trâu đực nào cả. Kẻ nào trái lệnh, sẽ bị trừng trị thẳng tay. Còn thằng CHEY thì không được biết tất cả ý định này.

Hôm sau, nhà Vua ngự ở nhà mát, truyền dắt con trâu cổ to kéch, mập ù đem ra sân. Dê chừng khắp lãnh thổ không có con trâu nào đủ sức dám đo sừng với nó. Khi bá quan tề tựu đông đủ trên khán đài, nhà Vua sai thị vệ tìm CHEY bảo dắt một con trâu đến chém lợn với trâu của nhà Vua không được chậm trễ.

CHEY nghe lệnh chạy tìm một con nghé mới sanh mười ngày, cột dây dắt theo viên thị vệ. Đến đầu trường, nó để nghé ở ngoài, vào lạy chào nhà Vua. Vừa thấy CHEY, nhà Vua phán :

— Trâu đâu ! Đem vào cho chém ngay.

CHEY trở ra, mở dây thả nghé vào. Con vật thấy trâu cổ tướng là trâu mẹ vội vàng chạy tới thọc đầu vào háng tim vú. Bị tấn công bất ngờ một cách quái gở, trâu cổ nhảy dựng lên, lùi lại tránh né, rồi nổi xung bứt dây phóng chạy. Con nghé chạy theo bèn gót vừa kêu om sòm. CHEY vỗ tay nhảy cồm, la vang vang :

— Đại thắng ! Đại thắng ! Trâu cổ của nhà Vua chịu thua trâu nghé của thằng CHEY !

Nhà Vua vừa đến giữa khán đài thì thấy cảnh bại trận của con trâu cổ, theo sau là con trâu con ! Ngài hết sức hổ thẹn, trở vào cung vừa tức giận bồi hồi.



Bấy giờ, nhà Vua ra lệnh cho bá quan cấm tuyệt không cho thằng CHEY vào triều. Ngài phán :

— Nếu kẻ nào cho nó vô đây, trẫm sẽ trừng trị tội bất tuân lệnh thật xứng đáng !

Bá quan bèn gọi CHEY đến truyền lệnh rằng nhà Vua cấm nó không được vào triều trong khoảng thời gian mười năm. Một ông nói :

— Nếu mầy vi lệnh, sẽ lãnh lấy hình phạt nặng nề.
Theo thói quen, CHEY làm thình về nhà.

Vài hôm sau, trong Triều sắp có một buổi lễ lớn, Nhà Vua sẽ thỉnh vị Sãi Cả đến đọc kinh trước Kim loan điện. Nghe tin này, CHEY vào căn phòng họp thấy đủ cả quan viên. Nó nói rằng :

— Thưa quý vị, đến ngày lễ thể nào Đức Vua cũng không quên gọi tôi vào Triều đâu.

Bá quan vụt cười âm lên, chế nhạo nó :

— Phải đấy ! Nếu phải là một sự thật, sau lệnh cấm của Đức Vua mà chính Ngài truyền ra, thì CHEY sẽ vào Triều thật đấy !

Nói xong không ai chú ý đến nó, bàn qua việc khác,

Sáng lại, đúng vào ngày lễ, Nhà Vua sai quan đến rước vị Sãi Cả. CHEY thức dậy sớm ngồi bên vệ đường mà vị Sãi Cả sắp đi qua. Khi Nhà sư đến gần, nó kính cẩn quỳ giữa đường thưa rằng :

— Xin Đại-dức dừng chân, tôi mới nghe một chuyện lạ khiến tôi nghi ngờ nên xin thưa với

Đại-đức đề Đại-đức tùy nghi ngâm nghĩ.

Vị Sãi Cả đứng lại nghe. CHEY lại gần nói nhỏ vào tai.

— Tóc của tôi đẹp như đuôi con công, còn cái đầu trọc của Đại-đức chỉ giống con... cò của tôi.

Vị Sãi cả thẹn đỏ mặt vì câu chưởi quá nặng lật đật đi thẳng vào Triều. Sau thời kinh khai mạc buổi lễ, Đại-đức thuật cho nhà Vua nghe việc vừa qua và tâu :

— Bần tăng xin Bệ hạ bắt thẳng xõ lá ấy đưa ra pháp luật trừng trị để đền bù sự nhục nhã của Bần tăng vừa gánh chịu và trừ tnyệt lỗi ăn nói xấu xược như thế.

Nhà Vua cũng tức mình vì lời nói khinh mạn, chấp thuận ý kiến của vị Sãi cả, cho lính gọi CHEY vào Triều lập tức. Trong lúc ấy, thẳng xõ lá xõ nhà Sư xong, đứng đĩnh đến phòng họp ngồi với bá quan. Giữa câu chuyện qua lại, nó nói :

— Tôi biết chắc thế nào Đức Vua cũng gọi tôi vào Triều Ngài không quên tôi đâu.

Các quan cười dài và giả vờ tin lời nói :

— Phải rồi ! Chốc nữa mầy sẽ vào Triều. Chúng tao tin chắc như vậy mà !

Ngay khi đó, tên lính vào phòng họp thấy CHEY liền gọi vào chầu Vua ngay, không được trề. CHEY liền nhìn các quan đàng tráo mắt nó :

— Tôi đã tiên đoán thế nào Đức Vua cũng không quên tôi và sẽ gọi tôi vào Triều kia mà. Vậy mà quý ông không chịu tin tôi nói đúng.

Nói xong, nó đi theo tên lính.

Nhà Vua nóng ruột ngồi chờ, vừa thấy nó liền hỏi ngay có phải nó nói những lời thô lỗ với vị Sãi cả hay không ?

CHEY tâu :

— Tâu Bệ hạ, quả đúng như vậy, nhưng không phải tôi có ý chưởi rủa nhà Sư bằng lời nói ấy. Đúng ra tôi chỉ muốn so sánh tình cảnh Đại-đức với tình của tôi vì lẽ Đại-đức được phép vào Triều còn tôi thì bị cấm. Vì thế tôi mới nói «Tóc của tôi đẹp như đuôi con công, còn cái đầu trọc của Đại-đức chỉ giống con cò của tôi».

Nhà Vua bèn nói với vị Sãi cả :

— Đại-đức có gì phải thẹn vì câu nói của thẳng CHEY. Nó chỉ so sánh tình cảnh của Đại-đức và của nó mà thôi.

Đoạn, Ngài đuổi CHEY :

— Lần sau nhà ngươi đừng vào đây nữa !

CHEY lạy từ nhà Vua, về nhà. Sau khi nó đi rồi nhà Vua mới nhớ lại lệnh cấm của mình vừa qua. Ngài thấy việc này quả là một mưu chước mà nó bày ra, và nghĩ thầm : «Quả thật không có ai đủ tài ăn nói qua thẳng quỷ quái này. Ta vừa cấm nó vào triều thì nó tìm ngay một phương pháp đến đây mà không bị tội lệ gì cả. Và nó đến thật.

Làm sao ta thắng được nó bằng mưu trí bây giờ ?

Sau một hồi suy nghĩ cẩn kễ, nhà Vua nhất định công bố cho mọi người biết ý định của mình và tuyên bố với bá quan :

— Từ đây về sau, trăm cấm thẳng CHEY không cho vào triều vì trăm hết sức chán ghét cái mặt của nó.

Đoạn, Ngài sai một viên thị vệ công bố chánh thức lệnh cấm này, nếu vi phạm sẽ bị tù đầy.

CHEY nghe tin, lẳng lặng làm thinh.

(còn tiếp)



▼ *Medice, cura te ipsum.*

Y sĩ, hãy tự chữa bệnh đi đã.

Ý NGHĨA : Trước khi khuyên bảo kẻ khác, hãy tự áp dụng trước cho mình.

Tục ngữ la tinh

GIẢI «NOBEL» KHOA HỌC:

Bệnh truyền nhiễm ?

●●● CHU-MINH-THỤY

CÁCH đây vài năm, một nhà bác học Thụy-điền tuyên bố với giọng khời hải rằng : phần thưởng Nobel là một thứ hình phạt thâm độc, mà người đồng hương với ông ta, Alfred Bernhard Nobel (1833 — 1896) đã phát minh ra cốt hại các nhà bác học. Quả đúng như lời nói ấy, các hãng thống kê cho biết «năng suất» của các vị đã từng lãnh giải, tụt xuống chỉ còn 2/3 của thời chưa được ghi tên vào bảng vàng đối với nước Mỹ. Còn nếu tính toàn thế giới, thì năng suất của các nhân-vật được giải mất 25%, đối với những nhà thông-thái dưới 50 tuổi. Còn trên 50 tuổi, thì năng suất của họ có thể giảm đi độ 49%. Chỉ có những người đã nổi danh

sâu, đã chiếm một vị trí vững chắc trong địa hạt của họ, mới không bị ảnh hưởng mà thôi.

Ngày nay, Viện Karolinska ở Stockholm lãnh nhiệm vụ nghiên cứu hồ-sơ và phát giải Nobel, ngành khoa-học, theo như ý muốn của người sáng lập ra nó.

Mặc dầu không được thừa nhận là đã phát minh ra chất ballistite (một hình thức thô sơ, chưa được hoàn bị của chất nổ nitroglycerine và cordite) nhưng nhờ biết khai thác kỹ nghệ làm cốt mìn (dynamite) và mỏ dầu lửa ở Bakou (Nga), Alfred Nobel đã trở nên giàu có, khiến về già, ân hận, ông đem cả gia tài ra cung hiến cho nơ-nhơn loại.

Nobel sống độc thân, và hình như không mấy ưa môn toán. Vì vậy, trong số các giải thưởng (vật lý, hóa học, sinh lý học, y-khoa, văn chương và hòa bình) người ta không thấy có giải dành cho toán học gia.

So với dân số, nước Pháp đứng hàng đầu (12 giải / 12 chia cho 19 bác-học, chưa kể 9 giải văn-chương) tức cứ 400.000 dân thì có một người được giải. Kế là Đan-mạch (1/632.000), Thụy-sĩ (1/754.000)... Trái với sự ước đoán, Đức chỉ có một tỷ lệ khiêm tốn (1/1.781.000). Mỹ càng kém hơn (1/3.415.000) và Nga chỉ được 3 giải (chia cho 5 người).

Như một bệnh truyền nhiễm.

Có điều người ta lấy làm lạ là, những người nhận giải đều hầu như có liên hệ với nhau, hoặc là thầy trò, hoặc là cùng làm việc trong một vùng nào đó. Sự kiện này được chứng minh rõ rệt nhất là trên đất Mỹ.

Năm trong số 24 tổ chức ở Mỹ-quốc có nơ-nhơn-viên được giải Nobel đã thâu tóm tất cả 33 giải trong số 61 mà Mỹ đoạt được,

cho tới năm 1960. Đó là các Đại học California, Harvard, Viện Caltech (California Institute of Technology), Viện Columbia và Rockefeller. Điều đáng chú ý nữa là, ngoại trừ Caltech và Đại học California, hầu hết các tổ-chức nói trên đều nằm ở miền Đông Bắc nước Mỹ, tức là nơi tập trung của kỹ nghệ nặng.

Các tổ chức có cộng sự viên được giải Nobel không hẳn là những nơi đào tạo ra nhiều bộ óc cho khoa học. Vì vậy, các tổ chức ấy chỉ là những trung tâm nghiên cứu tìm tòi chứ không phải là trường đại-học, chẳng hạn Viện Rockefeller, Phòng thí-nghiệm General Electric, Điện-thoại Bell, Dụng-cụ Beckman, v.v... Vậy có nghĩa là các trung-tâm nghiên cứu và các đại-học đều sản xuất ra những bộ óc lỗi lạc, và chính các phương tiện và tiền bạc dồi dào đã giúp cho mấy trung-âm ấy dễ đoạt giải.

Như người ta biết, rất nhiều trường đại-học ở Mỹ là tư. và nhuộm màu sắc tôn giáo. Trung bình trong 1.000 sinh-viên tốt-nghiệp thì có 6,4 trở nên bác-học, đối với các trường tín-lành. Còn với trường theo thiên-chúa

giáo, tỷ-lệ chỉ có 2,8/1.000 mà thôi. Lý do chánh là ở Mỹ, hầu hết dân chúng đều theo tin lành, nên các trường theo đạo ấy có tài-chánh dồi dào hơn trường theo thiên-chúa giáo.

Nhưng điều làm cho người ta kinh ngạc nhất là thường thường, người được giải Nobel «nhiệm» sang bạn bè, môn đệ cái hân hạnh ấy, như người ta lây bệnh khi cùng sống chung đụng với nhau.

Wilhelm Ostwald, nhà bác học Đức đã nhận giải năm 1909, có người học trò Mỹ tên Theodore W. Richards, cũng được giải năm 1914. Một người Đức khác, Nerst, nhận giải năm 1920, thì hai người học trò của ông, đều là người Mỹ, Irving Langmuir và Robert Millikan, cũng được giải (1923 và 1932), v.v... Cho tới mới đây, Delbruck, nhận giải trong năm 1969, cũng là học trò của Born và Bohr, từng được giải Nobel.

Để giải thích, người ta đưa ra 3 lý do:

1) các phòng thí-nghiệm và tổ-chức giàu có thường thu hút các bộ óc lỗi lạc, vì những nơi ấy trả tiền rộng rãi.

2) những chỗ ấy được trang bị phương tiện đầy đủ, tối tân, tiện cho sự làm việc.

3) các bộ óc siêu đẳng thường tku hút các bộ óc phi thường khác.

Nhưng người ta cũng đưa ra một nhận xét: có thể, sau khi trao giải, người ta lại chú ý tới cái nhóm mà nhóm vật ấy liên hệ. Giống như ở Pháp, hầu hết các giải văn-chương đều được cha cho đám «con cưng» của mấy nhà xuất bản lớn (1).

Người ta cũng lấy làm lạ về sự kiện Nga chỉ có 7 người đoạt giải trong suốt 60 năm. Và vài nhà bác học xứng đáng lại không được giải Nobel chiếu cố tới, như trường hợp J.W. Gibbs (có công với nhiệt động học), Ross Harri-son...

Sản xuất và nhập cảng.

Nếu trong ngành thể thao, người ta cấm đưa một đấu thủ ra tranh tài với quốc-tế, khi anh (hoặc chị) ta chưa có quốc tịch và sống đủ ba năm trên nước ấy, thì với giải Nobel, người ta tỏ ra vô cùng dễ dãi. Muốn đưa một người ra tranh giải, quốc gia X. chỉ cần chứng

minh công việc nghiên cứu của người ấy được thực hiện trên đất X. của mình mà thôi.

Vì vậy, mới có vấn đề «nhập cảng chất xám» tức là tìm cách lôi kéo những bộ óc lỗi lạc của nước ngoài về xứ mình.

Một số rất lớn những khoa học gia giựt giải Nobel về cho nước Mỹ đều có gốc gác ngoại quốc (như Stern là người Đức, Bloch người Bỉ, Rabi người Áo, Gianque người Gia-nã-đại, Waksman người Nga, Cournand người Pháp, Ochoa người Tây-ban-nha, Von Bekesy người Hung-gia-lợi...). Pháp cũng đoạt 2 giải nhờ Marie Curie (Ba-lan) và Metchnikoff (Nga). Một số bác-học khác, mặc dầu vẫn giữ quốc-tịch gốc, lại làm việc một phần lớn thời giờ trên đất ngoại quốc (như Alexis Carrel dân Pháp, Enrico Fermi dân Ý, trên đất Mỹ).

Làm cách nào để đào tạo nhân vật lỗi lạc, hòng đoạt giải Nobel? Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, khả năng sáng tạo của nhà bác học tùy thuộc vào cá tánh độc-lập của họ, mặc dầu có làm việc chung với người khác.

Tại Đức, tinh thần kỷ luật trong vấn đề học tập rất chặt chẽ, nhưng tổng số giải Nobel mà họ đoạt được cho tới năm 1962 (37 so với 64 1/3 của Mỹ) lại là một trong những con số lớn nhất. Như vậy có trái ngược với ý kiến nói trên không? Không, vì hệ thống dạy dỗ cứng rắn ấy chỉ áp dụng với mục đích hướng dẫn người thanh niên cho tới lúc hầu đủ khả năng bay nhảy.

Theo sự nhận xét của một giáo sư triết học chánh trị và xã-hội học ở đại học Columbia, Mc I er, thì sự tách rời giữa khoa học và văn-hóa như bản bắt đầu từ Darwin. Khoa học ngày nay là một nghề nghiệp riêng biệt, cần nhiều phương tiện lớn lao mới có hi-vọng tiến triển. Bất cứ một cuộc nghiên cứu hoặc thành công lớn lao nào đều cũng phải cần tới sự tài trợ của quốc gia hoặc đoàn thể. Nếu không, làm sao nhà bác học có thể thực hiện hoặc kiểm chứng các giả thuyết của mình? (chẳng hạn trong địa hạt nguyên tử).

Cho nên, dù Alfred B. Nobel có thiện chí, giao ước rõ ràng là những phần thưởng mang tên ông chỉ được trao tặng cho những phát minh xét ra đem lợi ích cho

nhơn loại, nhưng làm thế nào biết chắc sự phát minh A hay B có lợi hay có hại cho nhơn loại sau này ?

Vậy thì, giải Nobel chỉ là phần thưởng cho những gì siêu hạng. Khó mà « đạo đức hóa » khoa học được.

(Theo Science et Vit)

(1) Với nước Pháp, hầu hết các sinh hoạt lớn về văn nghệ, khoa học... đều nằm trong



phạm vi của thủ đô Paris. Vì vậy, hiện nay người ta có khuynh hướng phân tán các hoạt động đó trên toàn lãnh thổ Pháp.



Da Đen Làm Sao Trắng

Thí dụ : những dân tộc ở Bắc Phi, họ là những dân tộc da màu (đen) thì không làm sao cho trắng được.

Riêng dân tộc Việt Nam, vốn là dân tộc da vàng. Tuy nhiên, có những người vì phải xê dịch nhiều hoặc vì quá lam lũ làm ăn bị ánh nắng mặt trời thiêu đốt nên màu da đen sạm. Trường hợp này làm cho hết đen được, bằng cách : tuyệt đối ở trong mát 1 tháng, nắng tắm và kỳ rửa mặt bằng khăn nhám.

Ở các nước văn minh có bào chế thứ kem và phấn đặc biệt, dùng nó không bị nắng ăn chỉ hiếm giá rất đắt. Ở Việt Nam vừa sống chế được thứ kem và phấn vừa đề trang điểm vừa có công dụng chống nắng như vậy, nhưng giá trị thì rất bình dân. Đó là CRÈME THORAKAO.



NIÊN NAM

LỄ NGHINH ÔNG ở Vàm Láng, (Gò-Công)

□ □ □ □ □ □ □ □ □ □ ★ ★ ★ LAN

NHƯ mọi năm, lễ nghinh ông được tổ chức long trọng tại bờ biển Vàm Láng làng Kiềng Phước quận Hòa Tân tỉnh Gò Công. Cuộc lễ chính thức diễn ra lúc nửa đêm rằm tháng sáu.

Năm nay, từ hôm 13-6 à.1. Người ta đã rộn rịp chuẩn bị sửa soạn lại đền thờ Nam Hải

Đại Tướng Quân. Một đoàn mô tô bay đã đến dựng lều biểu diễn. Ngoài ra còn có các trò chơi như ném vòng vào cò chai rượu. Bắn súng bằng nút chai lấy tặng phẩm.

Ngày rằm tháng sáu (17-7 D.L). Trời mưa từ sáng đến chiều. Con đường duy nhất từ thành phố Gò Công đến Vàm

Láng lại không trắng nhựa. Mùa nắng thì đầy bụi, mưa đến con đường đầy đất bùn trơn trượt làm vài anh hùng honda «đo đường». Tại Vàm Láng những cậu trai biểu diễn tài lái xe chỉ làm quần áo các cô đầy bùn. Dĩ nhiên là có tiếng cầu nhau chửi rửa theo sau tiếng cười nghịch ngợm.

Vàm Láng là tên 1 xã nhỏ ở ven biển. Ngoài nghề đánh cá, người dân còn làm ruộng muối và trồng lúa. Cuộc sống ở đây rất sung túc. Qua bao nhiêu cuộc biến loạn, Vàm Láng cũng bị tàn phá như những vùng khác. Nhưng người dân ở đây không sờn lòng. Không bao giờ rời bỏ quê hương. Có lần Vàm Láng bị cháy khá nhiều. Như những lần khác ngư dân dựng vôi lại mái nhà, tạo một mảnh lười khác tiếp tục cuộc sống với biển cả. Mỗi lần ra khơi họ làm rằm khẩn nguyện «vái ông cho tôi được nhiều cá» «ông» ở đây là Nam Hải Đại Tướng Quân. Vua Gia-Long phong chức ấy cho cá voi lúc tàu vua vượt biển gặp sóng to. Một con cá voi đã nường theo tàu đờ sóng cho vua được an toàn.

Ngư phủ ở đây thành lập

một nghiệp đoàn lấy tên là Hội Ái Hữu Ngư Nghiệp và bầu một ban quản trị gồm có:

Hội trưởng
ông Phan văn Thảo
Phó hội trưởng
ông Trần văn Hết
Quản lý
ông Trần văn Ban
Tổng thư ký
ông Phạm văn Danh
Thủ quỹ
Trần văn Ngà

ngoài ra còn có nhiều đoàn thể khác tham dự.

Trong hội trường của hội ái hữu ngư nghiệp ông quản lý Trần văn Ban có cho tôi biết. Đèn này thờ Nam Hải Đại Tướng Quân được cất tại Vàm Láng năm 1932 do những ngư phủ chung tiền. Sau ngày đình chiến 1955 ban quản trị hội ái hữu ngư nghiệp đã tu sửa lại và «nhà khói» được mang tên là «Hội trường».

Đèn này thờ xương cá voi vì sùng kính gọi là «ông» hay cá ông. Theo tục lệ ở đây mỗi lần cá voi chết, ngư phủ gọi là «ông lụy» người nào thấy trước phải chịu tang 3 năm. Người ta bao đấng chổ cá chết chờ

cho thịt cá sinh rửa, lấy xương xấp vô quách đem về đèn thờ. Hiện nay trong đèn có trên 10 bộ xương đựng trong những quách lớn nhỏ tùy theo kích thước cá. Tất cả đều sơn màu đỏ. Trên bàn thờ có chưng hoa quả, bánh trái, nhang đèn. Dưới chân bàn thờ có một xương đầu cá đao dài hơn 1 m rộng khoảng gang tay màu xám đục 2 bên có những răng nhọn trông hơi giống lưỡi cưa. Ngư dân cho rằng cá đao đi trước hộ vệ cá voi. Bên trong có bàn thờ sắc thần. Mỗi bên bàn thờ ông có 2 bàn thờ nhỏ thờ tả ban và hữu ban.

8 giờ sáng ngày rằm tháng 6 có cuộc thỉnh sắc thần từ đình làng Kiềng Phước về đền Nam Hải Đại Tướng Quân còn gọi là lăng ông. Đi đầu là một đoàn múa lân, tiếp đến là sắc t'ần phủ vải đỏ và một đoàn người gồm những viên chức, ban quản trị của nghiệp đoàn. 10 giờ thì đoàn rước về đến đền. Một ban hát bội từ bến đình ở Vũng Tàu cũng được rước đến để hát cúng Ông. Tôi thấy có loại nhang hình xoắn ốc rất lớn treo ở bàn thờ ông, người ta bảo rằng cháy

đến nửa tháng. Tả hữu ban 2 bên thì nhang nhỏ hơn. Trước bàn thờ là võ ca nơi để hát cúng. Cảnh trí trong đền thật trang nghiêm nhưng không kém phần rục rở. Vào đền đi bằng cửa hông, không có cửa chính dù ở trước đền có một cột cờ với 2 chữ Tô Quốc.

Cuộc giải trí bắt đầu từ 10 giờ trước tiên là leo cột mờ, đi cần vọt, đua xuống, thả vịt, chiều u, múa lân, đua honda chậm, đua xe đạp chậm, úi bột, cần hột vịt. Thấy tôi ngạc nhiên ông quản lý giải nghĩa từng cuộc chơi.

8 giờ tối có làm chay và có một giàn thí đề tưởng niệm những vị chiến sĩ anh hùng đã hy sinh. Giàn cao 3 m có khoảng 20 cò bánh do ngư dân làm, ngoài ra còn có vàng bạc, trái cây... và một hình ông tiêu bằng giấy. Ban quản trị cho biết đã tốn 1.500đ về hình ông tiêu. Cuộc đốt giàn bắt đầu từ lúc 12 giờ đêm, khi vị hòa thượng vừa cúng xong, những đứa trẻ xúm lại giành đồ nên còn gọi là giựt giàn.

Ngay lúc 12 giờ đêm nước lớn đầy biển. Cuộc lễ nghinh



Cổng đền thờ Nam Hải Đại Tướng Quân (cá Ông)

Ông bắt đầu. Một chiếc tàu đánh cá lớn nhất được trang bị làm tàu nghinh ông kết đèn hoa, trang hoàng lộng lẫy. Người ta mang lên tàu những lễ vật cúng tế. Những ngư phủ cúng ngay trên thuyền của họ, có người làm lễ ở nhà. Đoàn múa lân, hát bội, trò lễ cũng được nước lên tàu. Chiếc tàu ra khơi rất chậm. Một đoàn ghe tàu hộ tống theo sau.

Ngày xưa lúc thái bình nhất là lúc biển êm đoàn tàu ấy đi mãi đến khi thấy 2 vòi nước từ mặt biển vọt lên. Ngư phủ gọi là «ông lên dọi». Nghĩa là ông đã chứng kiến lòng tin của họ. Sẽ phù hộ cho họ được nhiều cá trong mỗi lần họ ra khơi. Theo tôi được biết hiện tượng «ông lên dọi» là lúc cá voi trời đầu lên mặt biển thở khịt nước ra.

Đoàn tàu đi tới 4000m là bắt đầu cuộc lễ ở giữa biển. Trống chiêng vang lên, lân nhào lộn, trò lễ «xướng» hát bội «thài». Tiếng trống, tiếng chuông, tiếng người tạo thành một âm thanh phức tạp nhưng không kém phần uy nghiêm cả một vùng ồn ào, sáng rực khuấy động mặt biển đêm.

Năm nay biển êm nhưng không có «ông lên dọi». Những chiếc ghe nhỏ thì tài lượn sóng có 2 chiếc chạm vào nhau và 5 người rơi xuống biển nhưng không có ai thiệt mạng cả.

Sau đó tàu nghinh ông quay trở về lãng lúc 1 giờ 30. Lễ nghinh ông còn gọi là lễ tế Nam Hải Đại Tướng Quân, cuộc lễ kéo dài đến 3 ngày. 2 ngày hôm sau đoàn hát bội

sẽ dẫn 4 tuồng để cúng ông.

Ngày 18-6 Á.L. (20-7 D.L) sẽ đưa sắc thần về đình làng Kiềng Phước. Những quách đựng xương cá voi để luôn ở đền thờ.

Trên đường về tôi thấy có những biểu ngữ đại khái dân Vàm Láng sống nhờ oai đức của Nam Hải Đại Tướng Quân. Lòng tin của ngư phủ thật không lường được. Nói chuyện với họ phải đề dặt đề tránh những đụng chạm tư tưởng.

Tiền chân tôi ban quản trị cho biết năm nay người ta dự lễ đông và vui hơn năm rồi dù mưa suốt ngày.

Miền duyên hải
cuối hè 70

★ **Major e longinquo reverentia.**

Sự xa cách làm tăng uy thế.

Ý NGHĨA : Phật nhà không thiêng bằng hộ pháp ở xa.

TACITE
(Annales)

THƠ VÀ THƠ-MỚI

trong văn chương Trung - Quốc

□□□ NGUYỄN-QUANG-TÔ

THƠ LÀ GÌ ?

TỪ ngàn xưa tại Trung-Quốc đã có một định nghĩa gần như truyền thống : «Thơ là nói cái chí» (Thi ngôn chí) *Chí* là những tình cảm, tư-duy, tiềm tàng uẩn súc trong cõi lòng, khi phát ra thanh âm, văn tự là Thơ, cho nên mới nói «Thơ là tiếng nói của cõi lòng» (thi giả tâm chi thanh dã).

Đối với các thể văn khác, thơ có một hình thức cá biệt hơn, bao gồm yếu tố thanh âm, tiết điệu, nhất là vần.

Cũng giống như ở Việt-Nam, gần đây ở Trung-Quốc cũng có

người đề xướng lên loại thơ không cần gieo vần : họ vịn lấy ước lệ Bland verse của tây phương làm khuôn mẫu. Thiệt ra họ đã lầm, thơ Tây phương không bắt buộc phải gieo vần như thơ Đường luật, nhưng cũng phải có công thức, ước lệ của nó.

Đã là Thơ nhất định phải có vần. Chương-thái-Viem một Thi hào cận đại có nói : «Thơ nhất định phải có vần, cũng như ông Sư nhất định không có vợ, Thơ không có vần thì không phải là Thơ, ông sư có vợ thì không phải là ông Sư».

Cần-Quy Tiên-sinh, một học giả Trung-quốc khác cũng nói :

«Ông Sư có vợ thì phải gọi là Cư-sĩ, thơ không có vần thì phải nói là Tán-văn hay gì gì cũng thế... Nhưng đoạn văn đề không ai có quyền bảo nó là «THƠ» được.

Thơ là một thể văn dùng ít chữ, nhưng cũng gồm đủ 4 công dụng : «Ngôn tình, Thuyết lý, Tự sự, Tả vật» như bất cứ thể văn nào. Ngoài ra Thơ với bản thể âm thanh, tiết điệu của nó, nên nó có một ma lực truyền cảm, quyến rũ con người hơn hẳn các thể văn khác. Cho nên Thơ cũng là một công cụ tuyên truyền cho chính trị rất lợi hại.

Vì thế cho nên có người đã nói rằng : THƠ Là tinh hoa của văn học nghệ-thuật; đồng thời cũng là một lợi khí của chính-trị.

Trong bài khảo luận này, tại sao chúng tôi lại đặt đề mục «THƠ» và «THƠ MỚI» mà không nói : «THƠ CŨ» và «THƠ MỚI».

Vì chúng tôi nghĩ rằng : cũ và mới chỉ là vấn đề thời gian, cái gì hôm nay chúng ta gọi là mới, sau này tất nhiên nó phải cũ. Nếu như chúng ta bảo rằng, những lời thơ BẠCH THOẠI, thơ ẤU

HÓA & Trung-Quốc bây giờ là thơ mới, thì sau đây lại có người phát minh những lời thơ khác nữa, rồi sẽ gọi là thơ gì ?, không lẽ phải dùng tiếng «Thơ mới mới».

Với tính chất biến dịch của thi văn, mà từ nội dung tới hình thức của nó đều mang nặng thời đại tính, bối cảnh tính. Chúng ta đang được chứng kiến một giai đoạn lịch sử nước Trung-Quốc vĩ đại đã chuyển mình mãnh liệt, tất cả đều đã đổi mới. Lẽ dĩ nhiên văn-hóa nói chung, thi văn nói riêng không thể không cùng đổi mới theo.

Tuy nhiên chúng ta cũng cần có một thái độ sáng-suốt, tinh táo đề thấu-triệt những cái hay và cái dở nằm trong cái cũ và cái mới vì lẽ dĩ nhiên chúng ta không thể bảo tất cả những cái cũ là dở hết, cũng như không thể nói tất cả những cái mới là hay, là tốt hết. Mới cũ, dở hay.. tất cả chỉ là tương đối.

THI CA TRONG VĂN HỌC SỬ TRUNG-QUỐC

A) TỨ-NGÔN; Câu bốn chữ.

Thể thơ này phát-nguyên từ

bài «Cai hạ ca». Nhưng bình thức xác thơ ấy được công nhận từ lúc nào? Có người quả quyết rằng: từ «Nhạc chương» đời Hán Vũ Đế đã được mọi người công nhận, tới đời Đường vẫn theo thể thơ ấy, nhưng lại đổi tên là «tân nhạc phủ» xuống đời Tống lại đổi là «Tứ nguyên khúc». Về quy luật thơ chỉ thay đổi đôi chút mà thôi.

d) Ngũ cổ

Các cụ Đồ Nho ta ngày xưa thường gọi là «Ngũ Ngôn Cổ Phong»

Thể thơ này do ai chủ-xướng đầu tiên? từ lúc nào?

Các nhà nghiên-cứu Văn-học sử Trung-Quốc, có kẻ cho rằng phát-nguyên từ đời Tây-Hán, lại có kẻ bảo từ đời Đông-Hán. Nhưng cả hai đều không trưng ra được một bằng cứ nào đáng kể cả. Lại cũng có người nói: Thể thơ Ngũ cổ này khởi doan từ Lý-Lãng, Tô-Vũ; lại cũng có kẻ nói: khởi doan từ Trác-vân-Quân, Ban-tiếp-Dư.

Có người viện ra những câu

«đồng dao» trong Hán-thư để làm căn-cứ mà cho rằng: Thể thơ này phát-nguyên từ đời Hán. Nhưng tất cả đều chỉ là những ước đoán mà thôi!

Mặt khác, khi đề-cập tới, thể thơ Ngũ cổ này, chúng ta không thể không nói tới 19 bài thơ «Cổ thập cửu thủ». 19 bài thơ này, theo các nhà nghiên-cứu Văn-học sử Trung-Quốc hiện-đại nhận-xét, thì là của nhiều người và nhiều thời-kỳ, triều-đại. Nhưng cho tới nay chưa ai biết được tên các tác-giả, tên các triều-đại đó. Vì hiện nay chưa ai tìm được chứng-tích cụ-thể.

Nhà học-giả Từ-Lãng cho rằng: 19 bài thơ ấy có một bài của ông Mai-Thặng. Ông Lưu Hiệp cũng nói: bài «nhiệm nhi sinh cô hành» của ông Phó-Nghị. Nhưng vì chưa có chứng-tích, cho nên hai giả-thuyết trên, cũng còn là vấn-đề huyền-nghi.

Bộ sách «Chiêu minh văn-tuyển» (không ghi rõ tác-giả) thì cho rằng: Ngũ Cổ (Ngũ ngôn Cổ phong) là một thể thơ mà văn-học nghệ-thuật Trung-Quốc đã biến-thể và tiến một bước tiến

tệm, cũng như thể thức viết chữ; từ «Trận» sang «Lễ»; từ «Lễ» sang «Chân»; từ «Chân» hóa «Thảo» vậy.

Nhà học-giả Vương-ngư-Dương cũng nói: «Sau Phong. Nhã của Kinh-Thi là Sở-từ, sau Sở-từ là Thập-cửu thủ (19 bài thơ), đó là một sự tiến-hóa chung của phong hóa và vận hội, chứ không phải do ai, nhờ ai mà có» (Phong, nhà hậu hữu Sở-từ, Sở-từ hậu hữu thập cửu thủ, phong hội biến thiên, phi duyêo nhân-lực). Qua câu này, ta thấy Vương học giả đã muốn đưa ra quan niệm tất định về tiến hóa của văn-học sử, mà không chú trương tra cứu tác giả của 19 bài thơ. Trong khi đó cũng có quan điểm tương tự với các học giả đã trình bày ở trên Trương-Tiêu-Đình tiên-sinh lại chủ trương: «Ngũ ngôn cổ phong phát nguyên từ đời Lương Hán, rồi sang Ngụy, toàn thịnh vào Lương Tấn, sang Lương Trần thì thoái trào, từ đó xuống dốc mãi».

(Ngũ cổ chi hưng nguyên ư lương Hán, chí ư Ngụy, uông dương hồ lương Tấn, hốn trọc hồ lương Trần, phong tư hạ hỹ).

Tóm lại về xuất xứ thơ Ngũ cổ, các nhà học giả-Trung-quốc đã có khá nhiều ý kiến dị đồng.

Có điều, nếu kẻ khảo vào hiện đại, chúng ta thấy rằng: Thơ ngũ ngôn cổ phong ra đời ở Trung-Quốc vào khoảng trước và sau công nguyên lối hai trăm năm, với những tác phẩm đầu tiên của Mai-Thặng, Tào-Thực, Vương-Xán, Từ-Cán, Lưu-Trình, Nguyễn-Tịch, rồi Đào-Tiêm...

Những thi nhân đại tài qua nhiều triều đại ở Trung-Quốc đã xây dựng nên cảnh nền vinh cho sinh hoạt văn hóa của nước họ, một nước mà tác giả và tác phẩm, chất lượng cũng như số lượng văn nghệ phẩm đứng đầu thế giới.

(a) Kinh thi gồm 3 phần: Quốc phong (tức như ca dao Việt Nam), Nhã (gồm Đại Nhã và Tiểu Nhã, và Tung.

(còn nữa)

* * * * *

HỒ-XUÂN-HƯƠNG

* * * * *

Một nữ Thi-sĩ tài-hoa nhất của
Lịch-sử nhân-loại, sau Sapho

* NGUYỄN-VỸ

XV. — Hồ-Xuân-Hương, nhà Thơ Việt nam đầu tiên thuần túy của tiếng Việt

(Tiếp theo P.T. 250)

CÓ nhiều người gọi Hồ-xuân-Hương là «Bà Chúa Thơ Nôm». Tôi e rằng sự gán chiếu bài đó cho nữ Thi-hào Xuân Hương có thể bị hiểu như là một lối ca tụng chưa thật xứng đáng với tài-hoa siêu-việt của bà. Bởi danh từ

«Thơ Nôm» là một mặc cảm sai lầm ngu xuẩn của thời kỳ Hán học.

Hồ-xuân-Hương đã vượt quá cao lên trên thành kiến Thơ Nôm. Bà là Nhà Thơ Việt-Nam thuần-túy, Nhà Thơ Việt Nam chân-chính, duy-

nất, độc đáo, không những của thế kỷ XVIII, XIX, mà của tất cả các thời đại văn-học trước Bà.

Chức vị «Bà Chúa Thơ Nôm» chẳng có nghĩa lý gì khi Hồ xuân Hương đã thực sự là Thân-Bút của Thơ Việt - Nam, nói Việt-Nam, suy tư Việt-Nam, viết Việt-Nam.

Tiếng thơ của Hồ-xuân-Hương không phải bắt nguồn từ Hán, từ Đường, từ Tống, không phải cấu tạo trong cái lò Hán học, Nho học. Tiếng thơ của Hồ-xuân-Hương phát xuất ra thuần thành từ trong tim, trong máu của Dân tộc Việt-Nam, trong Linh-hồn của Dân tộc Việt-Nam, trong tâm đề sáng ngời và thiêng liêng của Nòi giống Rồng Vàng, trong Tinh-Hoa nhiệm màu của Đất Nước.

Từ Lê - Thánh - Tôn đến Nguyễn-Du, Thơ Việt-Nam mang nặng cả một khối xiềng-xích của Hán học, lệ thuộc vào Đường, vào Tống, cả ngoài cú-pháp, cả trong tư tưởng.

Hồ xuân-Hương đập đổ

tất cả, bẻ gãy tất cả, đá phá tất cả.

Một mình, bất chấp mọi nghi lễ, nàng xây dựng cương vị riêng biệt của Thơ Việt Nam, của Tư-tưởng Việt-Nam, bằng tiếng Việt Nam.

Cho nên, nàng mắng vào mặt Không-Giáo, nàng cười vào mũi Phật-Giáo. Và chỉ một mình nàng, giữa cả mấy thế kỷ Nho, Tăng, một mình Hồ-xuân-Hương, ngạo nghễ vùng lên, đứng dậy, cười sặc sụa, tiếng cười kiêu-hãnh, tế-nhị, sâu sắc, của giòng giống Việt Nam.

Với những kẻ «hiền nhân quân tử» khemệ như Nguyễn Du, tâm thương như Nguyễn-Bình-Khiêm, vụng về như Bà Huyện Thanh Quan, Không tử là Thánh, Lão-tử là Tiên, Thái-Bạch là Thần. Nhưng khi Hồ-xuân-Hương xuất hiện trên đất Thăng Long, tất cả những thần tượng ngoại lai ấy đều *trái gió, lộn lèo!*

Khiếp! Có con gái mặt đỏ của Dân tộc Việt-Nam dám cười bọn «Hiền nhân», «văn nhân» «quân tử» học trò

Phong kiến của Nho-giáo chỉ như đồ tục tĩu. Cả bọn Tăng Ni giả dối, đồ đệ các chùa chiền, chỉ biết lẫn hột «đếm lại đeo».

Với một bản-linh cao cường thêm một nét trời duyên dáng và cay chua, Thi-hào độc nhất Hồ-xuân-Hương đã sử dụng một tiếng Việt sắc bén, một tiếng Việt thâm trầm, một tiếng Việt dồi dào khéo léo, để đập tan nát những gì không phải Việt Nam, không phải thuần-túy tinh-hoa của Việt-Nam.

Và Hồ-xuân-Hương đã hoàn

thành công việc liêu-linh, và vĩ đại ấy đồng thời với Quang Trung Hoàng-đế, người anh họ của cô.

Cũng như lưới gươm của (Hồ-phi) Nguyễn-Huệ, Hồ-xuân-Hương đã đập nát khuôn khổ thành kiến của không gian thời gian suốt nhìn năm đô hộ của Văn-hóa Tàu và văn-tự Tàu. Ngòi bút của cô đã khôi phục lại di sản và uy quyền uy thế của Tiếng Việt Nam, của Thơ Việt Nam, của Tinh-thần Việt Nam.

(Còn nữa)



● **A hungry man, an angry man.**

Khi đói, người ta không cần biết phải trái.

Tục ngữ Anh

THƠ Lên RƯỚC



● **Sàigòn động cởn**

Sàigòn ăn, chơi, nháy, phê phờn,
Giống cô gái diên hay dú đờn,
Lâu lâu la hét, múa, ôm sòm
Chừng như ngựa-ngáy ưa động cởn !

★

Mấy ông Sài Miên thường lang-thang
Chân không, đầu trần, khoát y vàng,
Bổng dưng kéo tới Dinh Độc-lập
Ba bốn chục ông ngồi sắp hàng,

★

Đòi được coi như dân thiểu số
Không muốn văn-minh, muốn đóng khổ
Xin thẻ kiểm-tra Việt gốc Miên,
Mà thích sống theo Mừng, Mán, Thở

★

Rời khi Xia-Núc bị ra rìa,
Miên-quốc đổi tên Kam-pu-chia
Mấy ông Sài Miên về chùa ngủ,

Xuống đường... tranh đấu .. hãy còn khuya !

★

Rồi đến mấy ông Linh Thương Phế,
Ông thì cụt tay, ông mất vẽ.
Nặng thép biểu dương khắp phố phường,
Quyền sống hoan hô ! Ai cũng nể.

★

Mấy ông hợp báo, đọc tuyên ngôn,
Xuống đường, dựng cột, cắt nhà tôn,
Dân cày có ruộng, ông có đất,
Cảnh sát ngo-ngoe, hãy liệu hồn.

★

Các ông hăm he nghe dữ-dội :
«San bằng bắt công của xã hội ! »
Khiến bọn chánh khứa càng mại đồ
Phen này điều lên như gió thổi

★

Các ông vác gậy múa phát phơ
Cảnh sát co ro chạy có cờ
Đường phố kẹt xe, người nghẹt thở,
Nhưng rồi đầu đấy lại êm rơ !

★

Rồi đến sinh viên .. cũng ăn có
Lời kéo xuống đường, chạy la ó

Hò hét «Hòa-bình» loạn xà ngầu,
Quyết nhuộm màu vàng ra màu đỏ.

★

Cậu, cô, hăng máu quyết gan lì,
Xúi dục khóa sinh đừng đi thi,
Kêu gọi thanh niên đừng đi lính,
Tung hoành đường phố hét ra uy.

★

Dân chúng trầm lặng, đứng yên ngó
Đa số xăm xì, người chỉ chỏ,
Xem đám hung-hăng đi đến đâu
Nhưng rồi cũng thấy đầu vào đó !

★

Sàigòn ăn, chơi, nhậu phè phởn.
Hippy, honda, cứ dú đờn.
Nhạc Soul, a go-go, lựu đạn cay,
Giống cô gái diên ưa động cõn !

DIỆU HUYỀN

DECAPAN

*Thuốc thoa. Chuyên trị
các bệnh ngoài da.*

trị: **ỈA CHẠY - NHIỄM ĐỘC**
Ở RUỘT

KIẾT - LỢI CÓ ĐÂM MAU

Dùng thuốc

TANIGELAMIDE

Thuốc viên cho người lớn
Thuốc bột cho trẻ em.

*Hợp với
người lớn
trẻ em*



BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

206c/BYT/17-8-57

NƯỚC NGỌT

"CON CỌP"



**Ở mọi nơi,
Thôn quê,
Thành thị.**

*Nước ngọt Con Cọp
ở đâu,
Đấy là Khỏe Mạnh,
Sống lâu, Yên Đồi.*

Brasseries et Glacières
de l'Indochine
6, Hai-Bà-Trung, Saigon Tél: 20.311

Nhà hàng Đại-La-Thiên

Điện-thoại số. 26.898

31 — 33 đường Lãng-Ông CHOLON

- Đặc biệt các món ăn Tiều
- ★ Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo; bồi giỏi và lễ phép
- ★ Có máy điều hòa không khí

Ở lâu 3 lộ-thiên có không khí thiên-nhiên
trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

Gần đến kinh kỳ, Bản thân đã dượt hay là đang hành
kinh mà đau bụng, uống **Lối Công Hoàn « Ông Tiên »**. Các tiệm
thuốc Bắc có bán lẻ. **Nhà thuốc Ông-Tiên Phú-Lâm Cholon.**
K.N.BYT. số 9.5-63

Phong ngứa Ghẻ chốc, lở loét, gãi tới đâu ăn lan tới
đó không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà hết. Uống **Giải
phong Sát-Độc-Hoàn « Ông Tiên »** Trên 30 năm danh
tiếng. Có bán lẻ ở các tiệm thuốc Bắc.

Nhà thuốc Ông Tiên Phú-Lâm, Cholon
(K.N, BY. số 3 — 9-5-63)

Giấy phép số 292 CDVTTIND ngày 9-10-1961

Chủ-nhiệm : **NGUYỄN-VỸ**

In tại nhà in riêng của **PHỒ-THÔNG**

231, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Đ.T. : 25.861

GIÁ : 50 đ

Công sở : gấp đôi